

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

Đỗ Quỳnh Anh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC NÓI
TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE, MÔN TIẾNG VIỆT 4, 5

Mã sinh viên: 2652020533

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

Đỗ Quỳnh Anh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC NÓI
TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE, MÔN TIẾNG VIỆT 4, 5

Mã sinh viên: 2652020533

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. Đỗ Hồng Lĩnh

NINH BÌNH, 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan kết quả nghiên cứu đề tài: **“Một số biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5”** là kết quả nghiên cứu của chính bản thân tôi dưới sự hướng dẫn của ThS. Đỗ Hồng Lĩnh. Tất cả các tài liệu tham khảo đều có xuất xứ rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm cho lời cam đoan của mình.

Ninh Bình, ngày 26 tháng 05 năm 2026

Người thực hiện

Đỗ Quỳnh Anh

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài: “**Một số biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt lớp 4, 5**” là công trình nghiên cứu của sinh viên Đỗ Quỳnh Anh, nội dung trong đề tài chưa công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Ninh Bình, ngày 26 tháng 05 năm 2026

Người hướng dẫn

ThS. Đỗ Hồng Lĩnh

BẢNG KÍ HIỆU VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
KNTTVCS	Kết nối tri thức với cuộc sống
Nxb	Nhà xuất bản
PPDH	Phương pháp dạy học
PTNL	Phát triển năng lực
SGK	Sách giáo khoa
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

DANH MỤC CÁC BẢNG

STT	Tên	Nội dung	Trang
1	Bảng 1.1	YCCĐ về năng lực nói đối với HS lớp 4, 5	12
2	Bảng 1.2	Bảng thống kê thời lượng dạy học Nói và nghe	15
3	Bảng 1.3	Bảng thống kê nội dung dạy học Nói và nghe lớp 4, 5	16
4	Bảng 1.4	Thống kê phạm vi và số lượng khảo sát GV tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	24
5	Bảng 1.5	Thống kê phạm vi và số lượng khảo sát HS tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	24
6	Bảng 1.6	Tỉ lệ GV đánh giá ý nghĩa của kĩ năng xác định mục đích nói trước khi trình bày trong việc dạy học Nói và nghe	30
7	Bảng 1.7	Tỉ lệ hạn chế của HS lớp 4, 5 về năng lực nói	31
8	Bảng 1.8	Thống kê lí do HS hứng thú đối với giờ học Nói và nghe	33
9	Bảng 1.9	Thống kê lí do HS không hứng thú đối với giờ học Nói và nghe	33
10	Bảng 1.10	Thống kê số lượng và tỉ lệ điểm bài kiểm tra nói	36
11	Bảng 1.11	Thống kê số lượng và tỉ lệ điểm bài kiểm tra nói của từng lớp	36
12	Bảng 1.12	Thống kê số lượng và tỉ lệ HS đáp ứng các mức độ nội dung đánh giá bài kiểm tra nói	38
13	Bảng 2.2.4.1	Tiêu chí đánh giá năng lực nói của HS trong hoạt động Nói và nghe	97
13	Bảng 2.2.4.2	Tiêu chí đánh giá năng lực nói của bài Nói và nghe: “Tôi và bạn”	101

14	Bảng 2.2.4.3	Tiêu chí đánh giá năng lực nói của bài Nói và nghe: “Truyền thống Uống nước nhớ nguồn”	105
15	Bảng 2.2.4.4	Tiêu chí đánh giá năng lực nói của bài Nói và nghe: “Những ý kiến khác biệt”	110

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

STT	Tên	Nội dung	Trang
1	Biểu đồ 1.1	Tỉ lệ HS lớp 4, 5 đạt được các kĩ năng quan trọng trong hoạt động Nói và nghe	28
2	Biểu đồ 1.2	Tỉ lệ các yếu tố giúp GV đánh giá bài nói của HS lớp 4, 5	30
3	Biểu đồ 1.3	Tỉ lệ HS hứng thú đối với giờ học Nói và nghe	32
4	Biểu đồ 1.4	Thống kê số lượng và tỉ lệ điểm bài kiểm tra nói	36
5	Biểu đồ 1.5	Tỉ lệ điểm bài kiểm tra nói của từng khối	37
6	Biểu đồ 1.6	Biểu đồ biểu diễn số lượng và tỉ lệ HS đáp ứng các mức độ nội dung đánh giá bài kiểm tra nói	40

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

STT	Tên	Nội dung	Trang
1	Sơ đồ 2.1	Quy trình xây dựng và tổ chức hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng và phát triển năng lực nói của học sinh	49
2	Sơ đồ 2.2	Quy trình xây dựng và tổ chức tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm kích thích nhu cầu và hứng thú nói của HS	62
3	Sơ đồ 2.3	Quy trình xây dựng và tổ chức các hoạt động phát triển tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS	80
4	Sơ đồ 2.4	Quy trình xây dựng và tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói	96

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu	7
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI	9
1.1. Cơ sở lý luận	9
1.1.1. Năng lực và vấn đề phát triển năng lực cho học sinh tiểu học.....	9
1.1.2. Năng lực nói và những yêu cầu cần đạt về năng lực nói của học sinh lớp 4, 5.....	11
1.1.3. Nội dung dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5	13
1.1.4. Đặc điểm của học sinh lớp 4, 5 chi phối đến việc phát triển năng lực nói	18
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	23
1.2.1. Khái quát về quá trình khảo sát năng lực nói của học sinh lớp 4, 5 và việc sử dụng các biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	23
1.2.2. Phân tích kết quả và đánh giá thực trạng.....	26
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	43
Chương 2: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC NÓI TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE, MÔN TIẾNG VIỆT 4, 5	44
2.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5.....	44
2.1.1. Đảm bảo mục tiêu và nội dung dạy học Nói và nghe cho học sinh lớp 4, 5...44	
2.1.2. Đảm bảo phát huy vai trò tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh	45
2.1.3. Đảm bảo tính hệ thống.....	46
2.1.4. Đảm bảo tính khả thi	46
2.2. Biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5..47	

2.2.1. Xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng và phát triển năng lực nói của học sinh.....	47
2.2.2. Tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm kích thích nhu cầu và hứng thú nói của học sinh	61
2.2.3. Phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của học sinh	79
2.2.4. Tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói	94
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	113
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	114
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	116
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Thực hiện yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Chương trình Giáo dục phổ thông (CT GDPT) tổng thể 2018 được thiết kế với mục tiêu cốt lõi là hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho HS. Trong đó, môn Tiếng Việt bậc tiểu học xác định mục tiêu nhằm giúp HS hình thành và PTNL ngôn ngữ, năng lực văn học, cùng các phẩm chất và năng lực chung thông qua hoạt động sử dụng tiếng Việt trong học tập và giao tiếp hằng ngày. Về năng lực ngôn ngữ, môn Tiếng Việt học giúp HS phát triển tất cả các kĩ năng Đọc, Viết, Nói và Nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói. Như vậy, Đọc, Viết, Nói và Nghe là những năng lực ngôn ngữ cốt lõi, cần ưu tiên bồi dưỡng ngay từ bậc tiểu học. Việc PTNL này không chỉ tạo cơ sở để HS học tốt các môn học khác mà còn giúp các em tự tin hơn trong giao tiếp và trong quá trình học tập.

Nói là kĩ năng quan trọng ghi nhận khả năng làm chủ một ngôn ngữ của mỗi người. Trong CTGDPT môn Ngữ văn, YCCĐ về kĩ năng nói là *“trình bày để hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng các cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách rõ ràng câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói đến; biết thuyết minh về một đối tượng hay quy trình đơn giản”* [2]. Việc nâng cao năng lực nói cho HS tiểu học có ý nghĩa thiết thực trong đời sống học đường và giao tiếp xã hội. Đây là nền tảng để HS tự tin tham gia vào các hoạt động học tập, hợp tác, đồng thời góp phần PTNL ngôn ngữ toàn diện. Bên cạnh đó, việc rèn luyện kĩ năng nói còn giúp HS hình thành những phẩm chất, kĩ năng cần thiết cho quá trình học tập cũng như đời sống hằng ngày.

Đặc biệt, đối với HS lớp 4, 5, vốn từ vựng và khả năng tư duy logic đã phát triển hơn so với các lớp dưới. Các em bắt đầu biết diễn đạt ý kiến cá nhân rõ ràng, mạch lạc hơn và có nhu cầu giao tiếp, chia sẻ trong tập thể. Do đó, đây là giai đoạn đặc biệt thích hợp để rèn luyện và phát triển kỹ năng nói, giúp HS tự tin hơn trong học tập cũng như trong giao tiếp hằng ngày. Chương trình môn Ngữ văn ở giai đoạn này cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về hoạt động nói, đòi hỏi HS biết trình bày ý kiến mạch lạc, sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh, tham gia thảo luận, nêu và bảo vệ quan điểm của mình nhưng vẫn tôn trọng ý kiến người khác.

Trong quá trình học tập tại Trường Đại học Hoa Lư và tham gia thực tập, thực tế tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, chúng tôi đã có cơ hội được

tìm hiểu, dự giờ các giờ dạy Nói và nghe, đồng thời quan sát hoạt động nói của HS trong môi trường học tập. Chúng tôi nhận thấy, mặc dù việc rèn luyện và nâng cao năng lực nói cho HS tiểu học luôn được chú trọng ở tất cả các giờ dạy Tiếng Việt nhưng vẫn còn hiện tượng HS chưa tự tin trong giao tiếp, diễn đạt chưa trôi chảy, vốn từ còn hạn chế, thể hiện suy nghĩ bằng lời nói chưa thật sự hiệu quả... Đồng thời, GV cũng gặp những khó khăn trong việc rèn luyện kỹ năng nói cho HS.

Từ những lí do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu: ***“Một số biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5”***.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu trên thế giới

Trên thế giới, việc phát triển và rèn luyện năng lực nói cho trẻ em được các nhà giáo dục học và ngôn ngữ học quan tâm từ rất sớm. Ở nhiều quốc gia, những công trình nghiên cứu đã khẳng định tầm quan trọng của năng lực nói như một nền tảng để hình thành tư duy, phát triển trí tuệ và kỹ năng xã hội cho HS.

Trong cuốn sách *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy (Giảng dạy theo nguyên tắc: Tiếp cận tương tác với phương pháp sư phạm ngôn ngữ)* [20], tác giả Brown, H, D (2001) nhấn mạnh rằng dạy kỹ năng nói không chỉ là luyện phát âm hay cấu trúc ngữ pháp, mà là giúp người học sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp thực tế. Ông coi hoạt động nói là một quá trình tương tác, trong đó người học chủ động trao đổi, thảo luận, phản hồi và điều chỉnh cách diễn đạt để đạt được mục đích giao tiếp. Brown, H, D đề xuất GV nên tổ chức các hoạt động nói có ý nghĩa như thảo luận, đóng vai, kể chuyện hay trò chơi giao tiếp, giúp HS nói một cách tự nhiên và tự tin.

Kết quả của công trình nghiên cứu *Teaching Languages to Young Learners (Giảng dạy ngôn ngữ cho người học nhỏ tuổi)* [21] của Cameron, L (2001) đã khẳng định ngôn ngữ nói là công cụ chủ đạo để trẻ em khám phá, chia sẻ và học hỏi. Bà cho rằng ở lứa tuổi tiểu học, việc phát triển kỹ năng nói và nghe phải đặt ở vị trí trung tâm và quá trình rèn luyện nói và nghe cần được diễn ra trong các tình huống có ý nghĩa chẳng hạn như trao đổi ý kiến khi làm việc nhóm, kể lại trải nghiệm cá nhân, đóng vai trong các tình huống giao tiếp hằng ngày hay thảo luận về chủ đề gần gũi với cuộc sống. Qua đó, trẻ được học ngôn ngữ một cách tự nhiên, thông qua tương tác thực tế và trải nghiệm cá nhân, thay vì học thụ động qua ghi nhớ mẫu câu.

Hiệp hội Quốc gia về Giáo dục trẻ nhỏ (NAEYC) năm 2019 đã công bố bài viết *Collaborative Conversations: Speaking and Listening in the Primary Grades*

(Các cuộc trò chuyện hợp tác: Nói và nghe ở bậc tiểu học) [25]. Bài viết nhấn mạnh rằng GV cần thiết kế những nhiệm vụ nói có cấu trúc rõ ràng để mọi HS đều có cơ hội tham gia, kể cả các em còn hạn chế về kỹ năng giao tiếp. Tác giả cũng cho rằng, để HS có thể học tập hiệu quả, cần tạo ra một môi trường an toàn, cởi mở và đa ngôn ngữ. Khi HS mạnh dạn, tự tin chia sẻ ý kiến của mình, các em sẽ dần hình thành thói quen thảo luận và hợp tác tích cực trong lớp học.

Trong bài báo *Universal strategies for the improvement of expressive language skills in the primary classroom: A systematic review* (Các chiến lược chung để cải thiện kỹ năng ngôn ngữ biểu đạt ở lớp học tiểu học: Một đánh giá có hệ thống) [23], các tác giả Dobinson, K. L. và Dockrell, J. E. (2021) đã tổng hợp các bằng chứng nghiên cứu quốc tế về những chiến lược phổ quát nhằm nâng cao kỹ năng ngôn ngữ biểu đạt cho HS tiểu học. Bên cạnh đó, nhóm tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp hoạt động nói và nghe trong nhiều môn học khác nhau thay vì chỉ tập trung trong các giờ học ngôn ngữ.

Tarvainen và cộng sự (2021) trong nghiên cứu *Oral language comprehension interventions in school-age children and adolescents: a systematic scoping review* (Can thiệp hiểu ngôn ngữ nói ở trẻ em và thanh thiếu niên trong độ tuổi đi học: đánh giá phạm vi có hệ thống) [28] đã tiến hành rà soát hệ thống các can thiệp nhằm phát triển kỹ năng hiểu ngôn ngữ nói của trẻ em và thanh thiếu niên trong độ tuổi đi học. Công trình này góp phần khẳng định vai trò quan trọng của việc tổ chức các hoạt động rèn luyện nghe và hiểu trong môi trường giáo dục phổ thông, đồng thời gợi mở hướng cải tiến cho các chương trình dạy học ngôn ngữ trong tương lai.

Bài báo *Primary school teachers' patterns in using communication strategies in classrooms* (Mô hình sử dụng chiến lược giao tiếp trong lớp học của GV tiểu học) [24] do Edlund và cộng sự (2023) trên tạp chí *Frontiers in Education* đã khảo sát cách GV tiểu học áp dụng các chiến lược giao tiếp trong giảng dạy. Kết quả cho thấy, nếu GV được bồi dưỡng chuyên sâu thì việc tổ chức các hoạt động giao tiếp trong lớp sẽ hiệu quả hơn, HS sẽ hứng thú, yêu thích học tập hơn.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên thế giới đều khẳng định vai trò quan trọng của việc phát triển năng lực nói cho HS tiểu học. Các tác giả nhấn mạnh rằng việc rèn luyện năng lực nói cần được thực hiện thông qua các hoạt động giao tiếp thực tiễn, tương tác và hợp tác như thảo luận, đóng vai, trò chơi học tập hay kể chuyện. Đồng thời, môi trường học tập tích cực và sự định hướng của GV cũng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả phát triển năng lực nói cho HS. Đây

là cơ sở lí luận quan trọng để chúng tôi kế thừa và vận dụng trong quá trình nghiên cứu đề tài.

2.2. Nghiên cứu ở Việt Nam

Ở Việt Nam, năng lực nói và nghe trong dạy học ở tiểu học đã có một số công trình đề cập đến, cụ thể:

Trong cuốn sách *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I, II* [15], tác giả Lê Phương Nga đã đề cập đến các PHDH nói thông qua các phân môn Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn, Kể chuyện, Hoạt động ngoại khóa Tiếng Việt. Các PPDH nói được đề cập đến bao gồm: trực quan bằng hình vẽ, luyện tập theo mẫu, thực hành giao tiếp, gợi mở - vấn đáp, đóng vai,...

Tác giả Đỗ Ngọc Thống (chủ biên) cùng các cộng sự (2019), trong cuốn *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt Tiểu học* [10] của Nxb Đại học Sư phạm đã đề cập đến mục đích dạy nói và nghe ở tiểu học, phương pháp dạy nói và nghe, bài minh họa cách tổ chức dạy nói và nghe ở tiểu học. Bên cạnh đó, các tác giả cũng đã gợi ý cho GV về cách dạy kĩ năng nói và nghe theo định hướng PTNL cho HS.

Cuốn sách *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018* [11Ddox] của tác giả Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), (2023) đã nhấn mạnh việc vận dụng các phương pháp tổ chức dạy học phù hợp vào các bài học khác nhau trong bài nói và nghe nhằm giúp HS phát triển toàn diện năng lực sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, đặc biệt là khả năng trình bày, trao đổi và thể hiện ý kiến một cách rõ ràng, tự tin và có văn hóa.

PGS. TS Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên) cùng với các cộng sự (2024) trong cuốn sách *Những vấn đề chung của dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học* [12] Nxb Đại học Sư phạm, đã xác định rõ vị trí và ý nghĩa của kĩ năng nói trong dạy học PTNL nói và nghe cho HS tiểu học. Đồng thời, các tác giả đã đưa ra các biện pháp dạy học nói dựa trên các nguyên tắc dạy học như giao tiếp, luyện tập mẫu, trực quan, trò chơi học tập, thảo luận nhóm.

Nhóm tác giả Hà Thu Thủy, Vũ Diệu Hoa, Quãn Thu Trang, Phạm Thu Tâm (2022), Trường Đại học Thủ đô Hà Nội có đề tài *Một số phương pháp phát triển kĩ năng nghe – nói cho học sinh tiểu học: phân tích trường hợp sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 2 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống* [14]. Công trình này đã cho rằng: “Kĩ năng nghe - nói tốt giúp học sinh giải quyết nhiều vấn đề, tình huống phát sinh trong quá trình học tập và giao tiếp”. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất một số phương pháp phát triển kĩ năng nghe – nói cho HS tiểu học như

đàm thoại theo tranh/ảnh, trò chơi học tập, dạy học theo nhóm, đóng vai và hoạt động trải nghiệm.

Nghiên cứu *Phát triển năng lực nói – nghe trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 ở huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp thông qua hoạt động đóng vai* [17] của nhóm tác giả Nguyễn Diễm Phương, Trần Hoàng Anh (2024) đã chỉ ra rằng hoạt động đóng vai mang lại nhiều cơ hội để HS được thực hành nói trong môn Tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thông qua hoạt động đóng vai, HS có nhiều cơ hội tham gia vào các tình huống giao tiếp gần gũi với đời sống, từ đó được luyện tập cách diễn đạt, thể hiện cảm xúc và phản hồi phù hợp.

Tác giả Đặng Thị Lệ Tâm (2020) trong bài báo *Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam* [9] đã nhấn mạnh giao tiếp là một bộ phận không thể tách rời của dạy học Tiếng Việt, đặc biệt thông qua việc rèn kỹ năng nghe và nói trong các tình huống giao tiếp văn hóa. Bài viết cho thấy các hoạt động mô phỏng những tình huống đời sống giúp HS vận dụng ngôn ngữ phù hợp, đồng thời hình thành thói quen ứng xử văn minh.

Bài báo *Một số giải pháp rèn kỹ năng nói trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống* [8] của tác giả Đặng Thị Ngọc Ly (2023) đã tìm hiểu thực trạng của kỹ năng nói trong môn Tiếng Việt tại trường Tiểu học Thăng Long, qua đó chỉ ra những hạn chế và HS gặp phải trong quá trình học nói. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số biện pháp rèn luyện phù hợp như sử dụng phương pháp trực quan, luyện theo mẫu, câu âm, chữa lỗi bằng âm trung gian, tập hát để giúp HS phát âm đúng một vài thanh.

Tác giả Bùi Thanh Thủy (2024) với bài viết *Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh lớp 1 thông qua sử dụng trò chơi học tập trong môn Tiếng Việt* [7] đã nhấn mạnh việc áp dụng trò chơi học tập trong quá trình dạy học Tiếng Việt ở lớp 1. Tác giả cho rằng: “*Trò chơi học tập không chỉ tạo hứng thú học tập mà còn góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh*”. Thông qua trò các trò chơi, HS được rèn luyện khả năng lắng nghe, trao đổi, thể hiện ý kiến cá nhân và phối hợp cùng bạn bè để hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

Bài viết *Một số biện pháp rèn kỹ năng kể chuyện trong môn Tiếng Việt 3 (Bộ sách Cánh diều)* [13] của tác giả Hồ Thị Quý (2024) đã trình bày cơ sở lý luận về vai trò của hoạt động kể chuyện trong việc hình thành và PTNL ngôn ngữ, tư duy và cảm xúc cho HS tiểu học. Đồng thời, bài viết đã đề xuất một số biện pháp rèn luyện kỹ năng kể chuyện phù hợp với định hướng PTNL trong CTGDPT 2018

như: chuẩn bị nội dung bài dạy chu đáo, tạo hứng thú cho HS, linh hoạt tổ chức các hình thức dạy học, đa dạng hóa các hoạt động mở rộng.

Ngoài ra, việc PTNL nói cũng được đưa một số tác giả quan tâm nghiên cứu và vận dụng vào dạy học Tập làm văn, Kể chuyện,... như bài báo *Phát triển kỹ năng nghe, nói cho học sinh lớp 2 qua phân môn Tập làm văn theo quan điểm giao tiếp* [18] của nhóm tác giả Nguyễn Văn Bản, Phan Thị Bảo Hà, Chu Thị Khánh Hà (2019). Bài báo đã khẳng định rằng phân môn Tập làm văn là môi trường tự nhiên giúp cho HS rèn luyện kỹ năng nghe và nói. Nghiên cứu đã cho thấy việc tổ chức các hoạt động như kể chuyện, trao đổi, thảo luận sẽ phát huy hiệu quả hơn, giúp HS mạnh dạn trình bày ý kiến, biết lắng nghe người khác và có những phản hồi phù hợp.

Như vậy, vấn đề PTNL nói cho HS nói chung và HS tiểu học nói riêng đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Các tác giả đã đề xuất các biện pháp cụ thể như: trò chơi học tập, dạy học theo nhóm, đóng vai, đàm thoại theo tranh/ảnh, luyện tập mẫu, trải nghiệm và thực nghiệm,... Tuy nhiên, qua tìm hiểu của chúng tôi, hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống về các biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe cho HS lớp 4, 5. Những công trình nghiên cứu trên sẽ là nguồn tài liệu quý báu, tiền đề khoa học để chúng tôi tham khảo trong quá trình nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu các vấn đề lí luận cơ bản về năng lực nói ở tiểu học.
- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng tổ chức hoạt động dạy học nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5.
- Đề xuất một số biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5 phù hợp với nội dung và PPDH Tiếng Việt theo CTGDPT 2018.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt lớp 4, 5.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt lớp 4, 5 ở bộ sách KNTTVCS (theo CTGDPT 2018), Nxb Giáo dục Việt Nam.

- Năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt của HS lớp 4, 5 ở một số trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

- Phương pháp phân tích – tổng hợp: Sử dụng phương pháp để phân tích, khái quát, thu thập các cơ sở lí luận liên quan đến đề tài nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

5.2.1. Phương pháp quan sát khoa học

Dự giờ, quan sát những hoạt động rèn kĩ năng nói trong các giờ dạy Nói và nghe, môn Tiếng Việt lớp 4, 5.

5.2.2. Phương pháp điều tra, khảo sát

Điều tra, lấy ý kiến của GV về các biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói trong tổ chức dạy học, những khó khăn, thuận lợi; xác định, nắm bắt được mức độ yêu thích, thái độ, kết quả học tập của HS đối với các hoạt động rèn kĩ năng nói.

5.2.3. Phương pháp thống kê

Thu thập và thống kê số liệu từ khảo sát thực trạng năng lực nói của HS và cách tổ chức dạy học nói – nghe của GV trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt lớp 4, 5.

5.2.4. Phương pháp phân tích và xử lí số liệu

Sau khi thu thập được số liệu, chúng tôi tiến hành phân tích, sàng lọc các số liệu nhận được, xử lí và thống kê kết quả khảo sát để đưa ra kết luận.

5.2.5. Phương pháp tổng hợp

Tổng hợp, hệ thống hóa các tài liệu lí luận, kết quả khảo sát và số liệu thu thập được nhằm làm cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần hệ thống hóa và làm sáng tỏ cơ sở lí luận, cơ sở thực tiễn của việc nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt lớp 4, 5. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển kĩ năng nói, khả năng giao tiếp và tương tác cho HS, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài sau khi được nghiệm thu sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, GV tiểu học và những người quan tâm đến

việc phát triển năng lực nói cho HS. Đồng thời, đề tài góp phần hỗ trợ quá trình nghiên cứu, giảng dạy và tổ chức các hoạt động Nói và nghe trong môn Tiếng Việt lớp 4, 5, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học ở tiểu học.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Năng lực và vấn đề phát triển năng lực cho học sinh tiểu học

1.1.1.1. Khái quát về năng lực

Trong giáo dục hiện nay, năng lực được coi là thước đo sự phát triển toàn diện của người học cũng như khả năng vận dụng kiến thức của người học vào thực tiễn. Đồng thời, năng lực là cơ sở quan trọng để GV lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Nhiều nhà giáo dục học đã nghiên cứu và đưa ra những quan niệm khác nhau về năng lực, Franz E. Weinert (2001) cho rằng: *“Năng lực là những điều kiện tiên quyết về nhận thức, động lực, ý chí và xã hội của một cá nhân; giúp họ xử lý thành công những yêu cầu phức tạp trong cuộc sống”* [29]. Hay theo J. Coolahan (2002) năng lực được hiểu là *“một khả năng tổng hợp, được hình thành trên cơ sở kiến thức, kinh nghiệm, giá trị và phẩm chất mà cá nhân phát triển được thông qua quá trình giáo dục và rèn luyện”*. [22]

Tiếp thu các quan điểm về năng lực trên thế giới, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Việt Nam đã xác định: *“Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể”*. [1]

Trên cơ sở định nghĩa này, CTGDPT 2018 đã phân loại năng lực thành hai nhóm chính: năng lực chung và năng lực đặc thù. Năng lực chung (hay năng lực cốt lõi) là năng lực cơ bản, thiết yếu mà bất kì ai cũng cần phải có để sống, học tập và làm việc hiệu quả. Năng lực chung là những năng lực mà HS được hình thành và phát triển trong tất cả các môn học và hoạt động giáo dục gồm: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Trong khi đó, năng lực đặc thù (hay năng lực đặc biệt) là những năng lực đặc biệt về trí tuệ, văn nghệ, thể thao, kỹ năng sống,... nhờ tố chất sẵn có ở mỗi người. Đây là những năng lực mà HS chỉ được hình thành và phát triển thông qua một số môn học hoặc hoạt động giáo dục nhất định gồm: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay, năng lực được coi là mục tiêu cốt lõi, thể hiện khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng và phẩm chất của HS vào thực tiễn. Hay nói cách khác, năng lực là toàn bộ những yếu tố giúp HS có khả năng làm chủ, có hiểu biết, có kiến thức và biết vận dụng chúng một cách sáng tạo, hiệu quả trong học tập, cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

Trong dạy học Nói và nghe, năng lực nói được coi là một thành tố quan trọng của năng lực giao tiếp, giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành và phát triển khả năng sử dụng tiếng Việt của HS. Thông qua các hoạt động Nói – nghe, HS không chỉ có khả năng phát âm, diễn đạt trôi chảy mà các em còn được rèn luyện khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc, biết trình bày quan điểm cá nhân một cách rõ ràng, mạch lạc, tự tin trong giao tiếp hằng ngày và góp phần nâng cao hiệu quả học tập các môn học khác. Đây cũng chính là mục tiêu quan trọng mà CTGDPT 2018 muốn hướng tới.

1.1.1.2. Vấn đề phát triển năng lực cho học sinh tiểu học

Việc PTNL cho HS tiểu học giúp các em trang bị những kĩ năng cơ bản và hình thành tư duy linh hoạt, tạo tiền đề vững chắc để thích ứng với những yêu cầu học tập và xã hội trong các giai đoạn tiếp theo. Ở bậc tiểu học, HS cần được hình thành và phát triển các năng lực chung như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Trong đó, năng lực tự chủ và tự học giúp HS biết tự giác học tập, biết đặt mục tiêu và tự điều chỉnh quá trình học của bản thân. Năng lực giao tiếp và hợp tác giúp các em biết trình bày ý kiến, lắng nghe người khác, làm việc cùng bạn bè trong các hoạt động học tập. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo giúp HS biết suy nghĩ, tìm cách xử lí các tình huống học tập và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Bên cạnh các năng lực chung, HS tiểu học còn cần được phát triển các năng lực đặc thù của từng môn học, như năng lực ngôn ngữ trong môn Tiếng Việt, năng lực tính toán và tư duy logic trong môn Toán, hay năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội trong các môn học khác. Những năng lực này giúp HS không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn biết vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống. Việc phát triển các năng lực này từ sớm giúp HS hình thành thói quen học tập tích cực, biết suy nghĩ độc lập, tự tin trong giao tiếp và chủ động tham gia các hoạt động học tập cũng như hoạt động xã hội.

Ngoài ra, PTNL còn giúp HS tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế, từ việc giải quyết các tình huống trong học tập đến hoạt động trong đời sống hàng ngày. Thông qua các hoạt động trải nghiệm, thảo luận nhóm, dự án STEM,... HS được kích thích tư duy linh hoạt, từ đó nâng cao khả năng sáng tạo

và tự tin trong giao tiếp. Việc tập trung PTNL phù hợp với định hướng của CTGDPT 2018, nhấn mạnh chuyển từ truyền thụ kiến thức sang giáo dục PTNL và phẩm chất của HS.

Hiện nay, việc PTNL cho HS ở các trường tiểu học đã được triển khai trong hoạt động dạy học và giáo dục. Nhiều trường đã áp dụng các PPDH tích cực như học qua thí nghiệm, trò chơi học tập, hoạt động nhóm,... nhằm giúp các em không chỉ nắm vững các kiến thức mà còn được vận dụng kiến thức đó vào các tình huống thực tiễn, trải nghiệm thực tế, từ đó phát triển tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng hợp tác. Điều này đã góp phần tạo môi trường học tập chủ động, sáng tạo và linh hoạt, giúp HS phát triển toàn diện, hướng tới mục tiêu giáo dục hiện đại.

Mặc dù việc PTNL được xem là một mục tiêu quan trọng trong giáo dục tiểu học nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Nhiều HS thiếu hứng thú học tập, không tập trung và ít chủ động trong việc tiếp thu kiến thức. Một số em chỉ chú trọng ghi nhớ bài học mà chưa biết cách vận dụng kiến thức vào thực tế. Ngoài ra, PPDH ở một số lớp vẫn chủ yếu là truyền thụ kiến thức, chưa tạo ra nhiều cơ hội để các em được tham gia hoạt động thực hành, trải nghiệm, thảo luận nhóm hay dự án sáng tạo. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội đôi khi còn chưa đồng bộ, khiến việc PTNL của HS chưa được hỗ trợ đầy đủ.

Như vậy, mặc dù việc PTNL cho HS tiểu học đã được quan tâm và triển khai, nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn. HS chưa thực sự chủ động trong học tập, các kỹ năng cơ bản còn hạn chế. Bên cạnh đó, PPDH ở một số lớp vẫn chưa phát huy hết khả năng sáng tạo và trải nghiệm của HS. Đồng thời, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa thực sự đồng bộ, làm hạn chế hiệu quả trong việc PTNL toàn diện cho HS. Những tồn tại này đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp PTNL toàn diện cho HS, giúp các em vừa nắm vững kiến thức, vừa rèn luyện kỹ năng và thái độ học tập tích cực.

1.1.2. Năng lực nói và những yêu cầu cần đạt về năng lực nói của học sinh lớp 4, 5

1.1.2.1. Khái quát về năng lực nói

Trong nghiên cứu về năng lực nói, nhiều nhà nghiên cứu và tổ chức giáo dục đã đưa ra nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Theo tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), “*Năng lực nói là khả năng diễn đạt ý tưởng, sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giọng nói một cách hiệu quả khi tham gia thảo luận, tranh luận về các vấn đề toàn cầu*”. [26]

Theo Sayin, B.A: “*Năng lực nói là yếu tố cốt lõi của năng lực ngôn ngữ, đồng thời là hoạt động mang tính động, không cố định*”. [27]

Qua việc tìm hiểu quan điểm của các tác giả và tổ chức, chúng tôi hiểu: *“Năng lực nói là khả năng sử dụng ngôn ngữ nói một cách chủ động, linh hoạt và hiệu quả để truyền đạt thông tin, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc, nhu cầu, đồng thời tham gia vào các tình huống giao tiếp khác nhau”*. Ở HS tiểu học, năng lực này không chỉ giúp các em diễn đạt ý tưởng và tham gia thảo luận mà còn góp phần hình thành tư duy, sự tin tưởng và kỹ năng giao tiếp xã hội.

1.1.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực nói của học sinh lớp 4, 5

Môn Tiếng Việt hình thành và phát triển cho HS tiểu học những năng lực cơ bản và phẩm chất cần thiết, đã được quy định cụ thể tại CTGDPT 2018. Đối với cấp tiểu học, YCCĐ về năng lực nói là: *“Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách rõ ràng câu chuyện đã học, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói; biết thuyết minh về một đối tượng hay quy trình đơn giản”*. [1]

Việc rèn năng lực nói cho HS tiểu học không bắt đầu từ một lớp cụ thể mà được rèn luyện xuyên suốt bậc Tiểu học, phát triển liên tục và có hệ thống từ lớp 1 đến lớp 5, phù hợp với từng giai đoạn nhận thức của HS tiểu học. Đối với giai đoạn đầu cấp, lớp 1 và lớp 2, các em sẽ được rèn các kỹ năng giao tiếp đơn giản. Với giai đoạn giữa cấp ở lớp 3, tập trung rèn luyện kỹ năng nói kết hợp với đọc hiểu, kể chuyện, miêu tả và bày tỏ cảm xúc. Và các em được rèn luyện kỹ năng nói diễn cảm, tóm tắt, liên hệ, tưởng tượng ở giai đoạn cuối cấp lớp 4, 5.

Từ YCCĐ về năng lực nói, có thể chia năng lực nói ở Tiểu học thành 2 thành tố: ngôn ngữ - diễn đạt (bao gồm cách sử dụng từ ngữ, phát âm, khả năng sắp xếp ý tưởng...) và giao tiếp - ứng dụng (bao gồm thái độ, cử chỉ, điệu bộ...). Ở lớp 4, 5, YCCĐ về năng lực nói được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 1.1. YCCĐ về năng lực nói đối với HS lớp 4, 5

YCCĐ	Lớp 4	Lớp 5
Ngôn ngữ - diễn đạt	- Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ (ví dụ: tranh ảnh, sơ đồ,...). - Kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó. - Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định	- Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi.

	về một vấn đề gần gũi trong đời sống.	
Giao tiếp - ứng dụng	- Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài; có thái độ tự tin; biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp.	- Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp. - Sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.

Như vậy, Chương trình môn Tiếng Việt không chỉ trang bị cho HS kiến thức về ngôn ngữ và văn học, mà còn hình thành và PTNL giao tiếp bằng lời nói, giúp các em kể chuyện, trình bày ý kiến, tham gia thảo luận, đồng thời rèn luyện sự tự tin, chủ động và sáng tạo trong giao tiếp. Để đạt được YCCĐ này, GV có nhiệm vụ quan trọng trong việc rèn cho HS nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe.

1.1.3. Nội dung dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5

Chương trình dạy học Nói và nghe lớp 4,5 đa dạng và nâng cao hơn so với lớp 2, 3. Ở lớp 4, nội dung dạy học Nói và nghe (Bộ sách KNTTVCS) tập trung chủ yếu vào các kiểu bài là nói theo chủ đề và kể chuyện theo tranh minh họa. Đối với lớp 5, nội dung trọng tâm của dạy học Nói và nghe tập trung chủ yếu vào kiểu bài nói theo chủ đề.

Dựa vào nội dung dạy học Tiếng Việt lớp 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS) có thể nêu nội dung và các lưu ý khi dạy học các kiểu bài Nói và nghe theo chương trình tiểu học bao gồm:

* Kể chuyện theo tranh minh họa

Sử dụng tranh minh họa trong kể chuyện là hình thức kể chuyện dựa vào các hình ảnh trực quan làm điểm tựa, giúp HS xác định trình tự nội dung, diễn biến câu chuyện và diễn đạt lại câu chuyện một cách mạch lạc, sinh động.

Ở lớp 4, kiểu bài kể chuyện theo tranh minh họa gồm 5 câu chuyện. Khi học những bài kể chuyện này, HS sẽ được nghe GV kể chuyện hoặc tiếp nhận câu chuyện qua các phương tiện nghe – nhìn. Sau khi đã nắm được nội dung câu chuyện, các em được thực hành kể chuyện cá nhân hoặc theo nhóm dựa vào tranh minh họa trong SGK. Tiếp đó, các em được kể lại câu chuyện trước lớp, rèn luyện sự tự tin, khả năng diễn đạt mạch lạc và kỹ năng nói trước tập thể. Ngoài ra, các

em còn được kể lại câu chuyện cho phụ huynh hoặc người thân, góp phần tăng cường sự gắn kết giữa nhà trường và gia đình, đồng thời mở rộng môi trường rèn luyện kĩ năng nói và nghe trong đời sống hằng ngày.

*** Nói theo chủ đề**

Mặc dù cả lớp 4 và lớp 5 đều có kiểu bài nói theo chủ đề nhưng nội dung dạy học Nói và nghe ở mỗi lớp lại có sự khác nhau, thể hiện rõ ở việc dạy học Nói và nghe theo lộ trình tăng dần về mức độ nhận thức và kĩ năng giao tiếp của HS.

Ở lớp 4, các chủ đề nói và nghe chủ yếu gắn với thế giới gần gũi, quen thuộc, xoay quanh bản thân, gia đình, bạn bè và những trải nghiệm hằng ngày của HS. Nội dung giao tiếp thiên về những tình huống cụ thể, giàu cảm xúc, qua đó giúp HS luyện tập cách nói rõ ràng, mạch lạc, biết kể lại sự việc, bộc lộ cảm xúc và suy nghĩ của bản thân; đồng thời từng bước hình thành kĩ năng lắng nghe và phản hồi ở mức độ đơn giản trong giao tiếp.

Trong khi đó, ở lớp 5, nội dung dạy học Nói và nghe được mở rộng và nâng cao, hướng tới các vấn đề xã hội, văn hóa, học tập và định hướng giá trị. Các chủ đề không chỉ yêu cầu HS kể lại hay chia sẻ trải nghiệm mà còn đòi hỏi trình bày quan điểm, nêu nhận xét, đánh giá và đưa ra ý kiến cá nhân, qua đó rèn luyện khả năng lập luận, trao đổi và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Như vậy, dạy học Nói và nghe ở lớp 4 và lớp 5 tuy cùng kiểu bài nói theo chủ đề nhưng có sự khác biệt rõ rệt về nội dung, mức độ yêu cầu và mục tiêu PTNL, phù hợp với đặc điểm tâm lí, nhận thức của HS từng lớp và đáp ứng yêu cầu của CTGDPT 2018.

Đặc điểm của các kiểu bài Nói và nghe ở lớp 4, 5 (bộ sách KNTTVCS), cho thấy mỗi kiểu bài đặt ra những yêu cầu riêng về cách thể hiện. Kể chuyện theo tranh đòi hỏi HS biết quan sát tranh, nhận diện chi tiết chính, sắp xếp các sự việc theo trình tự hợp lí và diễn đạt lại bằng lời nói của mình, qua đó phát triển khả năng kể mạch lạc, sinh động và đúng nội dung. Nói theo chủ đề yêu cầu HS biết trình bày suy nghĩ, cảm xúc hoặc quan điểm cá nhân một cách rõ ràng, phù hợp với chủ đề giao tiếp, đòi hỏi mức độ khái quát và tư duy ngôn ngữ cao hơn khi HS cần biết nêu ý kiến, lí giải và phản hồi quan điểm của người khác. Vì vậy, nếu HS chưa nắm rõ yêu cầu của từng kiểu bài, thì các em sẽ thường gặp khó khăn trong việc sắp xếp và triển khai nội dung nói, khiến phần trình bày còn rời rạc và chưa làm rõ được trọng tâm bài nói.

Tóm lại, việc tổ chức dạy học Nói và nghe có định hướng và chú trọng rèn luyện các kĩ năng nói và nghe theo từng kiểu bài sẽ góp phần nâng cao khả năng

điễn đạt bằng lời nói của HS, phát triển tư duy ngôn ngữ và từng bước hình thành năng lực giao tiếp hiệu quả trong học tập cũng như trong đời sống.

Thời lượng dạy học của hoạt động Nói và nghe ở cấp tiểu học được nâng cao dần qua từng lớp. Chúng tôi thống kê thời lượng dạy học của hoạt động Nói và nghe của từng lớp thông qua bảng sau:

Bảng 1.2. Bảng thống kê thời lượng dạy học Nói và nghe

Lớp	1	2	3	4	5
Số tuần/ 35 tuần	*	31	31	16	15
Tỉ lệ (%)	*	88,6	88,6	45,7	42,9

(* Đối với lớp 1, hoạt động Nói và nghe được dạy lồng ghép trong các tiết Tập đọc nhằm giúp HS bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng nghe, nói thông qua việc quan sát tranh, trả lời câu hỏi, trao đổi về nội dung bài đọc hoặc kể lại những điều gần gũi với bản thân.)

Qua bảng 1.2, ta thấy thời lượng dạy học Nói và nghe ở lớp 1, 2, 3 nhiều hơn so với lớp 4, 5, cho thấy hoạt động này được chú trọng nhiều ở giai đoạn đầu cấp Tiểu học nhằm hình thành nền tảng kỹ năng giao tiếp cho HS. Ở lớp 4 và lớp 5, mặc dù thời lượng dành cho hoạt động Nói và nghe đã giảm so với các lớp dưới nhưng nội dung dạy học lại có sự chọn lọc và nâng cao rõ rệt. Hoạt động Nói và nghe ở giai đoạn này yêu cầu HS tập trung vào các kiểu bài yêu cầu có kỹ năng cao hơn, tiêu biểu là kể chuyện theo tranh và nói theo chủ đề. Các nội dung này đòi hỏi HS không chỉ nói đúng, nói đủ mà còn phải biết tổ chức lời nói mạch lạc, xác định trình tự, lựa chọn ý phù hợp và thể hiện quan điểm cá nhân của mình.

Ở lớp 4, nội dung dạy học Nói và nghe chủ yếu gắn với các chủ đề gần gũi, giúp HS củng cố kỹ năng kể lại sự việc, chia sẻ trải nghiệm, và bày tỏ cảm xúc thông qua việc kể chuyện theo tranh hoặc nói theo chủ đề quen thuộc. Sang lớp 5, nội dung dạy học Nói và nghe được mở rộng theo hướng gắn với các vấn đề thực tiễn trong học tập và trong xã hội, đòi hỏi HS biết trình bày quan điểm cá nhân, nêu lý lẽ, tham gia trao đổi và phản hồi trước những ý kiến, quan điểm khác nhau của thầy cô và bạn bè.

Để hình dung rõ hơn về các kiểu bài Nói và nghe trong chương trình Tiếng Việt lớp 4, 5, chúng tôi lập bảng thống kê nội dung các bài học Nói và nghe trong SGK Tiếng Việt lớp 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS) dưới đây:

Bảng 1.3. Bảng thống kê nội dung dạy học Nói và nghe lớp 4, 5

STT	Lớp	Tuần	Chủ đề	Nội dung	Kiểu bài	Nguồn
1	4	1	Mỗi người một vẻ	Bài 2: Tôi và bạn	Nói theo chủ đề	Tập 1, trang 15
2		3		Bài 6: Kể chuyện “Bốn anh tài”	Kể chuyện theo tranh	Tập 1, trang 29
3		5	Trải nghiệm và khám phá	Bài 10: Trải nghiệm đáng nhớ	Nói theo chủ đề	Tập 1, trang 47
4		7		Bài 14: Việc làm có ích	Nói theo chủ đề	Tập 1, trang 62
5		10	Niềm vui sáng tạo	Bài 18: Chúng em sáng tạo	Nói theo chủ đề	Tập 1, trang 84
6		12		Bài 22: Kể chuyện “Nhà phát minh vĩ đại và bà cụ”	Kể chuyện theo tranh	Tập 1, trang 100
7		14	Chấp cánh ước mơ	Bài 26: Ước mơ của em	Nói theo chủ đề	Tập 1, trang 117
8		16		Bài 30: Kể chuyện “Đôi cánh của ngựa trắng”	Kể chuyện theo tranh	Tập 1, trang 131
9		19	Sống để yêu thương	Bài 2: Giúp bạn	Nói theo chủ đề	Tập 2, trang 15
10		21		Bài 6: Kể chuyện “Bài học quý”	Kể chuyện theo tranh	Tập 2, trang 30
11		23	Uống nước nhớ nguồn	Bài 10: Những tấm gương sáng	Nói theo chủ đề	Tập 2, trang 46
12		23		Bài 14: Truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”	Nói theo chủ đề	Tập 2, trang 62

13		28	Quê hương	Bài 18: Những miền quê yêu dấu	Nói theo chủ đề	Tập 2, trang 88
14		30	trong tôi	Bài 22: Kể chuyện “Về quê ngoại”	Kể chuyện theo tranh	Tập 2, trang 105
15		32	Vì một thế	Bài 26: Chung tay bảo vệ động vật	Nói theo chủ đề	Tập 2, trang 119
16		34	giới bình yên	Bài 30: Cuộc sống xanh	Nói theo chủ đề	Tập 2, trang 133
17	5	2	Thế giới tuổi thơ	Bài 4: Những câu chuyện thú vị	Nói theo chủ đề	Tập 1, trang 26
18		4		Bài 8: Những điểm vui chơi lí thú		Tập 1, trang 44
19		6	Thiên nhiên kì thú	Bài 12: Bảo tồn động vật hoang dã		Tập 1, trang 63
20		8		Bài 16: Cảnh đẹp thiên nhiên		Tập 1, trang 79
21		11	Trên con đường học tập	Bài 20: Cuốn sách tôi yêu		Tập 1, trang 104
22		13		Bài 24: Lợi ích của tự học		Tập 1, trang 120
23		15	Nghệ thuật muôn màu	Bài 28: Chương trình nghệ thuật em yêu thích		Tập 1, trang 139
24		17		Bài 32: Bộ phim yêu thích		Tập 1, trang 156
25		20	Vẻ đẹp cuộc sống	Bài 4: Nét đẹp học đường		Tập 2, trang 25
26		22		Bài 8: Những ý kiến khác biệt		Tập 2, trang 41
27		24	Hương sắc trăm miền	Bài 12: Địa điểm tham quan, du lịch		Tập 2, trang 60
28		26		Bài 16: Sản vật địa phương		Tập 2, trang 75

29		29	Tiếp bước	Bài 20: Đèn ơn đáp nghĩa		Tập 2, trang 104
30		31	cha ông	Bài 24: Di tích lịch sử		Tập 2, trang 119
31		33	Thế giới của chúng ta	Bài 28: Trải nghiệm mùa hè		Tập 2, trang 138

Nội dung dạy học Nói và nghe ở bảng 1.3 cho thấy các bài được xây dựng phong phú, gắn với nhiều lĩnh vực của đời sống như bản thân, gia đình, nhà trường, thiên nhiên, xã hội, truyền thống văn hóa và học tập. Nội dung dạy học vừa mang tính gần gũi, thiết thực, vừa mở rộng vốn hiểu biết và trải nghiệm của HS, tạo điều kiện thuận lợi để các em tham gia học tập một cách tích cực. Trong đó, nói theo chủ đề chiếm tỉ lệ lớn hơn, xuất hiện xuyên suốt các tuần học, có thấy định hướng chú trọng rèn luyện khả năng trình bày suy nghĩ, cảm xúc và quan điểm cá nhân của HS. Bên cạnh đó, kiểu bài kể chuyện theo tranh được lồng ghép với các câu chuyện có cốt truyện rõ ràng, nhân vật và diễn biến cụ thể, giúp HS rèn luyện kỹ năng quan sát, xác định trình tự sự việc và kể lại nội dung bằng lời nói mạch lạc.

Nhìn chung, nội dung dạy học Nói và nghe cho HS lớp 4, 5 được thiết kế theo hướng có chọn lọc, kế thừa và nâng cao, phù hợp với mục tiêu PTNL giao tiếp cho HS tiểu học theo định hướng của CTGDPT 2018.

1.1.4. Đặc điểm của học sinh lớp 4, 5 chi phối đến việc phát triển năng lực nói

Ở độ tuổi HS lớp 4, 5 (từ 10 đến 11 tuổi), là giai đoạn cuối cấp tiểu học và các em có nhiều chuyển biến quan trọng về tâm lí và nhận thức. Những đặc điểm này tác động trực tiếp đến quá trình hình thành và PTNL nói của HS. Vì vậy, trong đề tài nghiên cứu này, chúng tôi tập trung làm rõ những đặc điểm của HS lớp 4, 5 về tâm lí và nhận thức. Từ đó, chúng tôi có những căn cứ, cơ sở để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói phù hợp với đối tượng HS.

1.1.4.1. Đặc điểm về tâm lí

a. Nhu cầu thể hiện bản thân

Ở HS tiểu học, đặc biệt là ở giai đoạn cuối cấp, nhu cầu thể hiện bản thân, khẳng định chính mình của các em ngày càng rõ nét. Các em bắt đầu hình thành

ý thức rõ rệt hơn về bản thân, có mong muốn được người khác lắng nghe, ghi nhận và đánh giá tích cực. Nhu cầu thể hiện bản thân được biểu hiện qua việc các em tích cực phát biểu ý kiến cá nhân, kể lại trải nghiệm cá nhân, kể câu chuyện đã học, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, mong muốn của mình trước tập thể lớp.

Tuy nhiên, do vốn sống và kỹ năng giao tiếp của HS còn hạn chế nên việc thể hiện bản thân của các em còn chưa ổn định. Nhiều em có nhu cầu nói nhưng chưa biết cách diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, dẫn đến lời nói còn rời rạc, thiếu trọng tâm. Bên cạnh đó, sự đánh giá của thầy cô và bạn bè cũng khiến một số HS dù có mong muốn thể hiện bản thân nhưng vẫn e dè, ngại phát biểu hoặc chỉ tham gia khi được gọi tên.

Trong dạy học Nói và nghe, GV nên tạo môi trường học học tập thân thiện, khuyến khích HS bày tỏ ý kiến, tôn trọng sự khác biệt và đánh giá mang tính động viên sẽ giúp HS mạnh dạn hơn trong giao tiếp, từ đó góp phần PTNL nói, hình thành sự tự tin và thái độ tích cực trong học tập và đời sống.

b. Tình cảm và cảm xúc

HS tiểu học đang ở độ tuổi hồn nhiên, trong sáng, giàu cảm xúc và có nhu cầu giao tiếp cao. Vì vậy, các em thường bộc lộ tình cảm một cách chân thành, trực tiếp trong quá trình giao tiếp. Những trạng thái cảm xúc tích cực như hứng thú, vui vẻ, được tôn trọng và khích lệ tạo điều kiện thuận lợi để HS mạnh dạn tham gia hoạt động nói, chủ động chia sẻ suy nghĩ và cảm nhận của cá nhân.

Bên cạnh đó, tình cảm và cảm xúc còn tác động đến chất lượng bài nói của HS. Các em có xu hướng đưa cảm xúc cá nhân vào nội dung trình bày thông qua cách diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, góp phần làm cho lời nói trở nên sinh động và giàu tính biểu cảm. Tuy nhiên, do khả năng kiểm soát cảm xúc và diễn đạt nội dung còn hạn chế, dẫn đến lời nói còn lan man, thiếu trọng tâm hoặc chưa làm nổi bật ý chính. Vì vậy, khi dạy học Nói và nghe, GV cần khuyến khích HS mạnh dạn bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc cá nhân; đồng thời hướng dẫn các em biết kiểm soát cảm xúc, lựa chọn từ ngữ và cách diễn đạt phù hợp.

c. Khả năng bắt chước

Một trong những đặc điểm tâm lý nổi bật của HS tiểu học là khả năng bắt chước. Các em thường học hỏi thông qua việc quan sát và làm theo những hành vi, cách ứng xử và biểu hiện của người lớn cũng như bạn bè xung quanh. Khả năng bắt chước giúp HS nhanh chóng tiếp cận với những thói quen, kỹ năng mới; tuy nhiên, các em cũng dễ chịu ảnh hưởng bởi những mẫu hành vi chưa phù hợp nếu không được định hướng đúng.

Trong dạy học Nói và nghe, khả năng bắt chước thể hiện rõ thông qua việc HS làm theo cách phát âm, giọng điệu, cách sử dụng từ ngữ và cách tổ chức lời nói của GV hoặc bạn bè. Đặc điểm này tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển kỹ năng nói nếu HS được tiếp xúc với những mẫu lời nói đúng, rõ ràng và phù hợp. Vì vậy, trong dạy học Nói và nghe, GV cần chú trọng làm mẫu lời nói chuẩn mực, đồng thời tạo cơ hội để HS luyện tập và điều chỉnh cách diễn đạt của mình thông qua các hoạt động giao tiếp đa dạng.

1.1.4.2. Đặc điểm nhận thức

a. Đặc điểm về tri giác

Theo Phạm Thị Hạnh Mai: “*Tri giác là quá trình nhận thức phản ánh một cách trọn vẹn các thuộc tính bên ngoài của sự vật, hiện tượng khi chúng đang trực tiếp tác động vào các giác quan của con người*”. [19]

Tri giác là quá trình con người nhận biết được các sự vật, hiện tượng thông qua sự tác động trực tiếp của chúng lên các giác quan. Tri giác giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành biểu tượng, tiếp nhận thông tin và là cơ sở cho các hoạt động nhận thức khác, trong đó có hoạt động giao tiếp.

Trong hoạt động Nói và nghe, tri giác giúp người học tiếp nhận thông tin làm cơ sở cho việc diễn đạt bằng lời nói. Thông qua việc quan sát tranh ảnh, lắng nghe lời nói, nhận biết cử chỉ và ngữ điệu của người khác góp phần hỗ trợ HS lựa chọn từ ngữ, sắp xếp ý và thể hiện nội dung nói một cách phù hợp. Tri giác đầy đủ, rõ ràng sẽ giúp HS diễn đạt chính xác và mạch lạc hơn; ngược lại, tri giác chưa hoàn chỉnh thì bài nói sẽ thiếu chi tiết, rời rạc hoặc chưa làm nổi bật ý chính.

Ở lớp 4, 5, tri giác của HS có sự phát triển hơn so với các lớp đầu cấp. Các em dễ tiếp nhận và ghi nhớ nội dung nói khi có những điểm tựa là tranh minh họa, hình ảnh, video hoặc những gợi ý cụ thể. Nhờ đó, các em có thể kể lại sự việc, trình bày trải nghiệm hoặc nói theo chủ đề tương đối rõ ràng. Tuy nhiên, khi nói về những nội dung mang tính khái quát hoặc trừu tượng, HS vẫn còn gặp khó khăn trong việc lập ý cho bài nói và diễn đạt mạch lạc. Vì vậy, việc rèn năng lực nói cho HS lớp 4, 5 cần gắn với các phương tiện trực quan và trải nghiệm thực tế nhằm phát huy hiệu quả đặc điểm tri giác của các em.

Tri giác có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và PTNL nói của HS tiểu học. Việc hiểu đúng đặc điểm tri giác của HS giúp GV lựa chọn và vận dụng linh hoạt các hình thức, PPDH phù hợp, qua đó tạo điều kiện để HS tiếp nhận thông tin hiệu quả, sắp xếp nội dung hợp lý và diễn đạt bằng lời nói rõ ràng, mạch lạc.

b. Đặc điểm tư duy

Trong cuốn Tâm lí HS tiểu học của tác giả Phạm Thị Hạnh Mai có viết: *“Tư duy là một quá trình nhận thức phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ và quan hệ bên trong có tính quy luật của sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan mà trước đó con người chưa biết”*. [21]

Tư duy là quá trình nhận thức, giúp con người phân tích, so sánh, khái quát và rút ra kết luận về sự vật, hiện tượng. Ở HS tiểu học, tư duy đang trong quá trình hình thành và phát triển, gắn chặt với những đối tượng, tình huống cụ thể và trải nghiệm thực tế.

Trong rèn năng lực nói, tư duy giữ vai trò định hướng nội dung diễn đạt. Nhờ đó mà HS có thể xác định ý chính, sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí, lựa chọn dẫn chứng phù hợp trong bài nói. Tư duy rõ ràng sẽ giúp bài nói có cấu trúc, logic và dễ hiểu; ngược lại, tư duy chưa mạch lạc dễ dẫn đến việc trình bày lan man, lặp ý hoặc thiếu trọng tâm.

Tư duy của HS lớp 4, 5 đã có những bước phát triển nhất định, thể hiện ở khả năng phân tích đơn giản, so sánh và bước đầu biết nêu lí do cho ý kiến của mình. Nhờ đó, HS có thể trình bày trải nghiệm, kể lại sự việc theo trình tự và tham gia trao đổi trong các hoạt động nói theo chủ đề. Vì vậy, việc nắm vững đặc điểm tư duy của HS giúp GV lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp, hỗ trợ HS PTNL nói trong hoạt động Nói và nghe.

c. Đặc điểm tưởng tượng

Tưởng tượng là quá trình con người xây dựng và sáng tạo những hình ảnh mới dựa trên những tri giác và trải nghiệm đã có. Ở HS tiểu học, tưởng tượng phát triển khá mạnh, mang tính trực quan, sinh động và giàu cảm xúc. Trí tưởng tượng của các em thường gắn với những hình ảnh cụ thể như câu chuyện, nhân vật và các tình huống gần gũi trong đời sống.

Trong hoạt động Nói và nghe, tưởng tượng góp phần làm phong phú nội dung diễn đạt và tăng tính hấp dẫn của lời nói. Nhờ tưởng tượng, HS có thể tái hiện sự việc, xây dựng tình huống, bộc lộ cảm xúc khi kể chuyện hoặc trình bày ý kiến. Tưởng tượng giúp lời nói trở nên sinh động, giàu hình ảnh và biểu cảm; tuy nhiên, nếu chưa được định hướng, việc sử dụng tưởng tượng quá mức có thể khiến nội dung nói thiếu chính xác, lan man hoặc không đúng với yêu cầu bài nói.

Ở lớp 4 và lớp 5, khả năng tưởng tượng của HS tiếp tục được phát triển, thể hiện rõ trong các hoạt động kể chuyện, nói theo tranh và trình bày trải nghiệm cá nhân. HS có thể sáng tạo thêm chi tiết, diễn đạt cảm xúc và hình dung bối cảnh tương đối rõ ràng. Tuy nhiên, do khả năng kiểm soát và điều chỉnh tưởng tượng còn hạn chế, một số em dễ sa vào việc thêm thắt chi tiết không cần thiết, làm giảm

tính mạch lạc của bài nói. Vì vậy, GV cần hướng dẫn HS biết sử dụng tưởng tượng một cách phù hợp với mục đích giao tiếp và đúng với yêu cầu của từng kiểu bài nói.

d. Đặc điểm trí nhớ

Trí nhớ là quá trình giúp con người ghi nhớ, lưu giữ và tái hiện những kinh nghiệm, tri thức và hình ảnh đã được tiếp nhận. Ở HS tiểu học, trí nhớ đang trong giai đoạn phát triển, còn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố trực quan và cảm xúc, càng học dần lên các lớp cao thì HS dần hình thành khả năng ghi nhớ có chủ định.

Trong hoạt động Nói và nghe, trí nhớ đóng vai trò quan trọng trong việc giúp HS nhớ lại những nội dung đã nghe, các sự việc, trải nghiệm đã tích lũy để xây dựng bài nói. Trí nhớ tốt giúp HS trình bày mạch lạc, không bị ngắt quãng, đồng thời sử dụng từ ngữ phù hợp với nội dung cần diễn đạt. Ngược lại, trí nhớ còn hạn chế có thể khiến HS nói thiếu ý, lặp lại hoặc bỏ sót nội dung quan trọng của bài nói.

Ở lớp 4, 5, trí nhớ của HS có sự phát triển rõ rệt hơn các lớp dưới. Tuy nhiên, trí nhớ của các em vẫn thiên về ghi nhớ máy móc, ghi nhớ theo hình ảnh và cảm xúc; khả năng ghi nhớ logic và có hệ thống chưa bền vững. Vì vậy, khi rèn năng lực nói, GV cần hướng dẫn HS ghi nhớ nội dung theo dàn ý, sơ đồ tư duy, tranh ảnh,... để nâng cao hiệu quả ghi nhớ của HS.

e. Đặc điểm chú ý

Theo Phạm Thị Hạnh Mai: “*Chú ý là sự tập trung của ý thức vào một hay một nhóm sự vật, hiện tượng, để định hướng hoạt động, đảm bảo điều kiện thần kinh – tâm lí cần thiết cho hoạt động tiến hành có hiệu quả*”. [21]

Chú ý là quá trình con người tập trung vào một đối tượng hoặc hoạt động nhất định trong một khoảng thời gian xác định. Chú ý ở HS tiểu học đang trong giai đoạn hình thành và phát triển, phụ thuộc nhiều vào các yếu tố trực quan, sinh động và sự hứng thú đối với hoạt động học tập.

Trong hoạt động Nói và nghe, chú ý giữ vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận thông tin, theo dõi nội dung bài nói và đưa ra phản hồi phù hợp. Khả năng chú ý tốt giúp HS lắng nghe người khác nói, ghi nhớ ý chính và trình bày bài nói mạch lạc.

Ở lớp 4 và lớp 5, khả năng chú ý của HS có sự tiến bộ so với các lớp đầu cấp, thể hiện ở thời gian tập trung kéo dài hơn và khả năng chú ý có chủ định dần hình thành. Tuy nhiên, sự tập trung của các em vẫn dễ bị phân tán bởi các yếu tố bên ngoài hoặc những nội dung chưa thực sự hấp dẫn. Do đó, trong dạy học Nói và nghe, GV cần tổ chức hoạt động đa dạng, sử dụng câu hỏi gợi mở, tranh ảnh

và tình huống giao tiếp cụ thể để duy trì sự chú ý và nâng cao hiệu quả rèn luyện năng lực nói cho HS.

f. Đặc điểm ngôn ngữ

Ngôn ngữ là một công cụ giúp mỗi cá nhân sử dụng một thứ tiếng nói để giao tiếp, để truyền đạt hay lĩnh hội kinh nghiệm xã hội – lịch sử, hoặc để kế hoạch hóa hoạt động của mình.

Ngôn ngữ là phương tiện và công cụ giao tiếp cơ bản. Ở HS tiểu học, ngôn ngữ đang trong quá trình hình thành và phát triển, thể hiện ở sự mở rộng vốn từ, khả năng sử dụng câu và từng bước sử dụng ngôn ngữ phù hợp vào các tình huống giao tiếp khác nhau.

Trong hoạt động Nói và nghe, ngôn ngữ là phương tiện trực tiếp để HS diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của mình. Việc lựa chọn và sử dụng từ ngữ, câu hỏi phù hợp giúp HS diễn đạt nội dung một cách rõ ràng, mạch lạc và đạt hiệu quả giao tiếp. Ngược lại, nếu vốn từ còn hạn chế và cấu trúc câu chưa vững, lời nói của HS còn đơn giản, lặt ý hoặc chưa diễn đạt đầy đủ nội dung cần nói.

Đối với các em HS lớp 4, 5, ngôn ngữ nói đã có sự phát triển rõ rệt, thể hiện ở việc vốn từ phong phú hơn, câu nói dài hơn và biết sử dụng một số biện pháp diễn đạt phù hợp với nội dung giao tiếp. HS có thể kể lại sự việc, trình bày trải nghiệm và bước đầu nêu ý kiến cá nhân. Tuy nhiên, đôi khi các em sử dụng từ vẫn chưa chính xác, câu nói chưa chặt chẽ và thiếu liên kết. Vì vậy, GV cần chú trọng hướng dẫn HS lựa chọn từ ngữ phù hợp, tổ chức câu và liên kết các ý một cách logic trong quá trình rèn năng lực nói.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Khái quát về quá trình khảo sát năng lực nói của học sinh lớp 4, 5 và việc sử dụng các biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

1.2.1.1. Mục đích khảo sát

- Nhằm khảo sát quá trình dạy học nhằm nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5.
- Nhằm tìm hiểu các biện pháp GV đã sử dụng trong việc nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5.

Với những mục đích trên, chúng tôi tiến hành điều tra và trên cơ sở đó xác lập cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng nghiên cứu các biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5.

1.2.1.2. Đối tượng, phạm vi và thời gian khảo sát

a. Đối tượng và phạm vi khảo sát

* GV

Để tìm hiểu thực trạng sử dụng các biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5, chúng tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu bằng phiếu dạy lớp 4, 5 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể là:

Bảng 1.4. Thống kê phạm vi và số lượng khảo sát GV tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

STT	Phạm vi khảo sát	Lớp	Số lượng GV khảo sát
1	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	4	5
		5	5
2	Trường Tiểu học Thiên Tôn	4	4
		5	5
3	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	4	6
		5	7
4	Trường Tiểu học Ninh An	4	3
		5	4
5	Trường Tiểu học Ninh Vân	4	5
		5	5
Tổng			50

* HS

Chúng tôi tiến hành tìm hiểu qua phiếu khảo sát đối với HS khối 4, 5 của các trường Tiểu học thuộc địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể là:

Bảng 1.5. Thống kê phạm vi và số lượng khảo sát HS tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

STT	Phạm vi khảo sát	Lớp	Số lượng HS khảo sát
1	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	4	50
		5	50
2	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	4	50
		5	50
3	Trường Tiểu học Ninh An	4	50
		5	50
4	Trường Tiểu học Ninh Vân	4	50
		5	50
Tổng			400

b. Thời gian khảo sát

Từ tháng 2 – 2026 đến tháng 3 – 2026: Phát và thu phiếu khảo sát cho GV và HS một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

1.2.1.3. Nội dung khảo sát

** Về phía GV:*

- Nhận thức, hiểu biết của GV về mức độ quan trọng của việc PTNL nói cho HS lớp 4, 5.

- Thực trạng rèn luyện kỹ năng nói cho HS lớp 4, 5.

** Về phía HS:*

- Nhận thức của HS về năng lực nói.

- Thực trạng về năng lực nói của HS lớp 4, 5.

Trong đề tài này, chúng tôi tập trung nghiên cứu việc phát triển năng lực nói cho HS lớp 4 và lớp 5 thông qua phân môn Nói và nghe trong môn Tiếng Việt, chủ yếu ở dạng bài Nói theo chủ đề.

1.2.1.4. Các phương pháp khảo sát

Những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình khảo sát gồm:

- Phương pháp khảo sát bằng phiếu khảo sát: Chúng tôi đã xây dựng phiếu khảo sát với các câu hỏi trắc nghiệm có sẵn các phương án lựa chọn và các câu hỏi mở cho GV và HS.

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: GV và HS chia sẻ thêm một số thông tin về nội dung được khảo sát. Riêng HS có thêm phần kiểm tra nói, HS được lựa chọn 1 trong 2 đề nói để kiểm tra năng lực nói của HS.

- Phương pháp thống kê toán học: Chúng tôi đã thu thập, xử lý và phân tích các số liệu khảo sát.

Việc khảo sát cụ thể được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Xác định rõ mục đích khảo sát và đối tượng khảo sát nhằm xây dựng hệ thống câu hỏi phù hợp với nội dung nghiên cứu.

Bước 2: Xây dựng phiếu khảo sát để tìm hiểu thực trạng dạy học Nói và nghe của GV và HS lớp 4, 5 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Phiếu khảo sát dành cho GV tập trung vào nội dung, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp và khó khăn trong quá trình dạy học Nói và nghe. Phiếu khảo sát dành cho HS, bên cạnh các thông tin chung, được thiết kế gồm hai phần chính: phần tìm hiểu hoạt động nói trong dạy học Nói và nghe nói chung và phần kiểm tra nói nhằm đánh giá năng lực nói của HS thông qua các kiểu bài phù hợp.

Bước 3: Tiến hành trao đổi, hướng dẫn và phát phiếu khảo sát cho GV và HS lớp 4, 5 của một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; đồng thời thu thập các phiếu khảo sát sau khi hoàn thành.

Bước 4: Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện nội dung khảo sát.

- Rà soát, kiểm tra nội dung và trình tự của các hoạt động, thời gian thực hiện cho từng hoạt động, xem xét tính hợp lý, khả năng thực hiện và kết quả đạt được.

- Trường hợp phát hiện những điểm chưa phù hợp và sai sót thì kịp thời điều chỉnh để bảo đảm độ tin cậy của kết quả khảo sát.

- Trên cơ sở đó, tiến hành tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng dạy học Nói và nghe ở lớp 4, 5.

Bước 5: Lưu trữ và hệ thống hóa kết quả khảo sát.

1.2.2. Phân tích kết quả và đánh giá thực trạng

1.2.2.1. Về phía GV

Để tìm hiểu thực trạng PTNL nói trong dạy học Nói và nghe cho HS lớp 4, 5 (Bộ sách KNTTVCS), chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu khảo sát cũng như phỏng vấn trực tiếp GV đang dạy lớp 4, 5 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Qua đó, bước đầu chúng tôi đưa ra được một số kết quả như sau:

a. Nhận thức, đánh giá của GV đối với việc phát triển năng lực nói của HS lớp 4, 5

Kết quả khảo sát cho thấy GV có nhận thức rất cao về vai trò của việc PTNL nói trong dạy học Nói và nghe. Cụ thể, 100% GV được hỏi đều cho rằng việc PTNL nói là *Cần thiết*, trong đó có tới 70% đánh giá là *Rất cần thiết* và 30% đánh giá là *Cần thiết*. Điều này phản ánh sự thống nhất trong nhận thức của đội ngũ GV về tầm quan trọng của năng lực nói đối với HS tiểu học, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục theo định hướng PTNL hiện nay.

Tuy nhiên, khi đánh giá thực tế năng lực nói của HS, GV đánh giá không có HS ở mức *Giỏi*, chỉ 14% GV đánh giá HS đạt mức *Khá*, trong khi phần lớn GV đánh giá HS ở mức *Trung bình* (66%) và *Yếu* (20%). Kết quả này cho thấy có sự chênh lệch giữa nhận thức của GV và thực tiễn năng lực của HS, đồng thời phản ánh năng lực nói của HS lớp 4, 5 hiện nay còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của chương trình.

Đánh giá về mức độ tham gia của HS trong các hoạt động nói, phần lớn GV cho rằng HS chưa thực sự chủ động: chỉ 18% GV cho rằng HS *Chủ động*, trong khi 52% GV đánh giá mức độ chủ động của HS là *Bình thường* và 30% GV cho rằng HS *Không chủ động*. Tương tự, về sự tự tin, chỉ 12% GV được hỏi cho rằng HS *Tự tin* trong hoạt động nói, trong khi tỉ lệ GV đánh giá HS *Không tự tin chiếm*

tới 48%. Những số liệu này cho thấy tâm lí e ngại, thiếu tự tin vẫn là rào cản lớn trong việc PTNL nói của HS.

Về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả rèn luyện năng lực nói, GV đánh giá cao vai trò của người học và người dạy. Trong đó, *Mức độ tự tin và tích cực của HS* (90% GV lựa chọn) và *Khả năng sử dụng ngôn ngữ* (80% GV lựa chọn) được xem là yếu tố quyết định hàng đầu; bên cạnh đó là *Phương pháp và kĩ năng tổ chức dạy học của GV* và *Nội dung, hình thức hoạt động* (cùng được 70% GV lựa chọn). Điều này cho thấy GV đã có nhận thức khá toàn diện về các yếu tố cấu thành năng lực nói. Ngoài ra, GV cũng đánh giá rất cao vai trò của các kĩ năng thành phần trong quá trình nói như: *xác định mục đích nói, sắp xếp ý, sử dụng từ ngữ phù hợp...* với tỉ lệ đồng thuận từ 80% đến 100%.

Tuy nhiên, thực tiễn dạy học vẫn còn nhiều khó khăn. Những trở ngại lớn nhất được GV chỉ ra là: *HS thiếu tự tin* (94%), *hạn chế về vốn từ và khả năng diễn đạt* (90%), *thời lượng tiết học hạn chế* (90%) và *khó tổ chức đa dạng hoạt động* (70%). Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù nhận thức tốt, nhưng việc hiện thực hóa mục tiêu PTNL nói vẫn gặp nhiều thách thức cả từ phía người học lẫn điều kiện dạy học.

b. Thực trạng GV sử dụng các biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe cho HS lớp 4, 5

Kết quả khảo sát cho thấy GV đã sử dụng một số biện pháp nhằm PTNL nói cho HS, tuy nhiên mức độ đa dạng và hiệu quả chưa cao.

Ở giai đoạn trước khi nói, biện pháp được sử dụng nhiều nhất là *tổ chức thảo luận nhóm, trao đổi ý kiến* (86% GV lựa chọn). Tuy nhiên, các hoạt động quan trọng khác như *giới thiệu bài nói mẫu* (10%) hay *tổ chức trải nghiệm thực tế* (6% GV lựa chọn) lại rất ít được GV sử dụng. Đáng chú ý, có tới 80% GV cho rằng *Chưa có nhiều biện pháp phù hợp* trong việc PTNL cho HS trong dạy học Nói và nghe. Điều này cho thấy hoạt động chuẩn bị cho HS trước khi nói chưa được GV quan tâm nhiều.

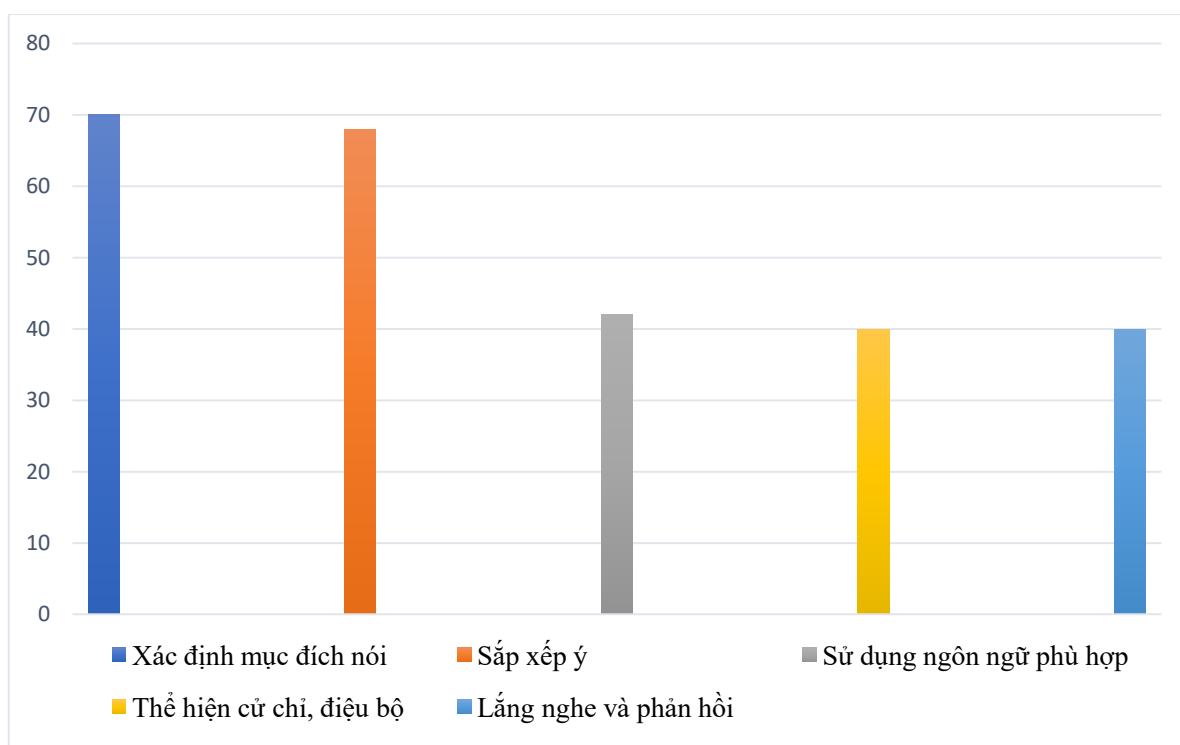
Trong quá trình luyện nói, 100% GV cho HS luyện *nói trong nhóm* và *nói cá nhân trước lớp*. Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ như *sử dụng tranh ảnh, tình huống gợi ý* (20%) hay *kết hợp linh hoạt các phương pháp* (20%) còn hạn chế. Điều này phản ánh việc tổ chức hoạt động nói còn mang tính truyền thống, chưa khai thác hiệu quả các phương tiện hỗ trợ nhằm kích thích hứng thú và khả năng diễn đạt của HS.

Ở giai đoạn sau khi nói, GV đã thực hiện khá đầy đủ các hoạt động như nhận xét, đánh giá, động viên và tổng kết (đều đạt 100%). Tuy nhiên, việc thực

hiện đồng bộ các biện pháp này chưa chắc đã đảm bảo hiệu quả nếu thiếu sự đổi mới trong cách thức tổ chức.

Đánh giá chung về hiệu quả các biện pháp, chỉ có 26% GV cho rằng “hiệu quả”, trong khi có tới 74% nhận định là “ít hiệu quả”. Đây là một con số đáng lưu ý, phản ánh sự hạn chế trong việc lựa chọn và vận dụng biện pháp dạy học.

Kết quả đạt được từ các biện pháp hiện tại cũng chưa cao. Theo đánh giá của GV, tỉ lệ HS đạt được các kỹ năng quan trọng như xác định mục đích nói (70%), sắp xếp ý (68%) mới chỉ ở mức trung bình; trong khi các kỹ năng khó hơn như sử dụng ngôn ngữ phù hợp (42%), thể hiện cử chỉ, điệu bộ (40%), lắng nghe và phản hồi (40%) còn khá thấp. Điều này cho thấy việc PTNL nói cho HS vẫn chưa toàn diện, nhiều em còn thiếu tự tin khi trình bày, diễn đạt chưa mạch lạc và chưa biết tương tác hiệu quả trong giao tiếp. Bên cạnh đó, quá trình dạy học vẫn còn thiên về việc trình bày nội dung mà chưa chú trọng đầy đủ đến việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp thực tế cho HS.



Biểu đồ 1.1. Tỉ lệ HS lớp 4, 5 đạt được các kỹ năng quan trọng trong hoạt động Nói và nghe

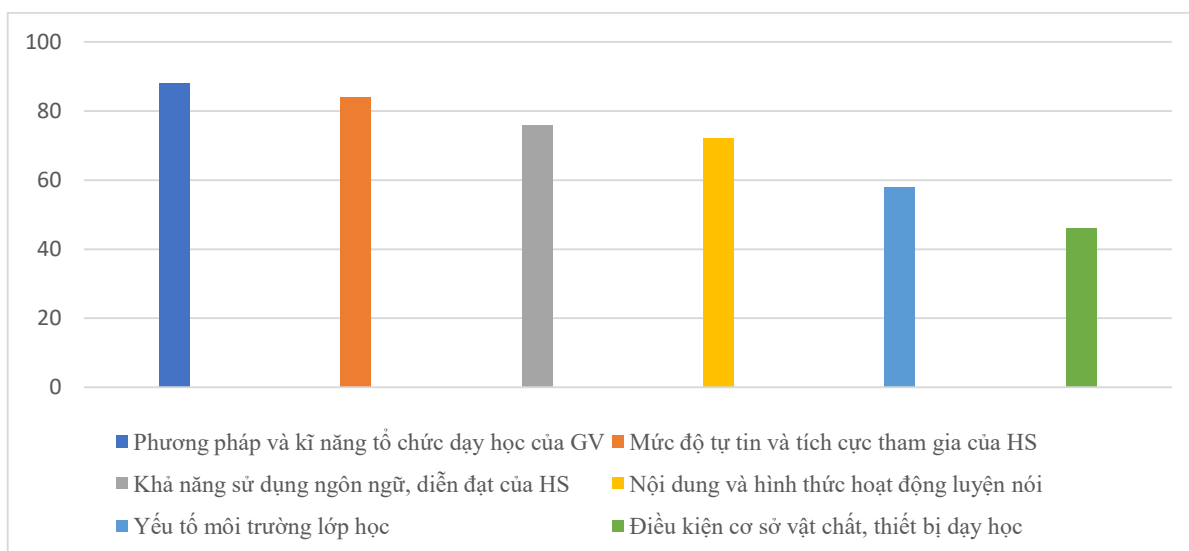
Về hình thức đánh giá, GV chủ yếu sử dụng *quan sát và nhận xét bằng lời* (100%), trong khi việc *sử dụng phiếu tiêu chí (rubric)* còn hạn chế (40%). Điều này có thể ảnh hưởng đến tính khách quan và định hướng PTNL cho HS.

Tổng hợp các kết quả khảo sát cho thấy: mặc dù GV đã có nhận thức đúng đắn và bước đầu triển khai các biện pháp dạy học, nhưng việc tổ chức hoạt động còn thiếu đa dạng, chưa hiệu quả; các điều kiện hỗ trợ còn hạn chế; và năng lực nói của HS vẫn chưa được phát triển như mong đợi. Nhiều HS còn thiếu tự tin khi trình bày trước tập thể, khả năng tương tác và phản hồi trong giao tiếp còn hạn chế, trong khi một số hoạt động dạy học chưa thực sự tạo được môi trường giao tiếp tích cực và cơ hội để HS tham gia nói thường xuyên. Bên cạnh đó, việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực nói ở một số tiết học còn mang tính hình thức, chưa tạo được sự hứng thú và động lực tham gia giao tiếp cho HS. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5 trong dạy học Nói và nghe, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực.

Tỉ lệ GV đánh giá Rất cần thiết và Cần thiết PTNL nói trong dạy học Nói và nghe cho HS lớp 4, 5 là 100%. Trong đó hầu hết GV cho rằng lí do cần thiết để PTNL nói bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động học và giao tiếp của HS. Việc rèn luyện năng lực nói trong dạy học Nói và nghe giúp HS nâng cao khả năng diễn đạt ý tưởng một cách rõ ràng, mạch lạc, biết sử dụng từ ngữ phù hợp và linh hoạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Thông qua hoạt động Nói và nghe, HS được rèn luyện cách trình bày suy nghĩ, chia sẻ ý kiến cá nhân cũng như biết lắng nghe và phản hồi ý kiến của người khác. Điều này không chỉ giúp các em phát triển khả năng ngôn ngữ mà còn góp phần hình thành sự tự tin, mạnh dạn khi giao tiếp trước tập thể. Bên cạnh đó, việc rèn luyện năng lực nói còn giúp HS mở rộng vốn từ, cải thiện khả năng diễn đạt và biết cách thể hiện cảm xúc, thái độ phù hợp trong giao tiếp. Qua đó, HS dần hình thành khả năng giao tiếp tự nhiên, chủ động hơn trong học tập cũng như trong các hoạt động sinh hoạt hằng ngày.

Khi được đề nghị đánh giá năng lực nói của HS lớp 4, 5 trong dạy học Nói và nghe, có 34% GV đánh giá ở mức *Khá*, 60% GV đánh giá ở mức *Trung bình*, 6% GV đánh giá ở mức *Yếu* và không có GV đánh giá ở mức *Giỏi*. Số liệu cho thấy, đa số GV đánh giá năng lực nói của HS chỉ đạt được ở mức *Khá* và *Trung Bình* (94%). Bên cạnh đó, nhiều yếu tố đã được GV cho rằng quyết định đến sự thành công của việc rèn kĩ năng nói cho HS, cụ thể là: 88% GV chọn yếu tố *phương pháp và kĩ năng tổ chức dạy học của GV*, 84% GV chọn yếu tố *mức độ*

tự tin và tích cực tham gia của HS, 76% GV chọn yếu tố khả năng sử dụng ngôn ngữ, diễn đạt của HS, 72% GV chọn yếu tố nội dung và hình thức hoạt động luyện nói, 58% chọn yếu tố môi trường lớp học, 46% GV chọn điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.



Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ các yếu tố giúp GV đánh giá bài nói của HS lớp 4, 5

Ngoài ra, chúng tôi đã đưa ra các câu hỏi khảo sát nhận thức của GV về vai trò của từng kỹ năng. Đối với kỹ năng xác định mục đích nói trước khi trình bày, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi sau: “*Theo thầy (cô) việc xác định mục đích nói trước khi trình bày có ý nghĩa gì trong việc dạy học Nói và nghe cho HS lớp 4, 5?*” _Câu 6_ Phiếu khảo sát.

Bảng 1.6. Tỷ lệ GV đánh giá ý nghĩa của kỹ năng xác định mục đích nói trước khi trình bày trong việc dạy học Nói và nghe

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Giúp nói đúng trọng tâm	42	84%
2	Giúp sắp xếp ý mạch lạc, logic	20	80%
3	Giúp lựa chọn từ ngữ phù hợp	34	68%
4	Giúp tự tin hơn khi trình bày bài nói	38	76%

Bảng 1.6 cho thấy 42 GV (chiếm 84%) đã nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của việc rèn kỹ năng xác định mục đích nói trước khi trình bày trong việc dạy học Nói và nghe thông qua các hoạt động trải nghiệm và giao tiếp trong dạy học. Thông qua các hoạt động luyện nói, HS được nâng cao khả năng diễn đạt, biết trình bày ý kiến một cách rõ ràng, mạch lạc và hình thành sự tự tin khi nói trước tập thể.

Bên cạnh đó, để tìm hiểu những khó khăn mà thầy cô gặp phải trong quá trình rèn luyện năng lực nói cho HS, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi sau: “*Những khó khăn mà thầy (cô) gặp trong quá trình rèn luyện năng lực nói cho HS lớp 4, 5 trong dạy học Nói và nghe?*”_Câu 9_ Phiếu khảo sát. Qua khảo sát, chúng tôi thấy hiện có: 82% GV đánh giá rằng HS ngại nói, thiếu tự tin, 78% GV đánh giá vốn từ và khả năng diễn đạt của HS còn hạn chế, 64% GV cho rằng trong dạy học Nói và nghe chưa được tổ chức nhiều hoạt động, 56% GV cho rằng thời lượng tiết học còn hạn chế, nhiều HS chưa được thể hiện bài nói.

Để tìm hiểu những ưu thế của HS lớp 4,5 về năng lực nói, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi sau: “*Theo thầy (cô), ưu thế về năng lực nói của HS lớp 4,5 là gì?*” _Câu 16_ Phiếu khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số GV đánh giá HS ở độ tuổi này đã có nhiều ưu thế trong việc PTNL nói. Cụ thể, 74% GV cho rằng HS bắt đầu có vốn từ và hiểu biết thực tế phong phú, 80% GV đánh giá HS đã biết diễn đạt ý kiến cá nhân bằng câu tương đối đầy đủ và rõ ràng, 78% GV cho rằng HS có khả năng giao tiếp, trao đổi trong học tập và sinh hoạt, 70% GV đánh giá HS mạnh dạn hơn khi nói trước tập thể so với các lớp dưới. Ngoài ra, 66% GV cho rằng HS có khả năng tham gia thảo luận nhóm, đóng vai và trình bày ý kiến, 62% GV nhận định HS đã biết cách lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn. Nhìn chung, những kết quả trên cho thấy HS lớp 4, 5 đã có nền tảng tương đối tốt để PTNL nói, đặc biệt ở khả năng diễn đạt và sự mạnh dạn khi giao tiếp. Đây là cơ sở quan trọng để GV thiết kế các hoạt động luyện nói phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và PTNL giao tiếp cho HS.

Bên cạnh những ưu thế của HS đối với hoạt động nói thì vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Vì vậy, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi khảo sát về những hạn chế mà HS còn đang mắc phải như sau: “*Theo thầy (cô), hạn chế về năng lực nói của HS lớp 4, 5 là gì?*”_Câu 17_ Phiếu khảo sát.

Bảng 1.7. Tỷ lệ hạn chế của HS lớp 4, 5 về năng lực nói

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Chưa biết cách xác định rõ mục đích trước khi nói	36	72%
2	Trình bày bài nói còn lan man, chưa đúng trọng tâm	40	80%
3	Còn gặp khó khăn trong sắp xếp trình tự các ý khi nói	38	76%
4	Còn hạn chế về vốn từ	39	78%
5	Chưa biết cách lựa chọn từ ngữ phù hợp khi nói	34	68%

6	Chưa biết cách diễn đạt câu cho phù hợp	32	64%
7	Chưa biết điều chỉnh giọng nói, âm lượng, tốc độ khi nói	35	70%
8	Chưa biết cách thể hiện cử chỉ, điệu bộ phù hợp khi nói	37	74%
9	Còn thiếu tự tin khi nói trước lớp	41	82%
10	Chưa biết lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn	30	60%

Từ số liệu trên cho thấy 41 GV (chiếm 82%) cho rằng *HS còn thiếu tự tin khi nói trước lớp*; bên cạnh đó, nhiều HS còn trình bày lan man, chưa đúng trọng tâm và gặp khó khăn trong việc sắp xếp ý khi nói. Điều này cho thấy năng lực nói của HS vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt ở khả năng tổ chức nội dung và kỹ năng trình bày trước tập thể.

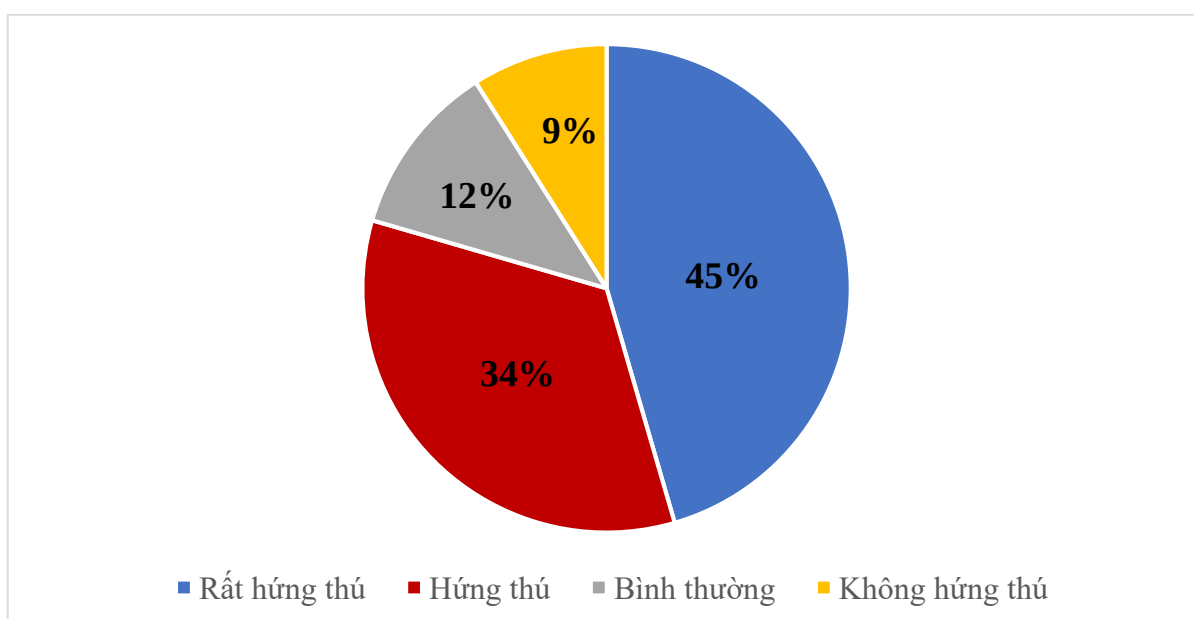
Bước đầu khảo sát, cho thấy GV nhận thức rõ tính cấp thiết của việc nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe cho HS lớp 4, 5; GV hiểu rõ ý nghĩa của một số biện pháp. Thông qua dạy học GV nhận thấy được những ưu thế và hạn chế của HS về năng lực nói trong dạy học Nói và nghe.

1.2.2.2. Về phía HS

Chúng tôi đã thiết kế phiếu khảo sát HS nhằm tìm hiểu nhận thức, đánh giá của các em về hoạt động nói trong dạy học Nói và nghe.

a. Đánh giá của HS về hoạt động nói trong dạy học Nói và nghe

Chúng tôi đã khảo sát 400 HS lớp 4, 5 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình về khả năng hứng thú với giờ học Nói và nghe bằng câu hỏi sau: “Em có hứng thú khi tham gia giờ học Nói và nghe, môn Tiếng Việt không?” _ Câu 1 _ Phiếu khảo sát HS, kết quả này được thể hiện qua biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 1.3. Tỷ lệ HS hứng thú đối với giờ học Nói và nghe

Qua bảng số liệu trên, ta thấy đa số HS *Rất hứng thú* (45%) và *Hứng thú* (34%) trong giờ học Nói và nghe, chiếm tỉ lệ 79%. Để tìm hiểu những lí do HS hứng thú trong giờ học Nói và nghe, chúng tôi đã đưa ra các gợi ý qua câu hỏi số 1: “Em có hứng thú khi tham gia giờ học Nói và nghe, môn Tiếng Việt không?”_Câu 1_Phiếu khảo sát HS và thu được kết quả sau:

Bảng 1.8. Thống kê lí do HS hứng thú đối với giờ học Nói và nghe

STT	Lí do HS hứng thú	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Được quan sát tranh ảnh, video hoặc vật thật liên quan đến đối tượng nói và nghe.	280/316	88,6
2	Được trải nghiệm thực tế đối với đối tượng nói và nghe.	242/316	76,6
3	Được thầy cô phân tích và hướng dẫn cách nói và nghe hiệu quả.	261/316	68,4
4	Được sử dụng sơ đồ tư duy	219/316	69,3

Như vậy, có 88,6% HS hứng thú khi được quan sát tranh ảnh, video hoặc vật thật liên quan đến nội dung bài học. Hoạt động này giúp HS hình dung rõ đối tượng giao tiếp, từ đó làm phong phú vốn từ và nội dung trình bày. Bên cạnh đó, 76,6% HS cho biết các em hứng thú khi được tham gia trải nghiệm thực tế, giúp việc nói trở nên cụ thể và sinh động hơn.

Ngoài ra, 68,4% HS cảm thấy hứng thú khi được GV hướng dẫn cách trình bày bài nói và cách lắng nghe hiệu quả, qua đó giúp các em biết cách sắp xếp ý và tránh nói lan man. Đặc biệt, 68,3% HS hứng thú khi được sử dụng sơ đồ tư duy trong quá trình học, giúp ghi nhớ và hệ thống hóa ý tưởng một cách logic.

Tuy nhiên, vẫn còn một số ít HS chưa thực sự hứng thú với hoạt động luyện nói. Chúng tôi đã tiến hành thống kê các nguyên nhân khiến HS chưa hứng thú qua bảng sau:

Bảng 1.9. Thống kê lí do HS không hứng thú đối với giờ học Nói và nghe

STT	Lí do HS không hứng thú	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Em ngại nói trước lớp	57/84	67,9
2	Em chưa biết nói gì hoặc nói như nào	53/84	63,1

3	Em gặp khó khăn trong việc sắp xếp ý khi nói	49/84	58,3
4	Em thiếu từ ngữ để diễn đạt ý	48/84	57,1
5	Giờ học chưa có nhiều hoạt động nói hấp dẫn	45/84	53,6

Qua bảng thống kê, có thể thấy rõ những lí do khiến HS chưa có hứng thú với hoạt động luyện nói trong dạy học Nói và nghe. Trước hết, có 67,9% HS cho biết các em ngại nói trước lớp, thiếu tự tin khi trình bày trước tập thể nên thường không chủ động tham gia. Bên cạnh đó, 63,1% HS chia sẻ rằng các em chưa biết nói gì hoặc nói như thế nào, dẫn đến tâm lí lúng túng, e dè khi được yêu cầu trình bày bài nói. Ngoài ra, 58,3% HS gặp khó khăn trong việc sắp xếp ý khi nói, chưa biết cách tổ chức nội dung một cách logic. 57,1% HS cho rằng các em thiếu từ ngữ để diễn đạt ý tưởng, làm cho lời nói chưa rõ ràng và chưa phong phú. Đặc biệt, 53,6% HS cho rằng giờ học chưa có nhiều hoạt động luyện nói hấp dẫn.

Cũng qua khảo sát, chúng tôi đã thống kê được những kĩ năng mà HS được rèn luyện thông qua giờ học Nói và nghe, cụ thể như sau: hơn 75,2% HS được rèn luyện kĩ năng xác định mục đích nói, giúp các em bước đầu hiểu được mình cần nói gì và nói để làm gì. Bên cạnh đó, 62,3% HS được rèn luyện kĩ năng sắp xếp ý theo trình tự hợp lí khi nói, tuy nhiên nhiều em còn lúng túng trong việc liên kết các ý, dẫn đến bài nói chưa thực sự mạch lạc. Đối với các kĩ năng sử dụng từ ngữ, câu nói phù hợp, mặc dù đã được chú ý rèn luyện nhưng hiệu quả chưa cao, nhiều HS vẫn gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý tưởng một cách rõ ràng và linh hoạt. Tương tự, kĩ năng sử dụng cử chỉ, điệu bộ khi nói chưa được quan tâm đúng mức, khiến phần trình bày của HS còn thiếu tự nhiên và chưa thu hút. Ngoài ra, kĩ năng lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn cũng chưa được phát triển thường xuyên, dẫn đến việc tương tác trong hoạt động nói còn hạn chế.

Để tìm hiểu những khó khăn mà HS thường xuyên mắc phải khi tham gia hoạt động Nói và nghe, chúng tôi tiếp tục khảo sát HS qua câu hỏi sau: “Em thường gặp những khó khăn nào khi tham gia hoạt động Nói và nghe?”_Câu 4_Phiếu khảo sát HS. Kết quả cho thấy, HS gặp khá nhiều trở ngại trong quá trình luyện nói. Cụ thể, có 68,3% HS cho biết các em thiếu tự tin khi nói trước lớp, dẫn đến tâm lí e dè, ngại phát biểu. Bên cạnh đó, 62,1% HS cho rằng các em dễ quên ý khi đang nói, làm cho phần trình bày bị gián đoạn, thiếu mạch lạc. Ngoài ra, 65,4% HS tự nhận thấy chưa nói rõ ràng, mạch lạc, còn lúng túng trong cách diễn đạt nên bài nói chưa đạt hiệu quả. Một số HS cho biết các em chưa biết cách đặt câu hỏi hoặc phản hồi ý kiến của bạn, dẫn đến việc tương tác trong hoạt động nói

còn hạn chế. Đồng thời, 60,5% HS gặp khó khăn trong việc thể hiện cảm xúc, thái độ khi nói, khiến bài nói thiếu sự sinh động và chưa thu hút người nghe. Đáng chú ý, có 58,7% HS cho rằng các em khó lắng nghe và ghi nhớ ý kiến của bạn khi bạn nói, ảnh hưởng đến khả năng tham gia trao đổi và thảo luận. Bên cạnh đó, qua khảo sát về trình tự thực hiện khi tham gia hoạt động nói, chỉ có hơn 46,3% HS thực hiện đúng các bước như xác định nội dung, sắp xếp ý và trình bày. Số HS còn lại thường bỏ qua một số bước quan trọng như xác định mục đích nói, chuẩn bị ý hoặc sắp xếp ý trước khi nói, dẫn đến phần trình bày thiếu logic và hiệu quả chưa cao.

Bên cạnh việc khảo sát khả năng hứng thú của HS và những lí do mà HS hứng thú và không hứng thú đối với giờ học Nói và nghe, chúng tôi còn tìm hiểu mong muốn của HS thông qua câu hỏi: “Em mong muốn thầy (cô) tổ chức thêm những hoạt động nào để giúp em nói tốt hơn?” _ Câu 8 _ Phiếu khảo sát HS. Đối với *hoạt động thảo luận nhóm, trao đổi ý kiến* có hơn 72,4% HS có hứng thú và mong muốn được tham gia. 78,6% HS mong muốn được *tổ chức nói theo tranh ảnh, video, tình huống*. 80,2% HS mong muốn được *đóng vai, kể chuyện, trình bày ý kiến cá nhân*; 68,1% HS muốn được *hướng dẫn lập đề cương trước khi nói*.

Như vậy, có thể thấy đa số HS có hứng thú với hoạt động luyện nói, tuy nhiên các em vẫn còn gặp nhiều khó khăn và trở ngại trong quá trình tham gia. Bên cạnh những HS tích cực, ham học hỏi và mong muốn nâng cao kĩ năng nói, vẫn còn một bộ phận HS chưa có ý thức tự rèn luyện, dẫn đến hiệu quả chưa cao. Nhiều HS chưa nhận thức rõ vai trò của hoạt động nói trong học tập và giao tiếp, vì vậy chưa chủ động tham gia và chưa tích cực luyện tập để nâng cao khả năng diễn đạt. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc PTNL nói, khiến các em còn thiếu tự tin, chưa mạnh dạn và chưa phát huy hết khả năng của bản thân trong các hoạt động giao tiếp trước tập thể.

b. Về năng lực nói của HS tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thông qua kết quả thực hiện bài kiểm tra nói

Để có cơ sở chắc chắn trong việc đánh giá thực trạng năng lực nói của HS lớp 4, 5, chúng tôi đã thiết kế 01 bài kiểm tra nói trong phiếu khảo sát của mỗi khối, yêu cầu HS thực hiện nội dung bài kiểm tra trong thời gian khoảng 3 - 5 phút. Đề kiểm tra nói như sau:

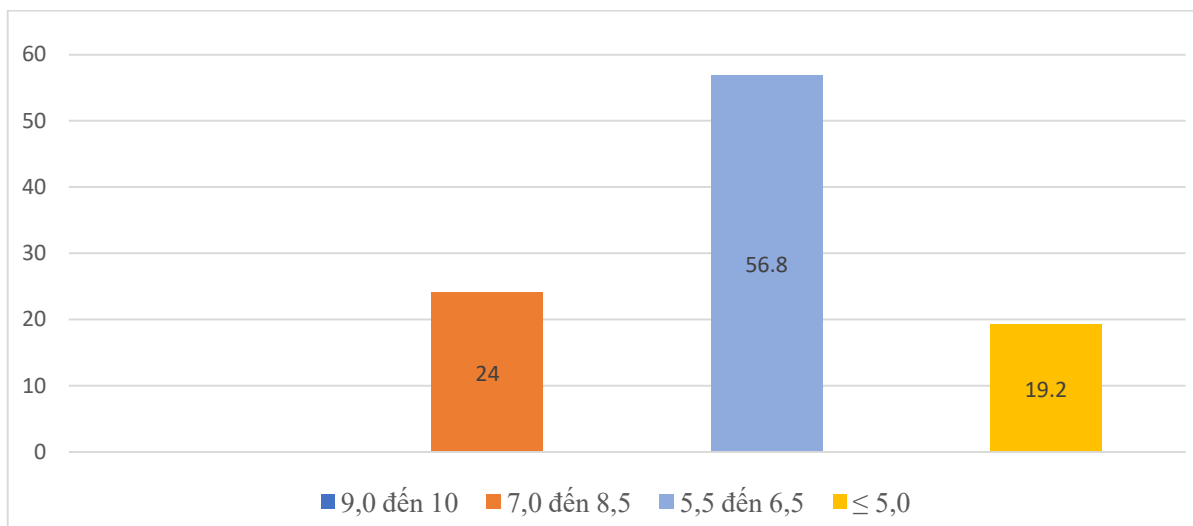
Đề 1: Hãy giới thiệu một tấm gương sáng trong học tập hoặc trong cuộc sống mà em biết (Dành cho HS lớp 4).

Đề 2: Em hãy giới thiệu một địa điểm tham quan du lịch mà em biết (Dành cho HS lớp 5).

Sau khi tổng hợp phiếu khảo sát và chấm điểm dựa trên các tiêu chí đề ra về hình thức và nội dung, kết quả thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 1.10. Thống kê số lượng và tỉ lệ điểm bài kiểm tra nói

Điểm	Số lượng bài	Tỉ lệ (%)
9,0 đến 10	0	0
7,0 đến 8,5	96	24,0
5,5 đến 6,5	227	56,8
≤ 5,0	77	19,2
Tổng	400	100



Biểu đồ 1.4. Thống kê số lượng và tỉ lệ điểm bài kiểm tra nói

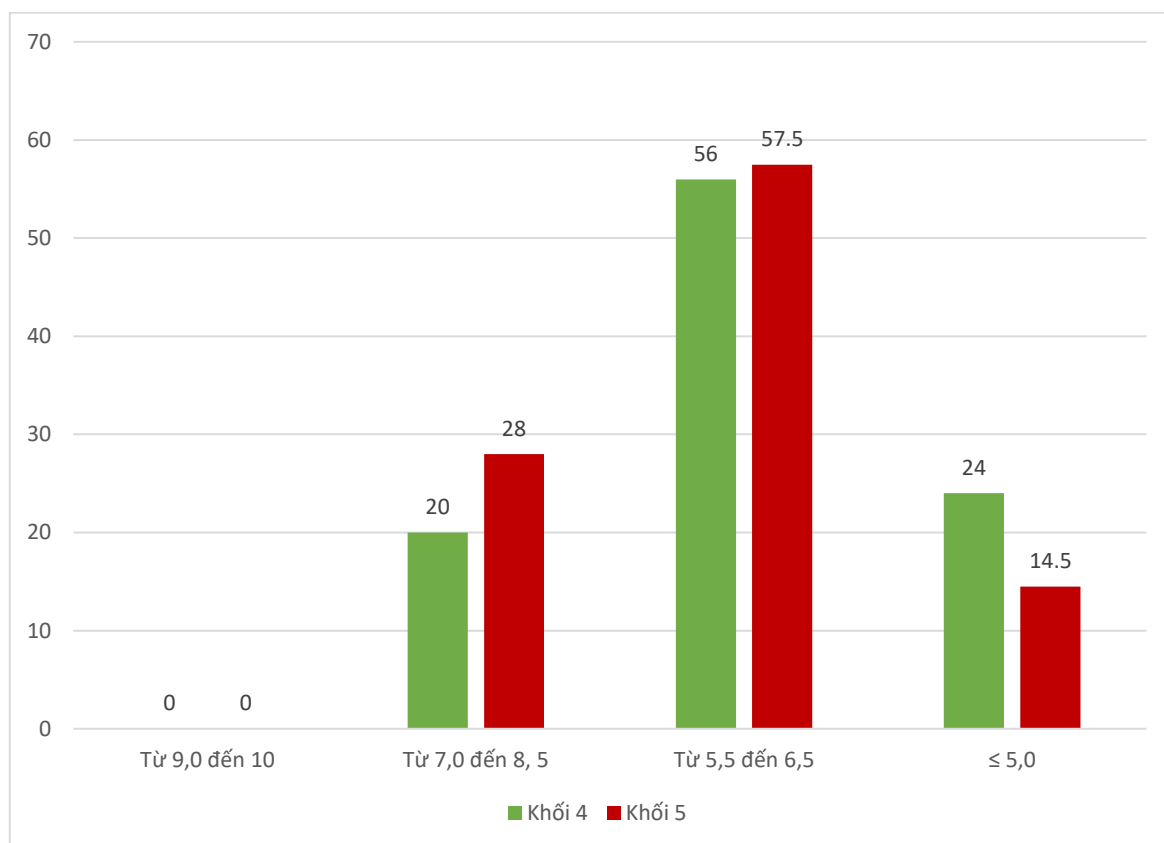
Nhìn vào Bảng 1.10 và Biểu đồ 1.4, có thể thấy: trong tổng số 400 HS được yêu cầu thực hiện bài kiểm tra nói thì không có HS đạt mức điểm từ 9,0 đến 10,0 điểm. Tỉ lệ HS đạt điểm từ mức 5,5 đến 6,5 và mức 7,0 đến 8,5 lần lượt là 56,8% và 24,0%. Bên cạnh đó, số lượng bài ở mức điểm dưới 5,0 là 77 bài chiếm 19,2%.

Tiếp tục phân tích số liệu để xem xét kĩ năng nói và sự phân bố điểm của HS lớp 4, 5, chúng tôi có bảng thống kê dưới đây:

Bảng 1.11. Thống kê số lượng và tỉ lệ điểm bài kiểm tra nói của từng lớp

Điểm	Lớp	Số bài	Tỉ lệ (%)
9,0 đến 10	4	0	0
	5	0	0

7,0 đến 8,5	4	40	20,0
	5	56	28,0
5,5 đến 6,5	4	112	56,0
	5	115	57,5
≤ 5,0	4	48	24,0
	5	29	14,5



Biểu đồ 1.5. Tỷ lệ điểm bài kiểm tra nói của từng khối

Nhìn vào Bảng 1.11 và Biểu đồ 1.5, chúng ta thấy được tỉ lệ điểm phân bố ở từng khối, cụ thể:

Ở khoảng điểm từ 7,0 đến 8,5, tỉ lệ điểm bài kiểm tra của HS khối 5 cao hơn khối 4 là 8,0%. Ở khoảng điểm từ 5,0 trở xuống, tỉ lệ điểm bài kiểm tra của HS khối 4 cao hơn HS khối 5 là 9,5%. Điều này một phần cho thấy HS khối 5 có kĩ năng nói tốt hơn HS khối 4.

Như vậy, qua tổng hợp và phân tích số liệu khảo sát HS trong quá trình tham gia các hoạt động Nói và nghe, chúng tôi rút ra một số nhận xét như sau:

Trong quá trình thực hiện hoạt động nói, khoảng 62% HS chưa có thói quen chuẩn bị đề cương bài nói hoặc sắp xếp ý trước khi trình bày mà thường nói ngay

theo suy nghĩ của mình. Điều này khiến nhiều bài nói còn thiếu sự mạch lạc, nội dung trình bày dễ lan man và chưa đúng trọng tâm. Bên cạnh đó, chỉ khoảng 14% HS hoàn thành phần trình bày đúng hoặc gần đủ thời gian yêu cầu; nhiều HS kết thúc bài nói khá sớm. Đặc biệt, có khoảng 58% HS chỉ trình bày dưới 1 phút do còn thiếu tự tin, chưa có nhiều nội dung để nói hoặc chưa biết cách triển khai và trình bày bài nói của mình. Tuy nhiên, trong số những HS hoàn thành đúng thời gian, chỉ khoảng 46% HS có sự điều chỉnh, bổ sung nội dung hoặc tự kiểm tra lại bài nói trước khi trình bày; nhiều HS vẫn còn tâm lý nói xong là kết thúc mà chưa chú ý đến việc hoàn thiện nội dung diễn đạt.

Về hình thức trình bày bài nói, khoảng 43% HS bước đầu biết trình bày tương đối đầy đủ nội dung, diễn đạt rõ ý và có mở đầu, nội dung chính, kết thúc phù hợp. Tuy nhiên, vẫn còn 57% HS trình bày chưa mạch lạc, nói ngập ngừng hoặc diễn đạt rời rạc. Một số HS còn nói quá nhỏ, thiếu tự tin, chưa biết sử dụng ánh mắt, cử chỉ hay điệu bộ phù hợp khi giao tiếp.

Có khoảng 35% HS chưa biết cách sắp xếp nội dung bài nói hợp lý, trình bày các ý còn lộn xộn, chưa xác định được trọng tâm cần nói. Một số HS còn phụ thuộc nhiều vào gợi ý của GV hoặc bạn bè, chưa chủ động trong quá trình trình bày ý kiến của bản thân.

Về khả năng sử dụng ngôn ngữ, vốn từ của HS còn hạn chế; nhiều HS chưa biết lựa chọn từ ngữ phù hợp với nội dung và tình huống giao tiếp. Trong quá trình nói, HS còn gặp khó khăn trong việc diễn đạt câu trọn ý, sử dụng từ chưa chính xác hoặc lặp từ nhiều lần. Bên cạnh đó, khả năng sử dụng ngữ điệu, điều chỉnh âm lượng, tốc độ nói và kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ của nhiều HS còn hạn chế, khiến hiệu quả giao tiếp chưa cao.

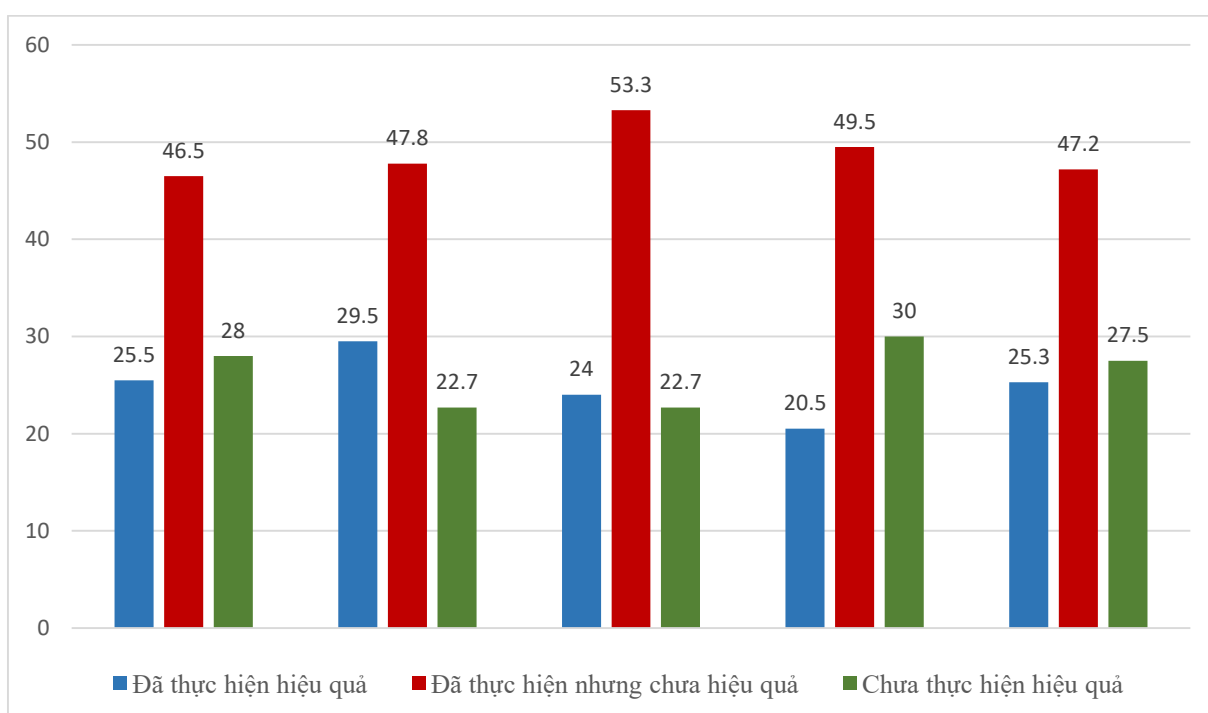
Bảng 1.12. Thống kê số lượng và tỉ lệ HS đáp ứng các mức độ nội dung đánh giá bài kiểm tra nói

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ	Số lượng (HS)	Tỉ lệ (%)
1	Chuẩn bị nội dung và	Biết chuẩn bị đề cương bài nói, xác định được nội dung và trình tự trình bày phù hợp.	102/400	25,5

	đề cương bài nói	Đã biết chuẩn bị nội dung bài nói nhưng đề cương chưa đầy đủ, trình tự trình bày còn thiếu hợp lí.	186/400	46,5
		Chưa biết chuẩn bị đề cương bài nói, nội dung trình bày còn rời rạc, thiếu trọng tâm.	112/400	28,0
2	Bố cục bài nói	Biết trình bày bài nói với bố cục đầy đủ gồm mở đầu, nội dung chính và kết thúc rõ ràng.	118/400	29,5
		Đã biết trình bày bài nói theo bố cục nhưng các phần chưa cân đối, liên kết chưa chặt chẽ.	191/400	47,8
		Chưa biết trình bày bài nói theo bố cục rõ ràng, nội dung còn rời rạc.	91/400	22,7
3	Xác định và triển khai các ý chính khi nói	Biết xác định đúng nội dung cần nói và triển khai các ý rõ ràng, mạch lạc.	96/400	24,0
		Biết xác định nội dung cần nói nhưng việc triển khai các ý chưa hợp lí, còn lan man.	213/400	53,3
		Chưa biết xác định nội dung trọng tâm và sắp xếp ý khi nói.	91/400	22,7
4	Sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố hỗ trợ khi nói	Vốn từ phong phú, diễn đạt rõ ràng, trôi chảy; biết sử dụng ngữ điệu, ánh mắt và cử chỉ phù hợp để hỗ trợ bài nói.	82/400	20,5
		Biết diễn đạt nhưng vốn từ còn hạn chế, đôi khi lặp từ hoặc chưa rõ ý; sử dụng yếu tố hỗ trợ khi nói nhưng chưa tự nhiên, chưa phù hợp nội dung.	198/400	49,5
		Sử dụng từ ngữ và diễn đạt còn hạn chế, nói ngập ngừng hoặc mắc lỗi;	120/400	30,0

		chưa biết kết hợp ngữ điệu, ánh mắt, cử chỉ khi trình bày.		
5	Mở đầu và kết thúc bài nói	Biết mở đầu và kết thúc bài nói phù hợp, tạo được sự thu hút đối với người nghe.	101/400	25,3
		Biết mở đầu và kết thúc bài nói nhưng còn đơn giản, chưa thật sự hấp dẫn.	189/400	47,2
		Biết mở đầu và kết thúc bài nói nhưng còn đơn giản, chưa thật sự hấp dẫn.	110/400	27,5

Kết quả thống kê, đánh giá thực trạng năng lực viết của HS qua bài kiểm tra viết được thể hiện qua biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 1.6. Biểu đồ biểu diễn số lượng và tỉ lệ HS đáp ứng các mức độ nội dung đánh giá bài kiểm tra nói

Số liệu thống kê, đánh giá và sự biểu diễn ở biểu đồ đánh giá mức độ thực trạng năng lực nói của HS thông qua bài kiểm tra nói cho thấy:

Tỉ lệ HS đạt mức độ tốt trong các nội dung đánh giá dao động từ khoảng 20,5% đến 29,5%. Ở mức này, HS đã biết chuẩn bị nội dung và đề cương bài nói,

xác định được nội dung và trình tự trình bày phù hợp; biết trình bày bài nói với bố cục đầy đủ gồm mở đầu, nội dung chính và kết thúc rõ ràng. Trong quá trình trình bày, HS sử dụng ngôn ngữ tương đối rõ ràng, mạch lạc và bước đầu biết sử dụng ngữ điệu, ánh mắt, cử chỉ để hỗ trợ bài nói. Một số HS thể hiện được sự tự tin và có khả năng tương tác với người nghe. Tuy nhiên, số lượng HS đạt mức độ này còn chưa nhiều.

Tỉ lệ HS đạt mức độ trung bình chiếm tỉ lệ cao nhất, dao động từ khoảng 46,5% đến 53,3%. Nhìn chung, HS ở mức độ này đã bước đầu thực hiện được bài nói, như: có chuẩn bị nội dung nhưng đề cương chưa đầy đủ; trình bày theo bố cục nhưng các phần chưa cân đối, liên kết chưa chặt chẽ; xác định được nội dung cần nói nhưng việc triển khai ý còn lan man, chưa hợp lí. Về kĩ năng trình bày, HS còn hạn chế về vốn từ, đôi khi lặp từ hoặc diễn đạt chưa rõ ý; giọng nói chưa ổn định, có biểu hiện ngập ngừng, thiếu tự tin; việc sử dụng ngữ điệu, ánh mắt, cử chỉ chưa tự nhiên và chưa phù hợp với nội dung trình bày. Nhiều HS chưa duy trì được bài nói trong thời gian yêu cầu, thường kết thúc bài nói sớm do thiếu ý tưởng hoặc chưa biết cách triển khai nội dung.

Bên cạnh đó, tỉ lệ HS chưa đạt yêu cầu dao động từ khoảng 22,7% đến 30,0%. Ở mức này, HS chưa biết hoặc chưa thành thạo trong việc chuẩn bị đề cương bài nói; nội dung trình bày còn rời rạc, thiếu trọng tâm; chưa xác định được nội dung chính và chưa biết sắp xếp ý khi nói. Bố cục bài nói chưa rõ ràng hoặc còn thiếu các phần cơ bản. Về kĩ năng trình bày, HS sử dụng từ ngữ và diễn đạt còn hạn chế, nói ngập ngừng hoặc mắc lỗi diễn đạt; chưa biết kết hợp ngữ điệu, ánh mắt, cử chỉ trong quá trình trình bày bài nói.

Từ kết quả khảo sát thực trạng năng lực nói của HS lớp 4, 5 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, đa số HS có hứng thú đối với các hoạt động Nói và nghe. Nhiều HS mong muốn được tham gia các hoạt động giao tiếp, chia sẻ ý kiến và trình bày trước tập thể. Các em bước đầu nhận thức được vai trò của năng lực nói trong học tập và giao tiếp hằng ngày. Tuy nhiên, vẫn còn một số HS chưa thực sự mạnh dạn, còn tâm lí e ngại khi tham gia hoạt động nói trước lớp nên kết quả bài nói chưa đạt như mong muốn.

Thứ hai, mặc dù HS đã được rèn luyện một số kĩ năng nói thông qua các giờ học Nói và nghe, nhưng nhiều em vẫn gặp khó khăn trong việc xác định mục đích nói, sắp xếp ý, lựa chọn từ ngữ và thể hiện sự tự tin khi trình bày. Vì vậy, việc tổ chức rèn luyện thường xuyên, có định hướng và phù hợp với đặc điểm tâm

lí lứa tuổi là rất cần thiết. GV cần xây dựng các biện pháp cụ thể nhằm hỗ trợ HS phát triển toàn diện năng lực nói.

Thứ ba, qua xem xét và đánh giá các bài kiểm tra nói của HS cho thấy vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế về cả nội dung và kĩ năng trình bày. Nhiều HS chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, chưa sử dụng linh hoạt ngôn ngữ nói và các yếu tố hỗ trợ giao tiếp như giọng điệu, ánh mắt, cử chỉ. Điều này cho thấy việc phát triển năng lực nói cho HS lớp 4, 5 cần được quan tâm nhiều hơn trong quá trình dạy học Nói và nghe ở tiểu học.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu cơ sở lí luận của việc nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe cho HS lớp 4, 5 chúng tôi khẳng định việc nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5 là một việc rất cần thiết. Việc PTNL nói không chỉ góp phần nâng cao chất lượng học tập môn Tiếng Việt nói chung mà còn giúp HS hình thành khả năng giao tiếp tự tin, mạch lạc trong học tập và đời sống. Bên cạnh đó, năng lực nói còn giúp HS bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, từ đó nuôi dưỡng tình cảm, thái độ tích cực đối với con người và môi trường xung quanh.

Về mặt cơ sở lí luận, đề tài đã tìm hiểu, phân tích, tổng hợp, góp phần làm rõ các khái niệm liên quan tới nội dung nghiên cứu, trình bày được YCCD về năng lực nói ở tiểu học nói chung và năng lực nói trong dạy học Tiếng Việt cho HS lớp 4,5 nói riêng. Đồng thời, đề tài cũng làm rõ những đặc điểm tâm lí, sinh lí và nhận thức của HS lớp 4, 5 chi phối tới việc rèn kĩ năng nói.

Về mặt cơ sở thực tiễn, chúng tôi tiến hành khảo sát nội dung dạy học Nói và nghe trong bộ sách KNTTVCS lớp 4, 5; thực trạng tổ chức hoạt động dạy học và mức độ đạt được về năng lực nói của HS lớp 4, 5 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Đây là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói cho HS.

Đối với GV, kết quả khảo sát bước đầu đầu cho thấy đa số GV đã nhận thức rõ vai trò của việc rèn luyện năng lực nói cho HS và đã biết vận dụng một số hình thức, PPDH tích cực. Tuy nhiên, việc tổ chức các hoạt động phát triển năng lực nói vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phát huy hết khả năng của HS.

Đối với HS, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn HS có hứng thú tham gia các hoạt động Nói và nghe. Tuy nhiên, các em vẫn gặp nhiều khó khăn trong quá trình diễn đạt: còn thiếu tự tin, nói chưa rõ ràng, mạch lạc; vốn từ còn hạn chế; khả năng lắng nghe và phản hồi chưa tốt. Kết quả đánh giá cũng cho thấy năng lực nói của HS chủ yếu ở mức trung bình đến khá, còn nhiều hạn chế cần được khắc phục.

Từ những kết quả khảo sát đối với GV và HS tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, chúng tôi có những cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5 trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt.

Chương 2

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC NÓI TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE, MÔN TIẾNG VIỆT 4, 5

2.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5

2.1.1. Đảm bảo mục tiêu và nội dung dạy học Nói và nghe cho học sinh lớp 4, 5

CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đã quy định rõ mục tiêu và YCCĐ đối với việc rèn luyện kỹ năng nói và nghe cho HS tiểu học. Đối với kỹ năng nói, HS cần biết trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc bằng lời nói rõ ràng, mạch lạc; biết sử dụng từ ngữ, câu nói phù hợp với mục đích và đối tượng giao tiếp; kết hợp cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói.

Nội dung dạy học Nói và nghe được xây dựng căn bám sát các YCCĐ của từng lớp học, hướng tới việc hình thành và phát triển đồng bộ các kỹ năng nói, nghe và nói – nghe tương tác cho HS. Riêng đối với kỹ năng nói, ở lớp 4 HS được rèn luyện khả năng nói rõ ràng, đúng mục đích với đề tài; thể hiện thái độ tự tin, biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp; đồng thời các em có thể trình bày nội dung về một đề tài với sự hỗ trợ của các phương tiện như tranh ảnh, sơ đồ. HS cũng được hướng dẫn kể lại những sự việc đã tham gia, bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ cá nhân và trình bày lí lẽ với những ý kiến hoặc nhận định về các vấn đề gần gũi trong đời sống. Đối với HS lớp 5, kỹ năng nói được yêu cầu phát triển ở mức độ cao hơn thông qua việc biết điều chỉnh lời nói về từ ngữ, tốc độ và âm lượng sao cho phù hợp với người nghe. HS cần trình bày ý tưởng một cách rõ ràng, có cảm xúc, thể hiện thái độ tự tin khi nói trước tập thể; đồng thời biết kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt. Việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, sơ đồ, cũng được khuyến khích nhằm nâng cao hiệu quả biểu đạt. Bên cạnh đó, HS được rèn luyện khả năng dựa vào gợi ý để giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi quen thuộc. Những yêu cầu giúp HS từng bước hình thành tư duy nói có lập luận, biết sắp xếp ý theo trình tự hợp lí và diễn đạt mạch lạc trước người nghe.

Để đảm bảo mục tiêu và nội dung dạy học Nói và nghe cho HS lớp 4, 5, GV cần nắm vững các YCCĐ của từng lớp học, từ đó xác định rõ trọng tâm rèn luyện kỹ năng phù hợp với trình độ nhận thức và khả năng giao tiếp của HS. Việc lựa chọn nội dung dạy học cần có sự phân hóa hợp lí, tránh dàn trải hoặc vượt quá khả năng tiếp nhận của HS, đồng thời bảo đảm tính kế thừa và phát triển giữa các lớp.

Bên cạnh đó, GV cần tổ chức các hoạt động Nói và nghe theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS, tạo nhiều cơ hội để các em được thực hành

nói trong những tình huống giao tiếp gần gũi, quen thuộc. Nội dung luyện nói cần gắn với trải nghiệm cá nhân, đời sống học tập và sinh hoạt hằng ngày của HS nhằm giúp các em dễ tiếp cận, dễ bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc.

GV cũng cần chú trọng rèn luyện cho HS kĩ năng tổ chức nội dung nói, hướng dẫn các em biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn ý chính, sắp xếp ý theo trình tự hợp lí và sử dụng từ ngữ, câu nói phù hợp. Đồng thời, việc hướng dẫn HS kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ và các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, sơ đồ cần được thực hiện một cách linh hoạt, phù hợp với từng kiểu bài và đối tượng HS.

2.1.2. Đảm bảo phát huy vai trò tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh

Trong dạy học Nói và nghe, việc phát huy vai trò tích cực, chủ động và sáng tạo của HS là yêu cầu quan trọng nhằm chuyển từ cách dạy học truyền thụ sang cách dạy học lấy HS làm trung tâm. Thông qua đó, HS được tham gia trực tiếp vào quá trình học tập, chủ động chiếm lĩnh tri thức và rèn luyện kĩ năng giao tiếp bằng lời nói trong các tình huống đa dạng, gần gũi với đời sống.

Trước hết, GV cần tạo điều kiện để HS được tham gia thường xuyên vào các hoạt động Nói và nghe, hạn chế tình trạng HS chỉ nghe thụ động. Các nhiệm vụ học tập cần được thiết kế rõ ràng, phù hợp với khả năng của HS, đồng thời khuyến khích các em tự chuẩn bị nội dung, tự lựa chọn cách trình bày và chủ động thể hiện ý kiến cá nhân. Việc để HS tự kể chuyện, tự trình bày theo chủ đề, tự chia sẻ trải nghiệm sẽ giúp các em hình thành thói quen suy nghĩ độc lập và chủ động trong giao tiếp.

Bên cạnh đó, GV cần đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học nhằm tăng cường sự tham gia của HS. Các hình thức như làm việc theo cặp, thảo luận nhóm, đóng vai, phỏng vấn, kể chuyện theo tranh, trình bày trước lớp,... không chỉ giúp HS có nhiều cơ hội thực hành mà còn tạo môi trường giao tiếp tương tác, trong đó các em được lắng nghe, phản hồi và trao đổi ý kiến với bạn bè. Thông qua các hoạt động này, HS dần hình thành kĩ năng hợp tác, biết tôn trọng lời nói và ý kiến của người khác.

GV nên khuyến khích HS vận dụng vốn sống, trí tưởng tượng và cảm xúc cá nhân vào bài nói, cho phép các em linh hoạt trong cách lựa chọn từ ngữ, sắp xếp ý và sử dụng cử chỉ, điệu bộ hoặc phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, sơ đồ. Thay vì yêu cầu các em nói theo bài nói mẫu, GV cần phát huy tính sáng tạo trong bài nói của HS.

Ngoài ra, GV cần xây dựng không khí lớp học thân thiện, cởi mở, tạo cảm giác an toàn để HS mạnh dạn phát biểu, không e ngại sai sót. Việc nhận xét, góp

ý cần được thực hiện một cách nhẹ nhàng, mang tính định hướng, tập trung vào việc khuyến khích sự tiến bộ của HS. Điều này giúp HS tự tin hơn khi tham gia các hoạt động Nói và nghe.

2.1.3. Đảm bảo tính hệ thống

Trong dạy học Nói và nghe, việc đảm bảo tính hệ thống có vai trò quan trọng trong việc giúp HS hình thành và PTNL giao tiếp một cách bền vững, liên tục và có định hướng. Tính hệ thống thể hiện ở sự sắp xếp hợp lý các mục tiêu, nội dung, hình thức và PPDH theo một trình tự logic, phù hợp với đặc điểm tâm lí, nhận thức của HS, đồng thời bảo đảm sự kế thừa và phát triển giữa các lớp học.

Trước hết, nội dung dạy học Nói và nghe cần được tổ chức theo tiến trình từ đơn giản đến phức tạp, từ những yêu cầu cơ bản về nói rõ ràng, nghe hiểu nội dung chính đến những yêu cầu cao hơn về trình bày ý kiến, lập luận, trao đổi và phản hồi trong giao tiếp. Các kĩ năng nói, nghe và nói – nghe tương tác không được dạy rời rạc mà cần được lồng ghép, gắn kết chặt chẽ trong từng bài học và giữa các bài học, giúp HS từng bước hoàn thiện năng lực giao tiếp.

Bên cạnh đó, GV cần chú ý đảm bảo sự thống nhất giữa mục tiêu dạy học, nội dung bài học và hoạt động tổ chức trên lớp. Mỗi hoạt động nói và nghe cần đáp ứng mục tiêu đã đề ra. Việc lựa chọn kiểu bài, chủ đề và nhiệm vụ học tập cần được cân nhắc kĩ lưỡng để tạo sự liên kết giữa các bài học, giúp HS nhận thấy mối quan hệ giữa những kiến thức, kĩ năng đã học và những yêu cầu mới.

2.1.4. Đảm bảo tính khả thi

Trong dạy học Nói và nghe, việc đảm bảo tính khả thi có vai trò quan trọng nhằm giúp các biện pháp dạy học được triển khai hiệu quả trong thực tiễn, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và đối tượng HS. Tính khả thi thể hiện ở việc các nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phải phù hợp với đặc điểm tâm lí, trình độ nhận thức của HS tiểu học, đồng thời đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, thời lượng và năng lực tổ chức của GV.

Trước hết, các hoạt động dạy học Nói và nghe cần được thiết kế đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, không đòi hỏi quá nhiều phương tiện hay điều kiện phức tạp. GV có thể tận dụng các tình huống quen thuộc trong học tập và đời sống để tổ chức cho HS thực hành nói và nghe, như kể chuyện, thảo luận nhóm, đóng vai hoặc trình bày ý kiến cá nhân. Những hoạt động này vừa gần gũi, vừa tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực, từ đó nâng cao hiệu quả rèn luyện năng lực nói.

Bên cạnh đó, GV cần linh hoạt điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với thực tế lớp học, đảm bảo mọi HS đều có cơ hội

tham gia và PTNL. Việc lựa chọn nhiệm vụ học tập cần chú ý đến sự vừa sức, tránh gây quá tải hoặc khó khăn cho HS. Đồng thời, các biện pháp cần có khả năng áp dụng rộng rãi trong nhiều bài học và bối cảnh khác nhau, góp phần nâng cao chất lượng dạy học Nói và nghe một cách bền vững.

2.2. Biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5

2.2.1. Xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng và phát triển năng lực nói của học sinh

a. Mục đích của biện pháp

Việc xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập trong dạy học Nói và nghe có vai trò quan trọng trong việc định hướng và PTNL nói cho HS tiểu học.

Hệ thống câu hỏi là tập hợp các câu hỏi được GV thiết kế một cách có mục đích, có trình tự và có sự liên kết với nội dung bài học nhằm dẫn dắt HS từng bước chiếm lĩnh nội dung học tập và PTNL. Trong dạy Nói và nghe môn Tiếng Việt, hệ thống câu hỏi không đơn thuần là những câu hỏi rời rạc để kiểm tra kiến thức mà còn công cụ định hướng tư duy và tổ chức lời nói của HS.

Nhiệm vụ học tập là yêu cầu cụ thể mà GV giao cho HS thực hiện thông qua hoạt động học, trong đó HS phải huy động kiến thức, kỹ năng để tạo ra sản phẩm học tập gắn với tình huống giao tiếp cụ thể. Trong dạy học Nói và nghe môn Tiếng Việt, nhiệm vụ học tập thường yêu cầu HS tạo ra sản phẩm lời nói (như giới thiệu, kể chuyện, nêu ý kiến, trao đổi, thảo luận...).

Hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập có mối quan hệ chặt chẽ và bổ sung cho nhau. Nếu hệ thống câu hỏi giúp HS hình thành ý tưởng, nội dung bài nói thì nhiệm vụ học tập yêu cầu HS tổ chức và trình bày các ý tưởng đó thành lời nói hoàn chỉnh. Thông qua hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập được thiết kế khoa học, GV có thể dẫn dắt HS từng bước hình thành và hoàn thiện khả năng diễn đạt, từ việc nói những nội dung đơn giản đến trình bày ý kiến, trao đổi và phản hồi trong các tình huống giao tiếp đa dạng.

Trước hết, hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập có vai trò định hướng nội dung và quá trình thực hành nói của HS. Các câu hỏi không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra kiến thức mà còn tạo cơ hội để HS suy nghĩ, lựa chọn cách diễn đạt và trình bày ý tưởng của mình bằng lời nói. Những nhiệm vụ học tập như kể chuyện, thảo luận nhóm, đóng vai hay thuyết trình giúp HS được đặt vào các tình huống giao tiếp cụ thể, từ đó thúc đẩy nhu cầu nói và tạo điều kiện để HS rèn luyện năng lực nói một cách tự nhiên. Đồng thời, hệ thống câu hỏi còn góp phần phát triển tư duy ngôn ngữ, giúp HS biết cách tổ chức lời nói, diễn đạt mạch lạc và phù hợp với mục đích giao tiếp.

Thông qua hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập phù hợp, HS lớp 4, 5 có thể từng bước nâng cao năng lực nói trên nhiều phương diện. HS có khả năng trình bày suy nghĩ, cảm xúc một cách rõ ràng, mạch lạc; kể lại câu chuyện hoặc sự việc theo trình tự hợp lí; bày tỏ ý kiến cá nhân và giải thích quan điểm của mình. Bên cạnh đó, các em còn được rèn luyện khả năng tham gia thảo luận, biết lắng nghe, phản hồi và tương tác với người khác trong giao tiếp. Quá trình này không chỉ giúp phát triển kỹ năng nói mà còn góp phần hình thành sự tự tin, tính chủ động và thái độ tích cực trong học tập cũng như trong các hoạt động xã hội.

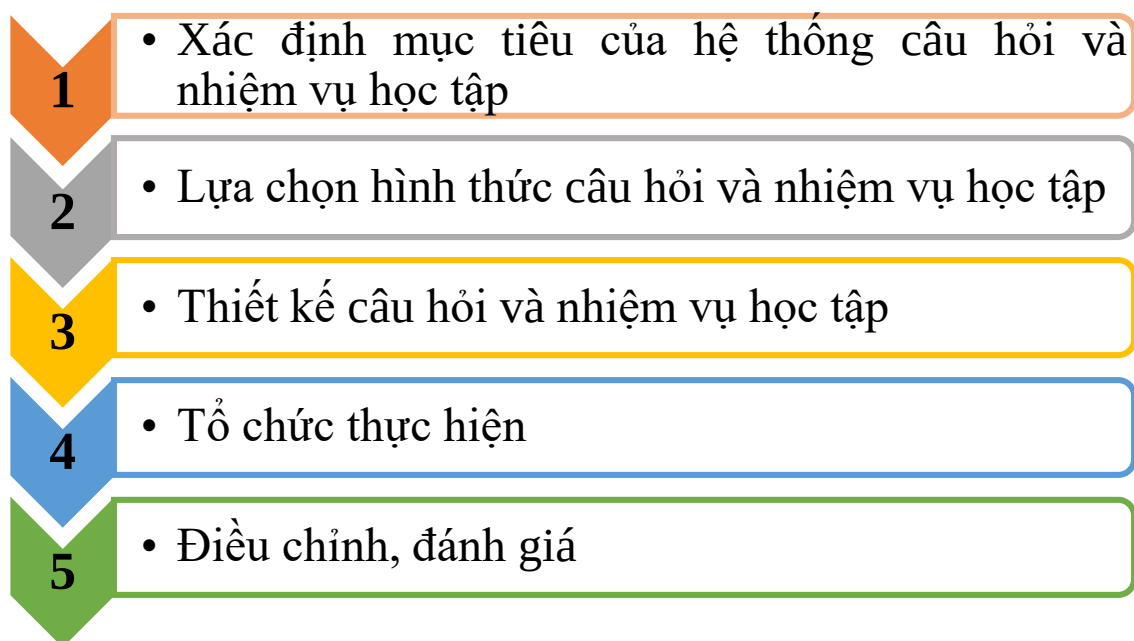
Mục đích của việc xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập là nhằm định hướng hoạt động dạy học theo hướng PTNL nói cho HS, tạo điều kiện để các em được tham gia vào quá trình giao tiếp bằng lời nói một cách tích cực, chủ động và có hiệu quả. Thông qua đó, HS được rèn luyện khả năng diễn đạt, trình bày ý kiến, trao đổi và phản hồi trong các tình huống giao tiếp khác nhau, từ đó từng bước hình thành và nâng cao năng lực nói. Đồng thời, việc sử dụng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập còn góp phần phát triển tư duy ngôn ngữ, tăng cường sự tự tin và hứng thú học tập, giúp HS vận dụng tốt ngôn ngữ nói trong học tập và đời sống.

Trong các bài Nói và nghe ở SGK Tiếng Việt lớp 4, 5, câu hỏi và nhiệm vụ học tập được thiết kế với vai trò định hướng nội dung, giúp HS hiểu được nhiệm vụ và bước đầu tham gia vào hoạt động nói và nghe. Đây là nền tảng quan trọng, đảm bảo tính chuẩn mực và thống nhất trong dạy học. Tuy nhiên, nếu xét riêng về mục tiêu phát triển kỹ năng nói thì hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập trong SGK mới dừng lại ở mức độ tái hiện kiến thức hoặc dưới dạng trả lời ngắn. Điều này hạn chế trong việc tạo không gian để HS có thể trình bày ý bài nói một cách đầy đủ, liên kết và có chiều sâu. Đồng thời, việc phân hoá đối tượng người học dựa trên hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ sẵn có trong SGK sẽ gặp những khó khăn nhất định. Điều này khiến việc rèn luyện kỹ năng nói cho HS không được thường xuyên và hiệu quả như mong muốn.

Như vậy, việc xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập có vai trò quan trọng trong việc định hướng và PTNL nói cho HS, giúp các em được thực hành giao tiếp thường xuyên, từ đó nâng cao khả năng diễn đạt và sự tự tin trong học tập và đời sống.

b. Cách tiến hành

Dựa vào mục đích của việc xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập, chúng tôi đề xuất các bước thực hiện giúp GV vận dụng trong giờ Nói và nghe, môn Tiếng Việt lớp 4, 5 nhằm định hướng và PTNL nói cho HS như sau:



Sơ đồ 2.1. Quy trình xây dựng và tổ chức hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng và phát triển năng lực nói của học sinh

Bước 1: Xác định mục tiêu của hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Xác định mục tiêu là bước định hướng cho toàn bộ quá trình xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập. GV cần bám sát chương trình Tiếng Việt lớp 4, 5 và YCCĐ của bài học để xác định mục tiêu phù hợp. Mục tiêu cần rõ ràng, phù hợp với đặc điểm tâm lí, trình độ và nhu cầu của HS, không chỉ giúp HS nói được mà còn hướng tới việc nói rõ ràng, mạch lạc, tự tin và có khả năng tương tác trong giao tiếp.

Bước 2: Lựa chọn hình thức câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Sau khi xác định mục tiêu, GV tiến hành lựa chọn hình thức câu hỏi và nhiệm vụ học tập phù hợp nhằm cụ thể hóa mục tiêu thành các hoạt động nói. Hệ thống câu hỏi cần đa dạng về mức độ và chức năng như: câu hỏi chuẩn bị cho bài nói, câu hỏi xây dựng nội dung bài nói, câu hỏi mở rộng nội dung và câu hỏi tương tác. Các câu hỏi, nhiệm vụ cần gần gũi, có tính gợi mở và tạo cơ hội cho tất cả HS tham gia hoạt động nói.

Bước 3: Thiết kế câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Trên cơ sở mục tiêu và hình thức đã lựa chọn, GV tiến hành thiết kế hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm tổ chức hiệu quả hoạt động Nói và nghe. Các câu hỏi cần rõ ràng, ngắn gọn, có tính gợi mở và được sắp xếp theo trình tự từ dễ đến khó để khuyến khích HS suy nghĩ và trình bày ý kiến. Bên cạnh đó, hệ thống câu hỏi cần đa dạng về chức năng như: câu hỏi chuẩn bị cho bài nói, xây dựng nội dung, mở rộng nội dung và câu hỏi tương tác. Đối với nhiệm vụ học tập, GV cần xác định rõ yêu cầu, cách thực hiện và hình thức tổ chức phù hợp như cá

nhân, cặp hoặc nhóm. Nội dung câu hỏi và nhiệm vụ nên gắn với các tình huống giao tiếp gần gũi, đồng thời có sự phân hóa để phù hợp với nhiều đối tượng HS.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi thiết kế hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập, GV tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động nói thông qua nhiều hình thức như cá nhân, cặp đôi, nhóm hoặc trình bày trước lớp. Trong quá trình tổ chức, GV cần tạo môi trường giao tiếp tích cực, hướng dẫn rõ ràng nhiệm vụ và hỗ trợ HS bằng các câu hỏi gợi ý hoặc dẫn dắt khi cần thiết. Đồng thời, GV quan sát, động viên và giúp đỡ những HS còn rụt rè, khuyến khích HS biết lắng nghe, nhận xét và phản hồi lẫn nhau.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi tổ chức hoạt động nói, GV tiến hành đánh giá và điều chỉnh hệ thống câu hỏi, nhiệm vụ học tập nhằm nâng cao hiệu quả PTNL nói cho HS. Việc đánh giá cần dựa trên các tiêu chí như khả năng diễn đạt, trình bày ý kiến, mức độ tham gia giao tiếp và khả năng lắng nghe, phản hồi. GV có thể kết hợp nhiều hình thức đánh giá như quan sát, bảng tiêu chí, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Trên cơ sở đó, GV điều chỉnh nội dung và cách tổ chức hoạt động cho phù hợp với thực tế lớp học.

c. Ví dụ cụ thể

Ví dụ 1: Để làm rõ biện pháp Xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng và PTNL nói của HS, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 7 – Bài 14 – Nói và nghe: *Việc làm có ích*, SGK Tiếng Việt lớp 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

NÓI VÀ NGHE

VIỆC LÀM CÓ ÍCH

Yêu cầu: Kể lại một việc có ích em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.

1. Chuẩn bị.
G:

- Lựa chọn một việc có ích em đã từng làm cùng bạn bè hoặc người thân.

Việc có ích cho cộng đồng
(quyên góp sách báo tặng các bạn ở vùng khó khăn,...)

Việc có ích cho trường lớp
(vệ sinh trường, lớp,...)

Việc có ích cho gia đình
(chăm sóc vật nuôi,...)

- Em đã làm việc đó ở đâu? Khi nào? Với những ai?
- Em đã tham gia làm những gì?
- Việc đó có ích như thế nào?

- 2.** Chia sẻ với bạn việc có ích em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.
- Kể lại công việc em đã tham gia theo đúng trình tự và nêu cảm xúc của em.
 - Nêu lợi ích của công việc đó.

Lưu ý:

	Người nói – Kể rõ ràng, rành mạch các sự việc theo đúng trình tự. – Có thể dùng các cử chỉ biểu lộ cảm xúc để hỗ trợ cho phần nói.	Người nghe – Chăm chú lắng nghe, thể hiện bằng cử chỉ (gật đầu, cười,...). – Đặt câu hỏi sau khi người nói kết thúc phần chia sẻ của mình.	
---	---	---	---

- 3.** Ghi chép những ý quan trọng trong bài phát biểu của bạn để trao đổi với bạn.



Tìm đọc câu chuyện về những trải nghiệm trong cuộc sống (ví dụ: câu chuyện về một cuộc phiêu lưu, một chuyến du lịch hoặc về quá trình thực hiện một công việc phải vượt qua nhiều khó khăn, thử thách,...).

62

Hình 2.1. Hình ảnh trang sách bài 14 – Nói và nghe: Việc làm có ích (trang 62), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục tiêu của câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Trong bài Nói và nghe: *Việc làm có ích*, việc xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng nội dung nói và hỗ trợ HS thực hiện bài nói một cách rõ ràng, mạch lạc. Mục tiêu cụ thể là: thông qua việc trả lời câu hỏi và thực hiện nhiệm vụ học tập, HS nhớ lại, tái hiện một việc làm có ích đã từng làm cùng bạn bè và người thân; chia sẻ được với bạn về việc làm có ích; trao đổi với bạn về những ý quan trọng trong bài phát biểu của bạn.

Bước 2: Lựa chọn hình thức câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Sau khi đã xác định được mục tiêu của câu hỏi và nhiệm vụ trong bài Nói và nghe: *Việc làm có ích*, GV sẽ tiến hành lựa chọn hình thức câu hỏi và nhiệm vụ học tập.

Đối với hình thức của câu hỏi, GV nên sử dụng hệ thống các câu hỏi mang tính gợi mở, giúp HS có cơ hội trình bày ý kiến, kể lại sự việc và bày tỏ cảm xúc như: “Em đã làm việc đó ở đâu, khi nào, với ai?”; “Em đã làm những gì?”; “Việc

đó có ích như thế nào?”,... Đồng thời, GV cần lựa chọn hình thức câu hỏi phù hợp với thời điểm sử dụng trong quá trình dạy học và mức độ nhận thức của HS nhằm tạo điều kiện để các em dễ dàng tham gia, suy nghĩ và phát triển nội dung bài nói.

Đối với nhiệm vụ học tập, GV giao cho HS chuẩn bị trước ở nhà bằng cách nhớ lại và lựa chọn một việc làm có ích mà em đã thực hiện, có thể kèm theo tranh vẽ hoặc tranh ảnh minh họa. HS cần ghi lại những ý chính như: em đã làm việc gì, làm ở đâu, khi nào và việc làm đó có ý nghĩa như thế nào. Trên lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để chia sẻ, bổ sung ý tưởng, sau đó trình bày trước lớp.

Bước 3: Thiết kế câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Trên cơ sở mục tiêu và hình thức đã lựa chọn, GV tiến hành thiết kế cụ thể hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm tổ chức hiệu quả hoạt động Nói và nghe.

Khi thiết kế các câu hỏi cho bài Nói và nghe: *Việc làm có ích*, GV có thể dựa vào các câu hỏi có sẵn trong SGK và thiết kế thêm một số câu hỏi khác nhằm định hướng nội dung nói cho HS. Cụ thể như sau:

Nhóm câu hỏi mức độ nhận biết: sử dụng ở bước khởi động hoặc trước khi luyện nói nhằm giúp HS gợi nhớ trải nghiệm và xác định nội dung bài nói:

1. Theo em, thế nào là việc làm có ích?
2. Hãy nêu hoặc kể tên một số việc làm có ích của bản thân hoặc của những người xung quanh mà em đã được chứng kiến.
3. Em thích làm việc tốt trong gia đình, nhà trường hay ngoài xã hội? Vì sao?

Nhóm câu hỏi mức độ thông hiểu: sử dụng trong hoạt động luyện nói chính nhằm hướng dẫn HS phát triển nội dung bài nói rõ ràng, mạch lạc và cụ thể:

4. Em đã làm việc có ích đó ở đâu, khi nào, với ai?
5. Việc đó diễn ra như thế nào?
6. Em đã tham gia làm những việc gì?

Nhóm câu hỏi mức độ vận dụng: sử dụng sau khi HS trình bày bài nói nhằm giúp HS mở rộng nội dung, liên hệ bản thân và rút ra bài học:

7. Em hãy chỉ ra những lợi ích mà việc làm đó mang lại cho bản thân và những người xung quanh.
8. Em rút ra được bài học gì cho bản thân từ việc làm đó?
9. Nếu được làm lại, em có muốn thay đổi điều gì không?

Nhóm câu hỏi tương tác: sử dụng trong hoạt động trao đổi, thảo luận hoặc nhận xét bài nói của bạn, nhằm phát triển kỹ năng lắng nghe, phản hồi và tương tác giữa HS:

10. Em có đồng ý với việc làm của bạn không? Vì sao?
11. Em học được điều gì từ câu chuyện của bạn?
12. Theo em, HS có thể làm được những gì để góp ích cho cộng đồng?
- Đối với nhiệm vụ học tập, GV có thể giao nhiệm vụ cho HS về nhà vào cuối tiết học trước dưới dạng phiếu học tập, cụ thể như sau:

Họ và tên: _____	Lớp: _____
VIỆC LÀM CÓ ÍCH	
Em hãy kể tên một việc làm có ích cho bản thân hoặc cho mọi người.	
Em hãy sưu tầm tranh ảnh về việc làm có ích.	

Hình 2.2. Phiếu bài tập sử dụng trong bài 14 – Nói và nghe: Việc làm có ích (trang 62), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi đã thiết kế hệ thống các câu hỏi và nhiệm vụ học tập, GV tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động nói trong giờ học.

Trước giờ học, GV tổ chức hoạt động kết nối nhằm tạo tâm thế cho HS bước vào bài học bằng cách yêu cầu các em chia sẻ về những việc làm có ích mà mình đã thực hiện cho người khác, đồng thời giới thiệu các tranh ảnh đã sưu tầm theo nhiệm vụ được giao từ cuối tiết học trước. Thông qua hoạt động này, HS được huy động vốn trải nghiệm cá nhân, bước đầu hình thành nội dung trao đổi và tham gia vào hoạt động giao tiếp bằng lời nói trong không khí tự nhiên, cởi mở, qua đó tạo tiền đề cho việc thực hiện bài nói ở các bước tiếp theo.

Khi đã kết nối HS vào bài học, GV sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở (từ câu 1 đến câu 9) nhằm định hướng nội dung và tổ chức hoạt động nói cho HS. GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 để cùng trao đổi, chia sẻ về bài nói của mình. Trong quá trình thảo luận, GV nhắc nhở HS chú ý lắng nghe ý kiến của bạn, không ngắt lời và nhận xét cho bạn.

Sau đó GV tổ chức cho HS trình bày trước lớp dựa theo bài nói đã chia sẻ trong nhóm 4. GV sử dụng các câu hỏi tương tác (từ câu 10 đến câu 12) để khuyến khích HS tham gia lắng nghe, đặt câu hỏi, nhận xét và phản hồi cho bạn. Hoạt động này tạo điều kiện để HS rèn luyện khả năng diễn đạt, tương tác và phản hồi trong giao tiếp, qua đó góp phần PTNL nói một cách toàn diện.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi HS trả lời hệ thống câu hỏi và thực hiện các nhiệm vụ học tập, GV tiến hành đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về năng lực nói. Cụ thể, GV xem xét HS có lựa chọn đúng nội dung cần trình bày, biết sắp xếp ý theo trình tự hợp lí, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc và bước đầu thể hiện được cảm xúc hay không. Đồng thời, GV cũng chú ý đến khả năng tham gia tương tác, lắng nghe và phản hồi trong quá trình thảo luận và trình bày trước lớp.

Trên cơ sở đó, GV thực hiện điều chỉnh phù hợp. Đối với những HS chưa đáp ứng yêu cầu, cần bổ sung câu hỏi gợi ý cụ thể hơn, hướng dẫn lại cách tổ chức nội dung hoặc tạo thêm cơ hội luyện tập trong nhóm nhỏ. Với những HS đã đáp ứng tốt, GV có thể mở rộng yêu cầu nhằm phát triển khả năng diễn đạt và sáng tạo trong lời nói. Việc đánh giá và điều chỉnh như vậy góp phần đảm bảo tất cả HS đều từng bước PTNL nói.

Ví dụ 2: Để làm rõ biện pháp Xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng và PTNL nói của HS, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 14 – Bài 26 – Nói và nghe: *Ước mơ của em*, SGK Tiếng Việt lớp 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

ƯỚC MƠ CỦA EM

Yêu cầu: Nói về một ước mơ của em.

1. Chuẩn bị.

G:

– Ước mơ của em dành cho ai?

Bản thân em

Gia đình, bạn bè

Vật nuôi trong nhà,...

– Em ước mơ điều gì?

– Em làm gì để thực hiện ước mơ đó?

2. Chia sẻ với các bạn ước mơ của em.

Lưu ý:

– Sử dụng tranh ảnh minh họa để nội dung nói rõ ràng, thuyết phục hơn.

– Dùng cử chỉ và từ ngữ bộc lộ cảm xúc để phần nói hấp dẫn, thu hút hơn.

3. Lắng nghe những chia sẻ của bạn.

– Chú ý lắng nghe, không ngắt lời bạn.

– Khích lệ bạn khi bạn đã nói xong, đặt câu hỏi nếu còn chưa hiểu rõ (hoặc chưa nghe rõ).

– Ghi lại những ước mơ của bạn mà em thấy thú vị.



Tim đọc một bài thơ về ước mơ.

Ví dụ:

*Ngày mai lên sao Kim
của Phùng Ngọc Hùng*

*Tuổi ngựa
của Xuân Quỳnh*

Hình 2.3. Hình ảnh trang sách bài 14 – Nói và nghe: Ước mơ của em (trang 117), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục tiêu của câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Trong bài Nói và nghe: *Ước mơ của em*, việc xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng nội dung nói và hỗ trợ HS bày tỏ suy nghĩ, nguyện vọng của bản thân một cách rõ ràng, mạch lạc. Mục tiêu cụ thể là: thông qua việc trả lời câu hỏi và thực hiện nhiệm vụ học tập, HS xác định được ước mơ của bản thân; trình bày, chia sẻ với bạn về ước mơ của mình một cách rõ ràng, mạch lạc; đồng thời trao đổi, nhận xét và phản hồi về những ý quan trọng trong phần trình bày của bạn.

Bước 2: Lựa chọn hình thức câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Sau khi xác định mục tiêu của câu hỏi và nhiệm vụ trong bài Nói và nghe: *Ước mơ của em*, GV tiến hành lựa chọn hình thức phù hợp.

Đối với câu hỏi, nên sử dụng các câu hỏi gợi mở nhằm tạo điều kiện cho HS trình bày ý kiến và bày tỏ cảm xúc, như: “Ước mơ của em là gì?”, “Vì sao em có ước mơ đó?”, “Em cần làm gì để thực hiện ước mơ?”. Đồng thời, GV cần lựa chọn hình thức câu hỏi phù hợp với thời điểm sử dụng trong quá trình dạy học và mức độ nhận thức của HS nhằm tạo điều kiện để các em dễ dàng tham gia, suy nghĩ và phát triển nội dung bài nói.

Đối với nhiệm vụ học tập, GV giao cho HS chuẩn bị trước ở nhà bằng cách suy nghĩ và xác định ước mơ của bản thân, có thể kèm theo tranh vẽ minh họa. HS cần ghi lại những ý chính như: ước mơ của em là gì, vì sao em có ước mơ đó và em cần làm gì để thực hiện. Trên lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để chia sẻ, bổ sung ý tưởng, sau đó trình bày trước lớp.

Bước 3: Thiết kế câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Khi thiết kế câu hỏi cho bài Nói và nghe: *Ước mơ của em*, GV có thể dựa vào các câu hỏi trong SGK, đồng thời bổ sung thêm một số câu hỏi gợi mở để định hướng nội dung nói cho HS. Cụ thể như sau:

Nhóm câu hỏi mức độ nhận biết: sử dụng ở giai đoạn khởi động và hình thành nội dung ban đầu, giúp HS xác định được chủ đề và nội dung chính của bài nói:

1. Em hãy kể một số ước mơ của bản thân hoặc của những người xung quanh mà em biết.
2. Ước mơ của em là gì?
3. Ước mơ của em gắn với công việc hoặc nghề nghiệp nào?

Nhóm câu hỏi mức độ thông hiểu: sử dụng trong hoạt động luyện nói chính, giúp HS giải thích, làm rõ nguyên nhân và ý nghĩa của ước mơ:

4. Vì sao em lại có ước mơ đó?
5. Ước mơ đó có ý nghĩa như thế nào đối với em và mọi người xung quanh?
6. Em cần làm gì để thực hiện ước mơ của mình?

Nhóm câu hỏi mức độ vận dụng: sử dụng sau khi HS trình bày bài nói nhằm giúp HS mở rộng nội dung, liên hệ thực tế và bày tỏ suy nghĩ cá nhân:

7. Nếu ước mơ trở thành hiện thực, em cảm thấy như thế nào?
8. Nếu gặp trở ngại trong quá trình thực hiện ước mơ, em sẽ làm gì?

Nhóm câu hỏi tương tác: sử dụng trong hoạt động trao đổi, thảo luận hoặc nhận xét bài nói của bạn, nhằm phát triển kỹ năng lắng nghe, phản hồi và tương tác giữa HS:

9. Em có nhận xét gì về ước mơ của bạn?

10. Sau khi nghe về ước mơ của bạn, em có lời khuyên hoặc lời chúc nào dành cho bạn không?

11. Em học được gì từ phần trình bày của bạn?

Đối với nhiệm vụ học tập, GV giao cho HS về nhà chuẩn bị cho bài nói bằng cách lựa chọn và mang đến lớp một số đồ vật, tranh ảnh hoặc dụng cụ có liên quan đến ước mơ của mình. Ví dụ: HS có ước mơ trở thành bác sĩ có thể chuẩn bị ống nghe đồ chơi; HS muốn làm họa sĩ có thể mang bút màu, tranh vẽ; HS mơ ước trở thành cầu thủ bóng đá có thể chuẩn bị quả bóng hoặc áo thể thao. Đồng thời, HS xác định các ý chính như: ước mơ của em là gì, vì sao em yêu thích công việc đó và em cần làm gì để thực hiện ước mơ. Những đồ vật đã chuẩn bị sẽ giúp HS dễ dàng trình bày và chia sẻ bài nói trước lớp.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi thiết kế hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập, GV tiến hành tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động nói trong giờ học.

Trước khi vào bài, GV tổ chức hoạt động khởi động nhằm tạo tâm thế học tập, yêu cầu HS chia sẻ ngắn về ước mơ của mình và giới thiệu tranh ảnh đã chuẩn bị từ tiết trước.

Tiếp đó, GV sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở để định hướng nội dung nói, đồng thời tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ. Trong quá trình này, HS được khuyến khích lắng nghe, trao đổi và nhận xét lẫn nhau.

Sau khi thảo luận GV mời HS trình bày trước lớp và sử dụng các câu hỏi tương tác để thúc đẩy việc lắng nghe, đặt câu hỏi và phản hồi. Qua đó, HS được rèn luyện khả năng diễn đạt, tương tác và phản hồi trong giao tiếp, góp phần PTNL nói một cách toàn diện.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Ở bước này, GV tiến hành đánh giá năng lực nói dựa trên các tiêu chí như: nội dung trình bày, cách sắp xếp ý, khả năng diễn đạt và mức độ tham gia tương tác, phản hồi. Trên cơ sở đó, GV điều chỉnh phù hợp: hỗ trợ thêm cho HS chưa đạt bằng câu hỏi gợi ý hoặc hướng dẫn cụ thể hơn; đồng thời mở rộng yêu cầu đối với HS làm tốt để phát triển khả năng diễn đạt và sáng tạo.

Ví dụ 3: Để làm rõ biện pháp Xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng và PTNL nói của HS, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 31 – Bài 24 – Nói và nghe: *Di tích lịch sử*, SGK Tiếng Việt lớp 5, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

Ví dụ:

Hôm nay, gia đình tôi chuyển đến nơi ở mới dưới thung lũng, từ biệt dốc núi cheo leo sau bao năm gần bó.

Đứng trên cao nhìn xuống, thung lũng giống như một cái chảo khổng lồ, viền chảo là dãy núi ghè sát vai nhau cao ngất, lòng chảo có cánh đồng lúa xanh rì. Cuối con đường mòn có những mái nhà nhỏ quây quần bên nhau.

(Theo Nguyễn Bình)

2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

- Đổi bài cho bạn để đọc soát và góp ý cho nhau.
- Chỉnh sửa bài viết (nếu cần).

NÓI VÀ NGHE

DI TÍCH LỊCH SỬ

Yêu cầu: Giới thiệu một di tích lịch sử mà em biết.

1. Chuẩn bị.

- Lựa chọn một di tích lịch sử để giới thiệu. Ví dụ:
 - + Thành Cổ Loa (Hà Nội)
 - + Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)
 - + Quần thể di tích Cố đô Huế
 - + Bến Nhà Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh)





Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội) Bến Nhà Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh) Quần thể di tích Cố đô Huế

- Tìm đọc tư liệu về di tích lịch sử đã chọn để giới thiệu.
- Chuẩn bị nội dung cho bài giới thiệu.

G:

- + Di tích lịch sử em chọn giới thiệu tên là gì, ở đâu?
- + Di tích đó được xây dựng khi nào?
- + Cảnh quan của di tích đó có gì đặc biệt?
- + Các công trình ở đó gắn với sự kiện lịch sử, văn hoá nào?
- + ...

– Chuẩn bị tranh ảnh hoặc các phương tiện khác để trình bày.

2. Trình bày.

Ví dụ: Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)



(1) Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở đâu?

(2) Văn Miếu – Quốc Tử Giám được xây dựng khi nào?

(3) Kể tên một số công trình ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

(4) Vì sao Văn Miếu – Quốc Tử Giám được coi là trường đại học đầu tiên của Việt Nam?

3. Trao đổi, góp ý.

Người nói

- Giới thiệu được đầy đủ và rõ ràng về di tích đã chọn không?
- Trả lời câu hỏi của người nghe có thuyết phục không?
- Giọng nói, điệu bộ, cử chỉ có phù hợp không?
- ...

Người nghe

- Có chăm chú lắng nghe người trình bày không?
- Có tích cực đặt câu hỏi để hiểu rõ về di tích không?
- Có thái độ lịch sự khi trao đổi không?
- ...

 Sưu tầm tranh ảnh về những cảnh đẹp hoặc di tích lịch sử của đất nước và chia sẻ với người thân, bạn bè.

Hình 2.4. Hình ảnh trang sách bài 24 – Nói và nghe: Di tích lịch sử (trang 119,120), SGK Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục tiêu của câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Trong bài Nói và nghe: *Di tích lịch sử*, việc xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng nội dung nói và hỗ trợ HS giới thiệu về một di tích lịch sử một cách rõ ràng, mạch lạc. Mục tiêu cụ thể của hoạt động là thông qua việc trả lời câu hỏi và thực hiện nhiệm vụ học tập, HS nhận biết và giới thiệu được về một di tích lịch sử (tên gọi, địa điểm, đặc điểm hoặc ý nghĩa); chia sẻ với bạn về di tích mà mình biết một cách rõ ràng, mạch lạc; đồng thời trao đổi, nhận xét và phản hồi về những nội dung quan trọng trong phần trình bày của bạn, qua đó góp phần PTNL nói trong giao tiếp.

Bước 2: Lựa chọn hình thức câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Sau khi xác định mục tiêu của câu hỏi và nhiệm vụ trong bài Nói và nghe: *Di tích lịch sử*, GV tiến hành lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp.

Đối với câu hỏi, GV nên sử dụng các câu hỏi mang tính gợi mở nhằm khuyến khích HS trình bày, giới thiệu và chia sẻ về di tích lịch sử, chẳng hạn như:

“Em biết di tích lịch sử nào?”, “Di tích đó ở đâu?”, “Di tích đó có ý nghĩa gì?”. Những câu hỏi này giúp HS định hướng nội dung và xây dựng bài nói rõ ràng hơn. Đồng thời, GV cần lựa chọn hình thức câu hỏi phù hợp với thời điểm sử dụng trong quá trình dạy học và mức độ nhận thức của HS nhằm tạo điều kiện để các em dễ dàng tham gia, suy nghĩ và phát triển nội dung bài nói.

Đối với nhiệm vụ học tập, GV giao cho HS chuẩn bị trước ở nhà bằng cách tìm hiểu và lựa chọn một di tích lịch sử mà em biết, có thể kèm theo tranh ảnh minh họa. HS cần ghi lại những thông tin cơ bản như: tên di tích, địa điểm, đặc điểm nổi bật và ý nghĩa. Trên lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để chia sẻ, bổ sung thông tin, sau đó trình bày trước lớp.

Bước 3: Thiết kế câu hỏi và nhiệm vụ học tập

Khi thiết kế câu hỏi cho bài Nói và nghe: Di tích lịch sử, GV có thể dựa vào các câu hỏi trong SGK, đồng thời bổ sung thêm một số câu hỏi gợi mở để định hướng nội dung nói cho HS. Việc xây dựng hệ thống câu hỏi theo từng nhóm giúp HS dễ hình dung nội dung cần trình bày, đồng thời hỗ trợ các em phát triển bài nói một cách rõ ràng và mạch lạc hơn. Cụ thể như sau:

Nhóm câu hỏi mức độ nhận biết: sử dụng ở bước khởi động hoặc trước khi luyện nói nhằm giúp HS xác định chủ đề và gợi nhớ hiểu biết, trải nghiệm liên quan đến di tích lịch sử:

1. Em hãy nêu một số di tích lịch sử ở quê hương em.
2. Em hãy kể tên những di tích lịch sử mà em đã từng tham quan hoặc tìm hiểu?

Nhóm câu hỏi mức độ thông hiểu: sử dụng trong hoạt động luyện nói chính nhằm hướng dẫn HS phát triển nội dung bài nói rõ ràng, mạch lạc và cụ thể:

3. Di tích em muốn giới thiệu tên là gì? Ở đâu?
4. Em hãy trình bày những đặc điểm nổi bật của di tích lịch sử đó.
5. Em hãy cho biết di tích đó gắn với sự kiện hoặc nhân vật lịch sử nào.

Nhóm câu hỏi mức độ vận dụng: sử dụng sau khi HS trình bày bài nói nhằm giúp HS mở rộng nội dung, bày tỏ cảm xúc và liên hệ thực tế:

6. Di tích lịch sử đó có ý nghĩa như thế nào đối với mọi người?
7. Em hãy chia sẻ những điều khiến em ấn tượng về di tích lịch sử đó.
8. Em hãy đề xuất một số việc làm để bảo vệ và giữ gìn các di tích lịch sử.

Nhóm câu hỏi tương tác: sử dụng trong hoạt động trao đổi, nhận xét bài nói của bạn nhằm phát triển kỹ năng lắng nghe, phản hồi và tương tác giữa HS:

9. Em có nhận xét gì phần giới thiệu di tích lịch sử của bạn?
10. Em ấn tượng nhất với chi tiết nào trong bài nói của bạn?

11. Theo em, vì sao chúng ta cần tìm hiểu về những di tích lịch sử?

Đối với nhiệm vụ học tập, GV giao cho HS về nhà tìm hiểu một di tích lịch sử mà em biết và hoàn thành phiếu thông tin nhằm chuẩn bị cho bài nói. Nội dung phiếu gồm các thông tin cơ bản như: tên di tích, địa điểm, đặc điểm nổi bật, ý nghĩa lịch sử và điều em ấn tượng nhất. HS có thể chuẩn bị thêm tranh ảnh minh họa để hỗ trợ cho phần trình bày trên lớp. Nhiệm vụ này giúp HS chủ động tìm kiếm thông tin, hình thành sự chuẩn bị trước khi nói và tạo điều kiện để các em tự tin hơn khi trình bày trước tập thể.

**EM TÌM HIỂU
DI TÍCH LỊCH SỬ**

Tên di tích

Địa điểm

Ý nghĩa

Ấn tượng

Ảnh

Hình 2.5. Phiếu thông tin sử dụng trong bài 24 – Nói và nghe: Di tích lịch sử (trang 119,120), SGK Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập, GV tổ chức các hoạt động nói trong giờ học. Trước hết, GV khởi động bằng việc yêu cầu HS chia sẻ ngắn về một di tích lịch sử mà các em biết, kết hợp giới thiệu tranh ảnh đã chuẩn bị để tạo hứng thú và định hướng vào nội dung bài học.

Tiếp đó, GV sử dụng các câu hỏi gợi mở nhằm giúp HS từng bước hình thành và sắp xếp nội dung bài nói, đồng thời tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm nhỏ để bổ sung, hoàn thiện ý tưởng. Sau khi thảo luận, HS trình bày trước lớp; GV tiếp tục đặt các câu hỏi tương tác để khuyến khích lắng nghe, nhận xét và phản hồi, qua đó góp phần rèn luyện và PTNL nói.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi hs hoàn thành việc trả lời câu hỏi và thực hiện các nhiệm vụ học tập, GV tiến hành nhận xét, đánh giá năng lực nói dựa trên một số tiêu chí như: mức độ phù hợp của nội dung, sự mạch lạc trong trình bày, khả năng diễn đạt và mức độ tham gia vào hoạt động trao đổi, phản hồi.

Trên cơ sở đó, GV có sự điều chỉnh phù hợp trong tổ chức dạy học: tăng cường hỗ trợ đối với những HS còn hạn chế thông qua các câu hỏi gợi ý và hướng dẫn cụ thể; đồng thời nâng cao yêu cầu đối với HS khá, giỏi nhằm phát triển thêm khả năng diễn đạt và tư duy sáng tạo, từ đó góp phần nâng cao năng lực nói cho toàn bộ HS.

2.2.2. Tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm kích thích nhu cầu và hứng thú nói của HS

a. Mục đích của biện pháp

Việc tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề trong dạy học Nói và nghe nhằm tạo ra những hoàn cảnh giao tiếp gần gũi, có ý nghĩa, kích thích nhu cầu nói và thúc đẩy HS tham gia vào quá trình giao tiếp một cách tích cực, chủ động. Thông qua các tình huống có vấn đề, HS không chỉ được đặt vào những bối cảnh cụ thể mà còn phải suy nghĩ, lựa chọn cách diễn đạt và giải quyết vấn đề bằng lời nói, từ đó góp phần PTNL nói một cách tự nhiên và hiệu quả.

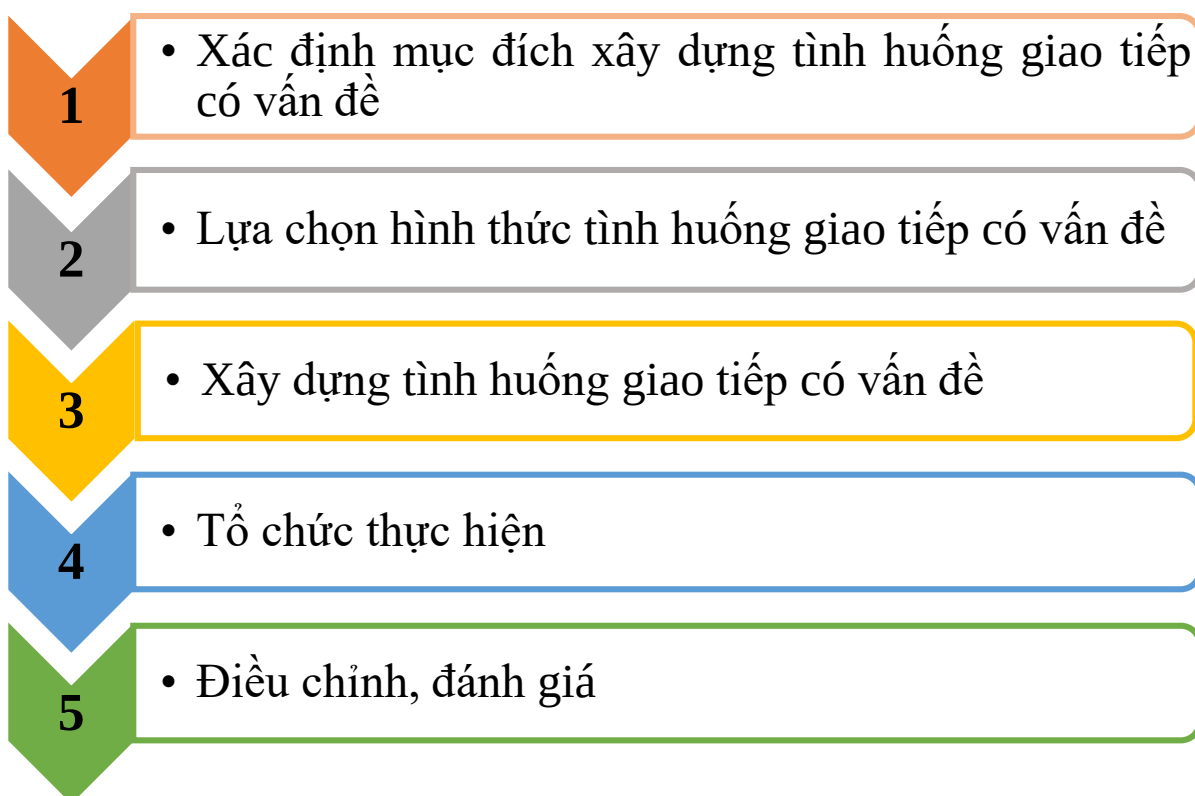
Các tình huống giao tiếp có vấn đề giúp HS lớp 4, 5 rèn luyện khả năng trình bày ý kiến, bày tỏ quan điểm cá nhân, trao đổi và phản hồi trong giao tiếp. Khi tham gia vào các tình huống này, HS cần vận dụng vốn ngôn ngữ, kinh nghiệm sống và khả năng tư duy để xử lý thông tin và diễn đạt suy nghĩ của mình. Điều này không chỉ nâng cao khả năng nói mạch lạc, rõ ràng mà còn giúp HS phát triển tư duy linh hoạt, khả năng ứng biến và giao tiếp phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể.

Bên cạnh đó, việc tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề còn góp phần tạo hứng thú học tập, tăng cường sự tương tác giữa HS với HS, giữa HS với GV. Môi trường học tập trở nên sinh động, giúp HS tự tin hơn khi tham gia phát biểu và thể hiện bản thân. Qua đó, năng lực nói của HS được hình thành và phát triển một cách bền vững, đáp ứng yêu cầu của dạy học theo định hướng PTNL.

Mục đích của việc tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề là nhằm tạo điều kiện cho HS được thực hành giao tiếp trong những hoàn cảnh cụ thể, có ý nghĩa, từ đó PTNL nói, nâng cao khả năng diễn đạt, tư duy và sự tự tin trong giao tiếp.

b. Cách tiến hành

Dựa vào mục đích của việc tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề, chúng tôi đề xuất các bước thực hiện giúp GV vận dụng trong giờ Nói và nghe nhằm khuyến khích HS tham gia vào quá trình giao tiếp:



Sơ đồ 2.2. Quy trình xây dựng và tổ chức tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm kích thích nhu cầu và hứng thú nói của HS

Bước 1: Xác định mục đích xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề

Ở bước này, GV cần xác định rõ mục đích xây dựng tình huống giao tiếp nhằm PTNL nói cho HS như: trình bày ý kiến, chia sẻ suy nghĩ, trao đổi và phản hồi trong giao tiếp. Mục đích cần gắn với yêu cầu bài học và phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ của HS lớp 4, 5. Đồng thời, tình huống giao tiếp không chỉ

tạo cơ hội cho HS *được nói* mà còn khơi gợi nhu cầu *muốn nói*; kích thích tư duy và cảm xúc trong quá trình tham gia

Bước 2: Lựa chọn hình thức tình huống giao tiếp có vấn đề

Sau khi xác định mục đích, GV tiến hành lựa chọn hình thức xây dựng tình huống phù hợp với mục tiêu bài học và đặc điểm của HS. GV có thể sử dụng các hình thức như: tình huống bằng lời, bằng hình ảnh, âm thanh hoặc kết hợp công nghệ thông tin (AI). Mỗi hình thức cần đảm bảo tính gần gũi, trực quan, sinh động và có khả năng khơi gợi hứng thú giao tiếp cho HS. GV cũng có thể linh hoạt kết hợp nhiều hình thức trong một bài học để nâng cao hiệu quả hoạt động Nói và nghe.

Bước 3: Xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề

Trên cơ sở mục đích và hình thức đã lựa chọn, GV tiến hành xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm tổ chức hiệu quả hoạt động Nói và nghe.

Đối với tình huống bằng lời, GV cần sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, ngắn gọn và gần gũi với HS. Tình huống có thể được xây dựng dưới dạng câu chuyện ngắn hoặc tình huống giả định có yếu tố vấn đề để HS suy nghĩ và bày tỏ ý kiến. HS phải xác định vai giao tiếp, đối tượng nghe và lựa chọn cách nói phù hợp để giải quyết vấn đề.

Đối với tình huống bằng hình ảnh, GV lựa chọn tranh ảnh có chứa mâu thuẫn hoặc vấn đề giao tiếp cần xử lý. Hình ảnh cần trực quan, sinh động và phản ánh rõ nội dung giao tiếp để HS dễ quan sát, nhận xét và hình thành ý tưởng nói. Từ hình ảnh quan sát được, HS sẽ nhập vai nhân vật để trình bày suy nghĩ, đưa ra cách giải quyết và trao đổi với bạn. GV có thể kết hợp thêm các câu hỏi định hướng để hỗ trợ HS phát triển lời nói mạch lạc hơn.

Bên cạnh đó, GV có thể ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế video ngắn, phim hoạt hình hoặc sử dụng AI tạo tình huống giao tiếp. Nội dung video cần có bối cảnh rõ ràng, nhân vật cụ thể và tình huống có vấn đề như mâu thuẫn, lựa chọn hoặc khó khăn cần giải quyết, từ đó tạo cơ hội cho HS trao đổi, phản hồi và thể hiện quan điểm cá nhân phù hợp với đối tượng giao tiếp.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi xây dựng tình huống, GV tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động nói trong giờ học. GV giới thiệu tình huống, nêu rõ yêu cầu giao tiếp và tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm. Trong quá trình thực hiện, GV đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ, gợi mở và khuyến khích HS tham gia giao tiếp tích cực. Đồng thời, GV cần tạo môi trường thân thiện, giúp những HS còn rụt rè tự tin tham gia hoạt động nói.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi tổ chức hoạt động, GV tiến hành đánh giá và điều chỉnh tình huống giao tiếp nhằm nâng cao hiệu quả PTNL nói cho HS. GV đánh giá thông qua các biểu hiện như: khả năng diễn đạt, mức độ tham gia giao tiếp, khả năng lắng nghe và phản hồi của HS. Việc đánh giá được thực hiện thông qua quan sát, tiêu chí đánh giá, kết hợp giữa GV, HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Từ đó, GV điều chỉnh nội dung và cách xây dựng tình huống cho phù hợp hơn với mục tiêu bài học và đặc điểm của HS.

c. Ví dụ cụ thể

Ví dụ 1: Để làm rõ biện pháp Tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm kích thích nhu cầu và hứng thú nói của HS, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 5 – Bài 10 – Nói và nghe: *Trải nghiệm đáng nhớ*, SGK Tiếng Việt lớp 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

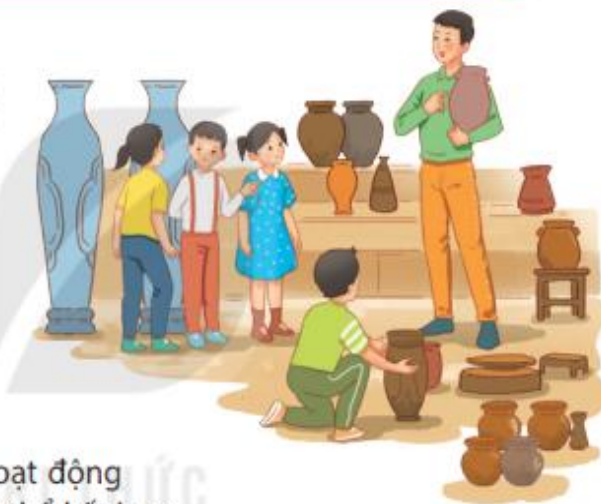
NÓI VÀ NGHE

TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ

Yêu cầu: Thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình về hoạt động đó.

1. Nói.

- Dựa vào dàn ý đã lập ở hoạt động Viết, em hãy thuật lại hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu.
- Khi nói, cần thể hiện cảm xúc của mình qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,... để người nghe cảm nhận được hoạt động trải nghiệm đó thực sự đáng nhớ đối với em.
- Để làm nổi bật nội dung của hoạt động trải nghiệm em đã tham gia, có thể kết hợp sử dụng tranh ảnh, sơ đồ, đồ vật,...



2. Trao đổi, góp ý.

- Hoạt động được giới thiệu rõ thời gian, địa điểm, những người tham gia,...
- Nội dung các hoạt động được thuật lại theo đúng trình tự.
- Suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người nói được thể hiện qua lời nói, giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,...



1. Nói với người thân những trải nghiệm thú vị mà các bạn ở lớp đã chia sẻ.
2. Tìm đọc bài thơ, bài văn viết về những trải nghiệm trong cuộc sống giúp ta khôn lớn, trưởng thành.

G: – *Khi mẹ vắng nhà* của Trần Đăng Khoa
– *Khúc đồng dao lấm láp* của Kao Sơn
– *Trên đôi mở mắt và mơ* của Văn Thành Lê



Hình 2.6. Hình ảnh trang sách bài 10 – Nói và nghe: Trải nghiệm đáng nhớ (trang 47), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục đích xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề

Trong bài Nói và nghe: *Trải nghiệm đáng nhớ*, việc xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm hỗ trợ HS giới thiệu về những trải nghiệm đáng nhớ một cách rõ ràng, mạch lạc. Mục tiêu cụ thể là: tình huống được thiết kế phải giúp HS có cơ hội kể lại, chia sẻ một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân, biết trình bày cảm xúc, suy nghĩ, cũng như trao đổi ý kiến với bạn bè về những trải nghiệm đã được nghe hoặc đã tham gia.

Bước 2: Lựa chọn hình thức tình huống giao tiếp có vấn đề

Sau khi xác định được mục đích, GV tiến hành lựa chọn hình thức tình huống giao tiếp có vấn đề phù hợp với đặc điểm HS lớp 4, 5 và yêu cầu cần đạt của bài học. Tình huống được xây dựng cần có bối cảnh giao tiếp cụ thể, xác định rõ vai nói – đối tượng nghe – mục đích giao tiếp, đồng thời chứa yếu tố “có vấn đề” để kích thích HS suy nghĩ, lựa chọn cách diễn đạt và tham gia trao đổi.

Đối với tình huống bằng lời, GV xây dựng tình huống giao tiếp gắn gũi với đời sống HS như: “Trong buổi sinh hoạt lớp, cô giáo yêu cầu mỗi bạn chia sẻ với cả lớp về một trải nghiệm đáng nhớ nhất của mình trong kì nghỉ hè để cùng nhau học hỏi và lưu giữ kỉ niệm đẹp.” Trong tình huống này, HS đóng vai người chia sẻ trải nghiệm, đối tượng nghe là bạn bè và GV, mục đích giao tiếp là kể lại trải nghiệm và truyền cảm xúc đến người nghe. Tình huống đồng thời đặt ra yêu cầu: HS cần lựa chọn trải nghiệm tiêu biểu, sắp xếp nội dung hợp lí và diễn đạt sao cho người nghe cảm thấy hứng thú.

Đối với tình huống bằng hình ảnh, GV lựa chọn các tranh ảnh có nội dung gợi mở vấn đề giao tiếp như: một nhóm HS tham gia cắm trại nhưng có bạn tỏ ra lo lắng khi lần đầu ngủ xa nhà; hoặc hình ảnh các bạn tham gia hoạt động thiện nguyện sau chuyến trải nghiệm. Sau khi quan sát, HS được đặt vào tình huống:

“Nếu em là bạn nhỏ trong bức tranh, em sẽ kể lại trải nghiệm đó với các bạn trong lớp như thế nào để mọi người hiểu cảm xúc của mình?”. Tình huống này giúp HS không chỉ quan sát và mô tả mà còn phải nhập vai, bày tỏ suy nghĩ và lựa chọn cách nói phù hợp với người nghe.

Đối với tình huống có sử dụng công nghệ thông tin, GV thiết kế video ngắn bằng Canva, CapCut hoặc AI tạo nhân vật hoạt hình. Video có thể xây dựng tình huống: một bạn nhỏ chuẩn bị tham gia cuộc thi “Chia sẻ trải nghiệm đáng nhớ” nhưng chưa biết nên kể trải nghiệm nào và kể như thế nào để thu hút người nghe. Nhân vật trong video đặt câu hỏi trực tiếp cho HS như: “Nếu là bạn ấy, em sẽ chọn trải nghiệm nào để chia sẻ trước lớp? Vì sao trải nghiệm đó đáng nhớ?”. Tình huống này tạo ra vấn đề giao tiếp cụ thể, buộc HS phải suy nghĩ, lựa chọn nội dung và cách diễn đạt phù hợp với mục đích nói và đối tượng nghe.

Bước 3: Xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề

Dựa trên mục đích và hình thức đã lựa chọn, GV tiến hành thiết kế các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm tạo nhu cầu giao tiếp thực sự cho HS, giúp các em không chỉ kể lại trải nghiệm mà còn biết nhập vai, xác định đối tượng nghe và lựa chọn cách nói phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

Đối với tình huống bằng lời, GV không chỉ kể lại một trải nghiệm đơn thuần mà cần tạo ra bối cảnh giao tiếp cụ thể có vấn đề cần giải quyết. Ví dụ, GV đưa ra tình huống: “Lớp em sắp tổ chức buổi sinh hoạt với chủ đề ‘Trải nghiệm đáng nhớ’. Cô giáo muốn chọn một bạn đại diện lớp chia sẻ câu chuyện thú vị nhất để giới thiệu trước toàn trường. Nếu là người được chọn, em sẽ kể về trải nghiệm nào để khiến mọi người hứng thú và rút ra được điều ý nghĩa?”.

Sau đó, GV tiếp tục gợi mở:

1. Em muốn kể trải nghiệm đó cho ai nghe?
2. Em cần nói như thế nào để người nghe cảm thấy thú vị?
3. Điều gì trong trải nghiệm đó khiến em nhớ mãi?

Tình huống này buộc HS phải lựa chọn nội dung nói, xác định đối tượng giao tiếp và suy nghĩ cách trình bày phù hợp thay vì chỉ kể lại sự việc đơn giản.

Đối với tình huống bằng hình ảnh, GV cho HS quan sát tranh về hoạt động “Kế hoạch nhỏ”, trong đó các bạn HS đang cùng nhau thu gom giấy vụn, chai nhựa để gây quỹ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn. Sau khi quan sát, GV đặt HS vào bối cảnh giao tiếp cụ thể như: “Nếu em là một bạn HS trong bức tranh, em sẽ chia sẻ trải nghiệm này với cả lớp trong buổi sinh hoạt như thế nào?”.

GV tiếp tục đặt các câu hỏi gợi mở:

1. Em nhìn thấy những hoạt động gì trong bức tranh?
2. Các bạn trong tranh đang cùng nhau làm việc gì?
3. Em đã từng tham gia hoạt động giống như vậy chưa?
4. Điều gì khiến trải nghiệm đó trở nên đáng nhớ đối với em?

Những câu hỏi này không chỉ giúp HS quan sát và gợi nhớ trải nghiệm của bản thân mà còn tạo ra tình huống giao tiếp cụ thể để HS nhập vai, bày tỏ cảm xúc và hình thành nội dung bài nói rõ ràng, mạch lạc hơn. Đồng thời, thông qua việc trả lời và trao đổi các câu hỏi gợi mở, HS có cơ hội phát triển khả năng suy nghĩ, lựa chọn cách diễn đạt phù hợp với đối tượng giao tiếp và mạnh dạn chia sẻ ý kiến cá nhân trước tập thể.



Hình 2.7. Hình ảnh sử dụng trong bài 10 – Nói và nghe: Trải nghiệm đáng nhớ (trang 47), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Đối với tình huống thông qua công nghệ thông tin, GV sử dụng video ngắn được thiết kế bằng Canva, CapCut hoặc ứng dụng AI tạo nhân vật hoạt hình. Video được xây dựng dưới dạng một nhân vật nhỏ tuổi chia sẻ về chuyến đi đáng nhớ của mình và đặt ra các câu hỏi tương tác như: “Bạn đã từng có trải nghiệm nào vui nhất chưa?”, “Điều gì khiến bạn nhớ mãi về trải nghiệm đó?”. Hình thức này tạo sự trực quan, sinh động và kích thích HS hứng thú tham gia chia sẻ trải nghiệm của bản thân.



Hình 2.8. Hình ảnh trong video tương tác sử dụng trong bài 10 – Nói và nghe: Trải nghiệm đáng nhớ (trang 47), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Sau khi xem video, HS được giao nhiệm vụ nhập vai “người chia sẻ trải nghiệm” để trình bày trước lớp hoặc trong nhóm. Tình huống này giúp HS hình thành nhu cầu giao tiếp thực tế, biết suy nghĩ về cách nói, thái độ và nội dung phù hợp với người nghe.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi đã thiết kế được tình huống giao tiếp có vấn đề, GV tiến hành tổ chức các hoạt động dạy học.

Đối với tình huống bằng lời, GV nêu lại tình huống: “Lớp em sắp tổ chức buổi sinh hoạt với chủ đề ‘Trải nghiệm đáng nhớ’. Cô giáo muốn chọn một bạn đại diện lớp chia sẻ câu chuyện thú vị nhất để giới thiệu trước toàn trường.” Sau đó, GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS lựa chọn một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân để chuẩn bị chia sẻ trước lớp với vai trò là “đại diện lớp”. HS suy nghĩ cá nhân, xác định người nghe và lựa chọn cách kể phù hợp nhằm thu hút người nghe và truyền tải được ý nghĩa của trải nghiệm. Tiếp theo, HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để luyện nói, góp ý và điều chỉnh cách trình bày. Cuối cùng, một số HS trình bày trước lớp, các bạn khác lắng nghe, nhận xét và phản hồi ý kiến.

Đối với tình huống bằng hình ảnh, GV trình chiếu hoặc treo tranh về hoạt động “Kế hoạch nhỏ”, trong đó các bạn HS đang cùng nhau thu gom giấy vụn, chai nhựa để gây quỹ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn. HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi gợi mở để nhận diện nội dung và ý nghĩa của hoạt động. Sau đó, GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS nhập vai một bạn HS trong bức tranh để chia sẻ trải nghiệm của mình trong buổi sinh hoạt lớp. HS có thể trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để chuẩn bị nội dung trước khi trình bày trước lớp. Trong quá trình

thực hiện, GV khuyến khích HS chú ý đến cách xưng hô, giọng điệu và cảm xúc khi kể nhằm tạo sự phù hợp với bối cảnh giao tiếp.

Đối với tình huống bằng công nghệ thông tin, GV cho HS xem video có nhân vật AI chia sẻ về một trải nghiệm đáng nhớ và đặt ra các câu hỏi tương tác như: “Bạn đã từng có trải nghiệm nào vui nhất chưa?”, “Điều gì khiến bạn nhớ mãi về trải nghiệm đó?”. Sau khi xem video, GV yêu cầu HS lựa chọn một trải nghiệm của bản thân và nhập vai “người chia sẻ trải nghiệm” để trình bày trước lớp hoặc trong nhóm. HS có thể trao đổi nhanh với bạn bên cạnh trước khi nói. Trong quá trình tổ chức, GV quan sát, hỗ trợ và khuyến khích HS mạnh dạn tham gia giao tiếp, đồng thời hướng dẫn các em lựa chọn cách nói và thái độ phù hợp với người nghe và hoàn cảnh giao tiếp.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi HS tham gia các tình huống giao tiếp có vấn đề, GV tiến hành đánh giá mức độ PTNL nói của các em. Việc đánh giá dựa trên các biểu hiện như: khả năng lựa chọn và kể lại trải nghiệm, cách diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, thể hiện cảm xúc và mức độ tham gia, tương tác trong giao tiếp.

GV thực hiện đánh giá thông qua quan sát, kết hợp nhận xét của GV, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS. Trên cơ sở đó, GV điều chỉnh nội dung và cách tổ chức tình huống giao tiếp cho phù hợp hơn với trình độ và đặc điểm của HS.

Ví dụ 2: Để làm rõ biện pháp Tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm kích thích nhu cầu và hứng thú nói của HS, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 32 – Bài 26 – Nói và nghe: *Chung tay bảo vệ động vật*, SGK Tiếng Việt lớp 4, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

NÓI VÀ NGHE

CHUNG TAY BẢO VỆ ĐỘNG VẬT

Yêu cầu: Trình bày ý kiến của em về hoạt động bảo vệ động vật.

1. Chuẩn bị.

- Sưu tầm tư liệu về những việc làm bảo vệ động vật.
- Lựa chọn các phương tiện hỗ trợ: sách báo, máy tính, video, tranh ảnh,...

2. Nói.

- Giải thích lí do cần phải bảo vệ động vật.
- Nêu những việc làm bảo vệ động vật.

G:

- Trồng nhiều cây xanh để tạo môi trường sống cho động vật.
 - Nói không với việc chụp ảnh cùng động vật hoang dã.
 - Tích cực tuyên truyền về nguy cơ tuyệt chủng của các loài thú quý hiếm.
- c. Nêu việc em có thể làm để bảo vệ động vật.

Lưu ý: Để ý kiến của em có sức thuyết phục, em nên nêu rõ hiệu quả của từng việc làm góp phần bảo vệ động vật.



3. Trao đổi, góp ý.

Ghi lại điều em thích trong bài nói của bạn hoặc điều em muốn bổ sung.



1. Trao đổi với người thân về hoạt động bảo vệ động vật.
2. Tìm đọc sách báo viết về những công trình kiến trúc nổi tiếng trên thế giới.

119

Hình 2.9. Hình ảnh trang sách bài 26 – Nói và nghe: Chung tay bảo vệ động vật (trang 119), SGK Tiếng Việt 4, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục đích xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề

Trong bài Nói và nghe: *Chung tay bảo vệ động vật*, việc xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm hỗ trợ HS trình bày ý kiến về hoạt động bảo vệ động vật một cách rõ ràng, mạch lạc. Thông qua tình huống, HS có cơ hội bày tỏ suy nghĩ, trao đổi và phản hồi ý kiến, từ đó vừa rèn kĩ năng nói vừa hình thành ý thức bảo vệ động vật.

Bước 2: Lựa chọn hình thức tình huống giao tiếp có vấn đề

Sau khi xác định được mục đích, GV tiến hành lựa chọn và chuẩn bị hình thức tình huống giao tiếp có vấn đề phù hợp với đặc điểm của HS lớp 4,5 và YCCĐ của bài học. Các tình huống cần có bối cảnh giao tiếp cụ thể, xác định rõ người nói, đối tượng nghe và vấn đề cần trao đổi nhằm tạo nhu cầu giao tiếp thực sự cho HS.

Đối với tình huống bằng lời, GV có thể xây dựng các tình huống gần gũi với đời sống và chứa những cách ứng xử khác nhau đối với động vật để HS bày tỏ quan điểm. Chẳng hạn, GV xây dựng tình huống về việc một số bạn nhỏ đang

trêu chọc chó mèo hoặc nhìn thấy một con vật bị bỏ rơi ngoài đường. Đồng thời, GV chuẩn bị thêm các câu hỏi như: “Em có đồng ý với hành động đó không?”, “Nếu là em, em sẽ làm gì để giúp con vật đó?” nhằm định hướng cho HS suy nghĩ và bày tỏ ý kiến.

Đối với tình huống bằng hình ảnh, GV lựa chọn và chuẩn bị các tranh ảnh có nội dung đối lập nhau để tạo vấn đề giao tiếp. Ví dụ: một bức tranh thể hiện các bạn nhỏ đang cho chó mèo ăn, chăm sóc thú nuôi hoặc cứu giúp chim bị thương; bức tranh khác là hình ảnh động vật bị trêu chọc, bị bỏ rơi hoặc môi trường sống của động vật bị phá hoại. Sau khi quan sát, HS được đặt vào tình huống: “Nếu em là một bạn HS tham gia buổi tuyên truyền ‘Chung tay bảo vệ động vật’ của trường, em sẽ nói gì với các bạn về những hành động trong tranh?”. Các hình ảnh được trình chiếu bằng PowerPoint hoặc in màu rõ nét để HS dễ quan sát. Đồng thời, GV chuẩn bị hệ thống câu hỏi gợi mở đi kèm nhằm giúp HS nhận xét và hình thành ý tưởng cho bài nói.

Đối với tình huống có sử dụng công nghệ thông tin, GV thiết kế video ngắn bằng Canva, CapCut hoặc ứng dụng AI tạo nhân vật hoạt hình. Video được xây dựng dưới dạng cuộc hội thoại giữa hai nhân vật nhỏ tuổi đang trao đổi về việc chăm sóc và bảo vệ động vật. Trong video, nhân vật đặt ra các câu hỏi như: “Có bạn cho rằng động vật chỉ cần được cho ăn là đủ, không cần quan tâm đến cảm xúc hay môi trường sống của chúng. Em có đồng ý không?” hoặc “Nếu em nhìn thấy một con vật bị bỏ rơi, em sẽ làm gì?”. Hình ảnh, âm thanh và lời thoại được thiết kế ngắn gọn, sinh động nhằm tạo sự hứng thú và kích thích HS muốn tham gia giao tiếp.

Bước 3: Xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề

Dựa trên mục đích và việc lựa chọn hình thức, GV tiến hành thiết kế các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm khuyến khích HS bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc và ý kiến của bản thân về việc bảo vệ động vật trong những bối cảnh giao tiếp cụ thể.

Đối với tình huống bằng lời, GV kể cho HS nghe một câu chuyện ngắn như: “Trên đường đi học về, Mai bắt gặp một chú chó nhỏ đang co ro dưới cơn mưa lạnh. Một số bạn đã dùng áo mưa che cho chú chó và đưa nó vào nơi khô ráo, nhưng cũng có bạn trêu chọc khiến nó hoảng sợ. Nhìn chú chó run rẩy trong mưa, Mai cảm thấy rất thương và lo lắng cho nó.”. Sau đó, GV đặt HS vào bối cảnh giao tiếp cụ thể: “Nếu em là một bạn HS được mời phát biểu trong buổi sinh hoạt lớp về việc bảo vệ động vật, em sẽ nói gì với các bạn?”. GV có thể tiếp tục gợi mở bằng các câu hỏi như:

1. Em nhận xét gì về cách ứng xử của các bạn trong tình huống?
2. Hành động nào thể hiện sự yêu thương và bảo vệ động vật? Vì sao?

3. Em sẽ ứng xử như thế nào nếu gặp tình huống trên?
4. Qua tình huống này, em rút ra điều gì về cách đối xử với động vật?

Đối với tình huống bằng hình ảnh, GV cho HS quan sát một số tranh ảnh về hành vi chăm sóc hoặc làm hại động vật, chẳng hạn hình ảnh các bạn nhỏ đang cứu giúp một chú chim bị thương và hình ảnh một số bạn đang trêu chọc chó mèo. Sau khi quan sát, GV đặt HS vào tình huống: “Trong buổi tuyên truyền ‘Chung tay bảo vệ động vật’, em được đại diện nhóm phát biểu suy nghĩ của mình về các hành vi trong tranh. Em sẽ trình bày như thế nào?”. GV có thể đặt các câu hỏi gợi mở như:

1. Em nhìn thấy những hành động nào trong bức tranh?
2. Theo em, hành động nào nên được tuyên dương? Hành động nào cần phải thay đổi?
3. Theo em, vì sao chúng ta cần bảo vệ động vật?
4. Nếu là em, em sẽ làm gì để giúp con vật đó?
5. Qua tình huống này, em rút ra điều gì về cách đối xử với động vật?

Những câu hỏi này giúp HS dễ hình thành nội dung bài nói, đồng thời tạo cơ hội để các em nhập vai và bày tỏ suy nghĩ của mình trong tình huống giao tiếp cụ thể. Thông qua việc quan sát và trả lời câu hỏi, HS dễ hình thành nội dung và ý tưởng cho bài nói của mình.



Hình 2.10. Hình ảnh sử dụng trong bài 26 – Nói và nghe: Chung tay bảo vệ động vật (trang 119), SGK Tiếng Việt 4, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS)

Đối với tình huống thông qua công nghệ thông tin, GV sử dụng video ngắn được thiết kế bằng Canva, CapCut hoặc ứng dụng AI tạo nhân vật hoạt hình. Video mô phỏng một cuộc trò chuyện giữa hai bạn nhỏ về việc nhìn thấy một chú mèo bị bỏ rơi hoặc một con chim bị thương. Trong video, một nhân vật đặt vấn đề: “Có bạn cho rằng động vật là loài vật nên không cần quan tâm quá nhiều. Em có đồng ý không?”.

Sau khi xem video, HS được giao nhiệm vụ nhập vai thành một HS tham gia diễn đàn “Chung tay bảo vệ động vật” để trình bày ý kiến của mình trước lớp.



Hình 2.11. Hình ảnh trong video tương tác sử dụng trong bài 26 – Nói và nghe: Chung tay bảo vệ động vật (trang 47), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi đã thiết kế được tình huống giao tiếp có vấn đề, GV tiến hành tổ chức các hoạt động dạy học nhằm giúp HS thực hành nói.

Đối với tình huống bằng lời, GV nêu tình huống: “Trên đường đi học về, một số bạn nhỏ nhìn thấy một chú mèo bị bỏ rơi ngoài đường. Có bạn muốn giúp đỡ, nhưng cũng có bạn thờ ơ bỏ đi.” Sau đó, GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS nêu suy nghĩ của mình về cách ứng xử của các bạn trong tình huống và đề xuất cách hành động phù hợp để bảo vệ động vật. HS suy nghĩ cá nhân, có thể trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để chuẩn bị nội dung. Cuối cùng, một số HS trình bày trước lớp, các bạn khác lắng nghe và nhận xét.

Đối với tình huống bằng hình ảnh, GV trình chiếu hoặc treo tranh về các hành vi chăm sóc hoặc làm hại động vật. HS quan sát, trả lời các câu hỏi gợi mở để nhận diện và phân tích hành vi trong tranh. Tiếp theo, GV yêu cầu HS lựa chọn một tình huống trong tranh và trình bày suy nghĩ hoặc cách ứng xử phù hợp của mình. HS trao đổi nhóm nhỏ trước khi trình bày trước lớp.

Đối với tình huống bằng công nghệ thông tin, GV cho HS xem video có nhân vật AI đặt câu hỏi về các hành vi liên quan đến động vật. Sau khi tương tác với video, HS lựa chọn một tình huống và chuẩn bị cho bài nói của mình. HS có thể trao đổi nhanh với bạn bên cạnh trước khi trình bày. GV quan sát, hỗ trợ và khuyến khích tất cả HS tham gia.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi HS tham gia các tình huống giao tiếp có vấn đề, GV tiến hành nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện nhằm xác định mức độ PTNL nói của các em. Việc đánh giá tập trung vào các biểu hiện như: khả năng trình bày ý kiến rõ ràng, mạch lạc; biết nêu và giải thích quan điểm; thể hiện cảm xúc phù hợp; cũng như mức độ tham gia, tương tác trong quá trình giao tiếp.

GV đánh giá thông qua quan sát hoạt động trên lớp, kết hợp với nhận xét trực tiếp, đồng thời khuyến khích HS tự nhận xét và góp ý cho bạn. Dựa vào kết quả đó, GV điều chỉnh cách xây dựng và tổ chức các tình huống giao tiếp theo hướng phù hợp hơn với trình độ HS, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học.

Ví dụ 3: Để làm rõ biện pháp Tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm kích thích nhu cầu và hứng thú nói của HS, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 20 – Bài 4 – Nói và nghe: *Nét đẹp học đường*, SGK Tiếng Việt lớp 5, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

NÓI VÀ NGHE

NÉT ĐẸP HỌC ĐƯỜNG

Yêu cầu: Thảo luận về những ứng xử đẹp trong trường học.

- 1. Chuẩn bị.**
 Tìm kiếm thông tin trong sách báo in, mạng in-tơ-nét; nhớ lại những trải nghiệm thực tế của bản thân;... về những ứng xử đẹp trong trường học. Dự kiến những ý sẽ phát biểu.
- 2. Thảo luận.**
 - Từng thành viên phát biểu theo nội dung đã chuẩn bị.

Lời nói

+ Khi gặp gỡ, tạm biệt
 + Khi giúp đỡ người khác
 + Khi được người khác giúp đỡ
 +

Cử chỉ, việc làm, thái độ

+ Cử chỉ:
 + Việc làm:
 + Thái độ:

+ Tự nhận xét, đánh giá về cách ứng xử của bản thân trong trường học.

Những điều em làm được

Những điều em chưa làm được

– Các thành viên trao đổi, bày tỏ ý kiến tán thành hoặc không tán thành.

3. Đánh giá.

- Người có nhiều ý kiến đóng góp cho cuộc thảo luận.
- Người có lí lẽ và dẫn chứng xác đáng nhất khi nêu ý kiến.
- Người có phong cách trình bày thu hút người nghe.



Chia sẻ với người thân về những ứng xử đẹp trong trường học mà em và các bạn đã thảo luận.

25

Hình 2.12. Hình ảnh trang sách bài 4 – Nói và nghe: Nét đẹp học đường (trang 25), SGK Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục đích xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề

Trong bài Nói và nghe: *Nét đẹp học đường*, việc xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm hỗ trợ HS trình bày và trao đổi về những ứng xử đẹp trong trường học một cách rõ ràng, mạch lạc. Thông qua tình huống, HS có cơ hội được nêu ra các hành vi ứng xử phù hợp trong trường học, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận và lí do vì sao những hành vi đó được coi là đẹp; đồng thời tham gia trao đổi, nhận xét và phản hồi ý kiến của bạn. Qua đó, HS không chỉ rèn luyện kĩ năng nói mà còn góp phần xây dựng môi trường học đường tích cực, thân thiện.

Bước 2: Lựa chọn hình thức tình huống giao tiếp có vấn đề

Sau khi xác định được mục đích, GV tiến hành lựa chọn và chuẩn bị hình thức tình huống giao tiếp có vấn đề phù hợp với đặc điểm của HS lớp 5 và yêu cầu cần đạt của bài học. Các tình huống cần có bối cảnh giao tiếp cụ thể, xác định rõ người nói, đối tượng nghe và vấn đề cần trao đổi nhằm tạo nhu cầu giao tiếp thực sự cho HS.

Đối với tình huống bằng lời, GV xây dựng các tình huống gần gũi với môi trường học đường và chứa những cách ứng xử khác nhau để HS bày tỏ quan điểm. Chẳng hạn, GV đưa ra tình huống: “Trong giờ ra chơi, một bạn vô tình làm rơi sách vở. Có bạn nhanh chóng chạy lại giúp đỡ, nhưng cũng có bạn đứng cười và trêu chọc.”

HS được đặt vào vai người chứng kiến sự việc và chia sẻ suy nghĩ của mình trước lớp hoặc trong nhóm. Đồng thời, GV chuẩn bị các câu hỏi gợi mở như: “Theo em, hành động nào thể hiện nét đẹp học đường?”, “Nếu là em trong tình huống đó, em sẽ ứng xử như thế nào?” nhằm định hướng cho HS suy nghĩ và trình bày ý kiến.

Đối với tình huống bằng hình ảnh, GV lựa chọn các tranh ảnh có nội dung đối lập để tạo vấn đề giao tiếp. Ví dụ: một bức tranh thể hiện các bạn HS lễ phép chào hỏi thầy cô, giúp bạn nhặt sách hoặc cùng nhau dọn vệ sinh lớp học; bức tranh khác là hình ảnh nói tục, xô đẩy bạn bè hoặc vứt rác bừa bãi trong sân trường. Sau khi quan sát, HS được đặt vào tình huống: “Nếu em là một bạn HS trong bức tranh và được mời phát biểu trong buổi sinh hoạt lớp về ‘Nét đẹp học đường’, em sẽ nói gì với các bạn?”. Các hình ảnh được trình chiếu bằng PowerPoint hoặc in màu rõ nét để HS dễ quan sát, so sánh và hình thành ý tưởng cho bài nói.

Đối với tình huống có sử dụng công nghệ thông tin, GV thiết kế video ngắn bằng Canva, CapCut hoặc ứng dụng AI tạo nhân vật hoạt hình. Video được xây dựng dưới dạng cuộc hội thoại giữa các bạn HS về những hành vi đẹp và chưa đẹp trong trường học. Trong video, nhân vật đưa ra tình huống cụ thể như: “Nếu em thấy bạn bị bắt nạt hoặc bị trêu chọc trong lớp, em sẽ làm gì?” hoặc “Theo em, điều gì giúp lớp học trở nên thân thiện hơn?”. Hình ảnh, âm thanh và lời thoại được thiết kế ngắn gọn, sinh động nhằm tạo hứng thú và kích thích HS tham gia giao tiếp, bày tỏ quan điểm của bản thân.

Bước 3: Xây dựng tình huống giao tiếp có vấn đề

Dựa trên mục đích và hình thức đã lựa chọn, GV tiến hành thiết kế các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm khuyến khích HS bày tỏ suy nghĩ, thái độ và cách ứng xử về những nét đẹp học đường trong các bối cảnh giao tiếp cụ thể.

Đối với tình huống bằng lời, GV kể cho HS nghe một tình huống như: “Trong giờ ra chơi, cô nhìn thấy một bạn HS bị ngã làm rơi hết sách vở xuống sân trường. Có bạn nhanh chóng chạy lại giúp đỡ, hỏi han bạn bị đau ở đâu; nhưng cũng có vài bạn đứng cười và trêu chọc.” Sau đó, GV đặt HS vào bối cảnh giao tiếp cụ thể: “Nếu em là lớp trưởng và được phát biểu trong giờ sinh hoạt lớp về cách ứng xử với bạn bè, em sẽ nói gì với các bạn?”. GV có thể tiếp tục gợi mở bằng các câu hỏi như:

1. Em nhận xét gì về cách ứng xử của các bạn trong tình huống?
2. Hành động nào thể hiện nét đẹp học đường? Vì sao?
3. Nếu là em, em sẽ ứng xử như thế nào trong tình huống đó?
4. Qua tình huống này, em rút ra điều gì về cách ứng xử với bạn bè trong trường học?

Tình huống này giúp HS không chỉ nêu ý kiến cá nhân mà còn biết lựa chọn cách nói phù hợp với đối tượng nghe và mục đích giao tiếp. Đối với tình huống

bằng hình ảnh, GV cho HS quan sát các tranh ảnh về hành vi ứng xử trong trường học, chẳng hạn hình ảnh các bạn giúp đỡ bạn bị ngã và hình ảnh một số bạn chen lấn, xô đẩy nhau trong sân trường. Sau khi quan sát, GV đặt HS vào tình huống: “Trong buổi phát động xây dựng ‘Trường học thân thiện’, em được đại diện nhóm phát biểu suy nghĩ của mình về các hành vi trong tranh. Em sẽ trình bày như thế nào?”. GV có thể đặt các câu hỏi gợi mở như:

1. Em nhìn thấy những hành động nào trong bức tranh?
2. Theo em, hành động nào nên được tuyên dương? Hành động nào cần phải thay đổi?
3. Theo em, vì sao chúng ta cần ứng xử văn minh trong trường học?
4. Em đã từng gặp tình huống giống như vậy chưa?
5. Nếu là em, em sẽ ứng xử như thế nào?

Những câu hỏi này giúp HS dễ hình thành nội dung bài nói, đồng thời tạo cơ hội để các em nhập vai và bày tỏ suy nghĩ của mình trong tình huống giao tiếp cụ thể.



Hình 2.13. Hình ảnh sử dụng trong bài 4 – Nói và nghe: Nét đẹp học đường (trang 25), SGK Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS)

Đối với tình huống thông qua công nghệ thông tin, GV sử dụng video ngắn được thiết kế bằng Canva, CapCut hoặc ứng dụng AI tạo nhân vật hoạt hình. Video mô phỏng một cuộc trò chuyện giữa các bạn HS về cách ứng xử trong trường học. Trong video, một bạn đặt vấn đề: “Có bạn cho rằng chỉ cần học giỏi là đủ, không cần chú ý cách ứng xử với bạn bè và thầy cô. Em có đồng ý không?”. Sau khi xem video, HS được giao nhiệm vụ nhập vai thành một HS tham gia diễn đàn “Nét đẹp học đường” để trình bày ý kiến của mình trước lớp.



Hình 2.14. Hình ảnh trong video tương tác sử dụng trong bài 4 – Nói và nghe: Nét đẹp học đường (trang 25), SGK Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS)

Hình thức này tạo ra tình huống giao tiếp gần gũi, có vấn đề cần giải quyết và kích thích HS tham gia trao đổi, phản hồi một cách tự nhiên, chủ động hơn.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi đã thiết kế được tình huống giao tiếp có vấn đề, GV tiến hành tổ chức các hoạt động dạy học nhằm giúp HS thực hành nói.

Đối với tình huống bằng lời, GV kể cho HS nghe tình huống về việc một bạn HS bị ngã làm rơi sách vở trong giờ ra chơi, có bạn nhanh chóng giúp đỡ nhưng cũng có bạn cười và trêu chọc. Sau khi nghe tình huống, GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS nhập vai lớp trưởng phát biểu trong giờ sinh hoạt lớp về cách ứng xử với bạn bè trong trường học. HS suy nghĩ cá nhân, có thể trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để chuẩn bị nội dung bài nói. Sau đó, một số HS trình bày trước lớp, các bạn khác lắng nghe, nhận xét và phản hồi ý kiến.

Đối với tình huống bằng hình ảnh, GV trình chiếu hoặc treo các tranh ảnh về hành vi ứng xử trong trường học như giúp đỡ bạn bị ngã, lễ phép với thầy cô hoặc chen lấn, xô đẩy bạn bè. HS quan sát tranh, trả lời các câu hỏi gợi mở để nhận diện và phân tích hành vi trong từng bức tranh. Tiếp theo, GV yêu cầu HS nhập vai đại diện nhóm phát biểu trong buổi phát động xây dựng “Trường học thân thiện” để trình bày suy nghĩ của mình về các hành vi trong tranh. HS trao đổi nhóm nhỏ trước khi trình bày trước lớp.

Đối với tình huống bằng công nghệ thông tin, GV cho HS xem video có nhân vật AI trao đổi về cách ứng xử trong trường học và đặt vấn đề: “Có bạn cho rằng chỉ cần học giỏi là đủ, không cần chú ý cách ứng xử với bạn bè và thầy cô. Em có đồng ý không?”. Sau khi xem video, HS suy nghĩ, trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và nhập vai thành một HS tham gia diễn đàn “Nét đẹp học đường” để

trình bày quan điểm của mình trước lớp. GV quan sát, hỗ trợ và khuyến khích tất cả HS tham gia giao tiếp, trao đổi và phản hồi ý kiến một cách tự nhiên, tích cực.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi HS tham gia các tình huống giao tiếp có vấn đề, GV tiến hành đánh giá năng lực nói dựa trên các tiêu chí như: trình bày rõ ràng, biết nêu ý kiến và bảo vệ ý kiến, thể hiện cảm xúc và sự tích cực tham gia vào hoạt động giao tiếp.

Việc đánh giá được thực hiện qua quan sát, kết hợp nhận xét của GV, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS. Từ đó, GV điều chỉnh nội dung và cách tổ chức tình huống cho phù hợp hơn.

2.2.3. Phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS

a. Mục đích của biện pháp

Việc phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS là một mục tiêu quan trọng trong dạy học Nói và nghe ở tiểu học. Thông qua các hoạt động học tập, HS không chỉ rèn luyện khả năng diễn đạt mà còn được khuyến khích suy nghĩ, liên tưởng và sáng tạo trong quá trình sử dụng ngôn ngữ nói. Điều này giúp lời nói của HS trở nên phong phú, sinh động và có ý nghĩa hơn.

Việc chú trọng phát triển tư duy trong lời nói giúp HS biết phân tích, lựa chọn và sắp xếp ý tưởng một cách hợp lí trước khi trình bày. HS không chỉ nói theo những gì đã có sẵn mà còn biết suy nghĩ, đưa ra ý kiến cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình. Đây là cơ sở để nâng cao khả năng nói mạch lạc, logic và có sức thuyết phục.

Bên cạnh đó, việc phát triển trí tưởng tượng góp phần giúp HS mở rộng nội dung diễn đạt, biết liên hệ, hình dung và sáng tạo thêm các chi tiết khi kể chuyện hoặc trình bày vấn đề. Nhờ đó, lời nói của HS không còn đơn điệu mà trở nên hấp dẫn, giàu hình ảnh và cảm xúc.

Ngoài ra, yếu tố sáng tạo trong lời nói giúp HS biết linh hoạt trong cách diễn đạt, lựa chọn từ ngữ và cách trình bày phù hợp với từng tình huống giao tiếp. HS có thể đưa ra những cách nói mới mẻ, cách tiếp cận vấn đề khác nhau, từ đó thể hiện được cá tính và phong cách riêng trong giao tiếp.

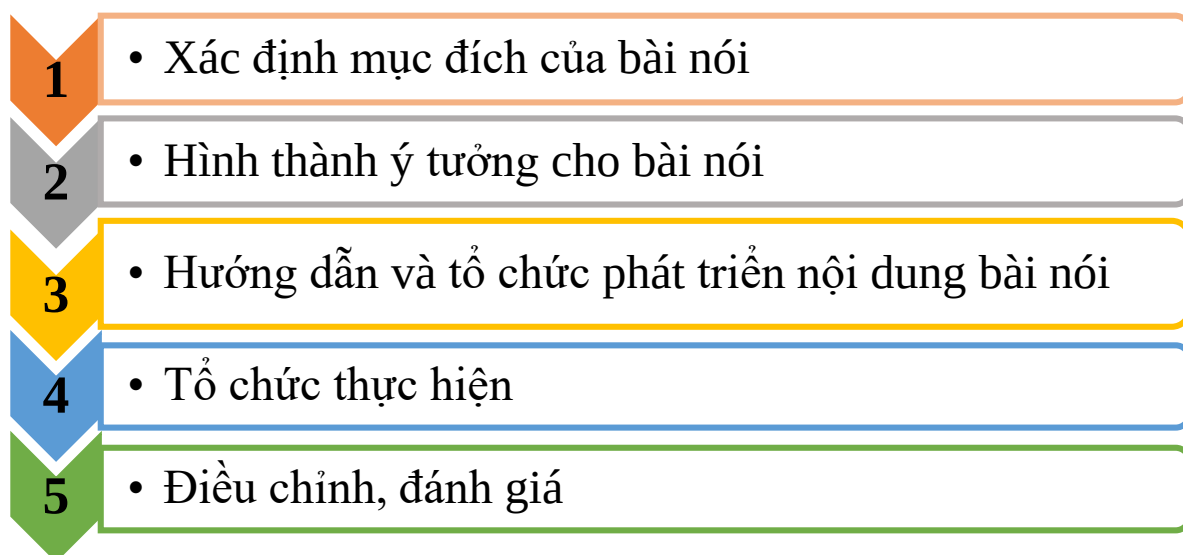
Để đạt được mục đích trên, việc phát triển tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói có thể được thực hiện thông qua nhiều cách thức khác nhau. Trước hết, GV hướng dẫn HS chuẩn bị đề cương bài nói một cách rõ ràng, có định hướng, giúp các em biết sắp xếp ý tưởng và phát triển nội dung. Đồng thời, GV cần khai thác vốn sống và trải nghiệm của HS, tạo điều kiện để các em liên hệ thực tế và bổ sung yếu tố tưởng tượng vào lời nói.

Bên cạnh đó, việc tổ chức các hoạt động chia sẻ, thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ giúp HS trao đổi ý tưởng, học hỏi lẫn nhau và hoàn thiện cách diễn đạt. Ngoài ra, GV có thể sử dụng mẫu bài nói hoặc video minh họa để HS quan sát, nhận xét và rút kinh nghiệm, từ đó vận dụng một cách sáng tạo vào bài nói của mình.

Như vậy, mục đích của việc phát triển tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói là nhằm giúp HS nâng cao chất lượng diễn đạt, làm cho lời nói trở nên rõ ràng, sinh động và có sức thuyết phục, đồng thời góp phần hình thành năng lực nói một cách toàn diện và hiệu quả.

b. Cách tiến hành

Dựa vào mục đích của việc phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS, chúng tôi đề xuất các bước thực hiện giúp GV vận dụng trong giờ Nói và nghe nhằm khuyến khích HS tham gia vào quá trình giao tiếp:



Sơ đồ 2.3. Quy trình xây dựng và tổ chức các hoạt động phát triển tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS

Bước 1: Xác định mục đích của bài nói

Ở bước này, GV hướng dẫn HS xác định rõ mục đích của hoạt động nói như: nói về nội dung gì, nói với ai và muốn người nghe hiểu được điều gì. GV có thể sử dụng các câu hỏi gợi mở như: “Em muốn chia sẻ điều gì?”, “Người nghe của em là ai?”, “Điều em muốn người nghe nhớ nhất là gì?”. Việc xác định rõ mục đích giúp HS có định hướng cụ thể khi lựa chọn nội dung, cách diễn đạt và tránh nói lan man.

Bước 2: Hình thành ý tưởng cho bài nói

Sau khi xác định mục đích, GV tiến hành khơi gợi và hỗ trợ HS hình thành ý tưởng cho bài nói thông qua câu hỏi gợi mở, tình huống giao tiếp, tranh ảnh hoặc video

minh họa. HS có thể suy nghĩ cá nhân, ghi nhanh các ý chính bằng từ khóa hoặc cụm từ ngắn. Bên cạnh đó, GV tổ chức cho HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để bổ sung và phát triển ý tưởng, giúp nội dung bài nói phong phú và đa dạng hơn.

Bước 3: Hướng dẫn và tổ chức phát triển nội dung bài nói

Dựa vào những ý tưởng đã hình thành, GV hướng dẫn HS phát triển nội dung bài nói một cách rõ ràng và mạch lạc. Trước hết, GV hướng dẫn HS xây dựng bài nói theo cấu trúc cơ bản gồm: mở đầu, nội dung và kết thúc. Ở phần mở đầu, HS giới thiệu chủ đề và có thể dẫn dắt bằng một chi tiết thú vị để thu hút người nghe. Phần nội dung cần trình bày các ý chính theo trình tự hợp lí, có bổ sung chi tiết, dẫn chứng hoặc cảm xúc để làm rõ vấn đề. Ở phần kết thúc, HS tóm tắt nội dung và nêu cảm nghĩ hoặc thông điệp muốn gửi gắm. Để hỗ trợ HS sắp xếp ý tưởng, GV có thể hướng dẫn các em sử dụng sơ đồ tư duy nhằm hệ thống hóa các ý một cách trực quan.

Khi hỗ trợ HS xây dựng nội dung bài nói, GV cần khuyến khích HS khai thác vốn sống và trải nghiệm cá nhân. GV có thể sử dụng các câu hỏi gợi mở như: “Em đã từng tham gia hoạt động này chưa?”, “Điều gì khiến em nhớ nhất?” để giúp HS liên hệ thực tế và phát triển nội dung chân thực hơn. Đồng thời, GV hướng dẫn HS lựa chọn những chi tiết tiêu biểu, tránh kể lan man và biết kết hợp yếu tố tưởng tượng hợp lí để bài nói sinh động, hấp dẫn hơn. Đối với những HS ít trải nghiệm, GV cần gợi ý các tình huống quen thuộc hoặc tạo điều kiện để các em học hỏi từ bạn.

Ngoài ra, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để góp ý và hoàn thiện bài nói. Trong quá trình thảo luận, HS trình bày ý tưởng, lắng nghe nhận xét và bổ sung nội dung cho nhau. GV định hướng bằng các yêu cầu như: nội dung đã rõ ràng chưa, các ý đã hợp lí chưa hoặc cần bổ sung điều gì để bài nói hấp dẫn hơn.

Bên cạnh đó, GV có thể sử dụng bài nói mẫu hoặc video minh họa để định hướng cách triển khai nội dung, cách diễn đạt và thể hiện cảm xúc. Tuy nhiên, GV cần khuyến khích HS linh hoạt, sáng tạo trong cách thể hiện, tránh phụ thuộc hoàn toàn vào mẫu và luôn quan tâm, hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi HS hoàn thiện nội dung bài nói, GV tổ chức cho các em thực hành trình bày bằng nhiều hình thức như cá nhân, cặp đôi, nhóm hoặc trước lớp. Trước khi trình bày, GV nhắc lại yêu cầu về cách nói rõ ràng, mạch lạc và phù hợp với nội dung. Trong quá trình HS thực hiện, GV đóng vai trò quan sát, hỗ trợ và động viên những HS còn rụt rè, đồng thời khuyến khích HS lắng nghe, nhận xét và phản hồi cho nhau nhằm rèn luyện khả năng tương tác trong giao tiếp.

Bước 5: Đánh giá, điều chỉnh

Sau khi HS trình bày, GV tiến hành đánh giá mức độ đạt được về năng lực nói thông qua các biểu hiện như: nội dung trình bày, cách diễn đạt, khả năng thể hiện cảm xúc, mức độ tham gia và khả năng lắng nghe, phản hồi. Việc đánh giá có thể kết hợp giữa nhận xét của GV, HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Trên cơ sở đó, GV điều chỉnh cách tổ chức hoạt động và hướng dẫn HS rút kinh nghiệm, góp phần nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nói trong các hoạt động tiếp theo.

c. Ví dụ cụ thể

Ví dụ 1: Để làm rõ biện pháp Phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 4 – Bài 8 – Nói và nghe: *Những điểm vui chơi lí thú*, SGK Tiếng Việt lớp 5, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG ĐIỂM VUI CHƠI LÍ THÚ

Yêu cầu: Giới thiệu về một nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.

1. Chuẩn bị.

G:



Chọn nơi vui chơi để giới thiệu (nơi đã đến hoặc đã thấy qua sách báo, phim ảnh,...).

Nhớ lại những điều hấp dẫn về nơi vui chơi (quang cảnh, hoạt động vui chơi,...).

Dự kiến các nội dung sẽ giới thiệu.

Tìm các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh minh họa,...).

2. Trình bày.

Dựa vào nội dung đã chuẩn bị, giới thiệu về nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.

Giới thiệu chung (tên, địa chỉ nơi vui chơi, lí do em biết nơi đó,...).

Giới thiệu quang cảnh và các hoạt động vui chơi.

Nêu cảm xúc khi được trải nghiệm hoặc mong muốn được đến nơi vui chơi.

Nêu những điều em thấy lí thú.

Lưu ý:

- Khi nói, có thể thể hiện suy nghĩ, cảm xúc qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,...
- Khi nghe, nên ghi lại những điều thú vị mà em muốn học tập trong bài giới thiệu của bạn.

3. Đánh giá.

Nội dung giới thiệu hấp dẫn

Người có phản hồi tích cực



Sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái Đất. Chia sẻ với người thân về một điều thú vị em tìm hiểu được.

44

Hình 2.15. Hình ảnh trang sách bài 8 – Nói và nghe: Những điểm vui chơi lí thú (trang 44), SGK Tiếng Việt 5, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục đích của bài nói

Ở bước này, GV hướng dẫn HS xác định rõ mục đích của hoạt động nói là giới thiệu về một điểm vui chơi mà mình đã đến hoặc mong muốn được đến, qua đó chia sẻ thông tin và cảm xúc với người nghe. GV cần nêu yêu cầu rõ ràng, có định hướng nội dung và cách trình bày. Cụ thể, GV có thể giao nhiệm vụ như sau: “Các em hãy giới thiệu về một địa điểm vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến, khi nói các em cần nói rõ ràng, mạch lạc và thể hiện cảm xúc của bản thân”. Đồng thời, GV giúp HS xác định đối tượng giao tiếp (thầy cô, bạn bè trong lớp) để các em lựa chọn cách xưng hô, giọng điệu và thái độ phù hợp, thân thiện và tự nhiên.

Để hỗ trợ HS, GV có thể đặt các câu hỏi như: “Bài nói của em có nội dung gì?”, “Em sẽ chia sẻ bài nói của mình với những ai?”, “Em muốn người nghe ấn tượng điều gì trong bài nói của mình?”. HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi và bước đầu xác định được nội dung cũng như cách trình bày bài nói của mình.

Bước 2: Hình thành ý tưởng cho bài nói

Sau khi xác định được mục đích lời nói, GV tiến hành khơi gợi và hỗ trợ HS hình thành ý tưởng cho bài nói về một địa điểm vui chơi mà các em đã đến hoặc mong muốn được đến. Ở bước này, GV sử dụng các câu hỏi gợi mở, tình huống giao tiếp hoặc phương tiện trực quan như tranh ảnh, video về các khu vui chơi, công viên, bãi biển,... nhằm kích thích suy nghĩ và cảm xúc của HS và giúp HS huy động vốn sống của bản thân.

GV có thể định hướng cho HS bằng các câu hỏi cụ thể như: “Em sẽ giới thiệu điểm vui chơi nào?”, “Em biết nơi đó qua trải nghiệm hay qua đâu?”, “Điều gì ở đó khiến em thấy thú vị hoặc ấn tượng nhất?”. Trong quá trình đó, GV tạo

điều kiện cho HS suy nghĩ cá nhân trong thời gian ngắn, ghi nhanh các ý chính bằng từ khóa hoặc cụm từ như: tên địa điểm, hoạt động, điểm đặc biệt, cảm xúc,...

Bên cạnh đó, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi với bạn cùng bàn hoặc thảo luận nhóm nhỏ để bổ sung, điều chỉnh và làm phong phú thêm ý tưởng. Thông qua hoạt động này, HS không chỉ xác định được những ý chính trong bài nói của mình mà còn tiếp nhận thêm những cách diễn đạt và góc nhìn mới từ bạn bè.

Bước 3: Hướng dẫn và tổ chức phát triển nội dung bài nói

Dựa trên mục đích và ý tưởng đã hình thành, GV hướng dẫn HS phát triển nội dung bài nói một cách rõ ràng và mạch lạc.

Trước hết, GV hướng dẫn HS xây dựng đề cương bài nói theo cấu trúc cơ bản gồm: mở đầu, nội dung và kết luận. Ở phần mở đầu, HS giới thiệu điểm vui chơi sẽ trình bày, có thể nêu lí do lựa chọn hoặc dẫn dắt bằng một chi tiết gợi hứng thú nhằm thu hút người nghe. Ở phần nội dung, HS xác định và trình bày các ý chính theo trình tự hợp lí, chẳng hạn như: giới thiệu địa điểm, quang cảnh, các hoạt động vui chơi, những điều thú vị hoặc ấn tượng. Các ý cần được sắp xếp logic, có sự liên kết và có thể bổ sung chi tiết, dẫn chứng hoặc giải thích để làm rõ nội dung. Ở phần kết luận, HS tóm tắt lại nội dung đã trình bày, đồng thời nêu cảm nghĩ hoặc mong muốn của bản thân đối với điểm vui chơi đó.

Để hỗ trợ HS hình thành và sắp xếp ý tưởng một cách trực quan, GV có thể hướng dẫn các em sử dụng sơ đồ tư duy trong quá trình xây dựng nội dung bài nói. Trước hết, HS xác định chủ đề “Điểm vui chơi lí thú” hoặc tên điểm vui chơi cụ thể ở vị trí trung tâm của sơ đồ. Từ chủ đề này, các em phát triển các nhánh ý chính xoay quanh như: địa điểm, quang cảnh, hoạt động vui chơi, điều thú vị và cảm xúc.



Hình 2.16. Sơ đồ tư duy sử dụng trong bài 8 – Nói và nghe: Những điểm vui chơi lí thú (trang 44), SGK Tiếng Việt 5, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bên cạnh đó, GV cần chú trọng khai thác vốn sống và trải nghiệm của HS nhằm làm phong phú nội dung bài nói. HS được khuyến khích liên hệ với những trải nghiệm thực tế như đã từng đi công viên, khu vui chơi, bãi biển, sở thú hoặc tham gia các trò chơi tập thể cùng gia đình, bạn bè. GV có thể gợi mở bằng các câu hỏi: “Em đã từng đến điểm vui chơi nào?”, “Em đi cùng ai và vào thời gian nào?”, “Ở đó có những cảnh vật, trò chơi hoặc hoạt động gì?”, “Hoạt động nào khiến em nhớ nhất?”, “Khi tham gia hoạt động đó, em cảm thấy vui, hào hứng hay thích thú như thế nào?”. Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để đưa vào bài nói, sắp xếp theo trình tự: giới thiệu địa điểm, quang cảnh, hoạt động vui chơi, điều ấn tượng nhất và cảm xúc của bản thân. Đồng thời, GV có thể khuyến khích HS bổ sung các chi tiết miêu tả cụ thể như màu sắc, âm thanh, không khí, cảm giác khi tham gia trò chơi để bài nói sinh động hơn. Với những HS chưa có nhiều trải nghiệm, GV gợi ý các em dựa vào tranh ảnh, video hoặc phần chia sẻ của bạn để liên hệ với những địa điểm quen thuộc như sân trường, công viên gần nhà, nhà văn hóa thiếu nhi.

Ngoài việc kể lại trải nghiệm, GV cần khuyến khích HS mở rộng bằng trí tưởng tượng, chẳng hạn: nếu được quay lại điểm vui chơi đó, em muốn tham gia thêm hoạt động gì hoặc thay đổi điều gì để nơi đó thú vị hơn. Điều này giúp bài nói không chỉ mang tính kể lại mà còn thể hiện suy nghĩ và sự sáng tạo cá nhân của HS.

GV có thể tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ nhằm hỗ trợ các em hoàn thiện nội dung bài nói. Trước khi thảo luận, GV giao nhiệm vụ cụ thể: mỗi HS trình bày dàn ý bài nói của mình dựa trên sơ đồ tư duy đã xây dựng, các bạn trong nhóm lắng nghe và góp ý. Trong quá trình thảo luận, HS lần lượt trình bày ý tưởng theo các nội dung như: tên điểm vui chơi, đặc điểm nổi bật, các hoạt động đã tham gia, điều ấn tượng nhất và cảm xúc của bản thân; các thành viên còn lại đặt câu hỏi, nhận xét và đề xuất điều chỉnh. GV định hướng hoạt động bằng hệ thống câu hỏi cụ thể như: “Bạn đã giới thiệu rõ tên và địa điểm chưa?”, “Các ý đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa?”, “Chi tiết nào nổi bật cần nhấn mạnh thêm?”, “Có cần bổ sung chi tiết nào để bài nói sinh động hơn không?”, “Phần mở đầu và kết thúc đã phù hợp chưa?”. Dựa vào các câu hỏi này, HS trao đổi, góp ý và điều chỉnh dàn ý của mình; sau đó hoàn thiện lại nội dung bài nói. Trong quá trình tổ chức, GV quan sát, hỗ trợ những nhóm còn lúng túng, đồng thời điều chỉnh thời gian thảo luận hợp lí và khuyến khích tất cả HS tham gia, đặc biệt là những em còn rụt rè.

Bên cạnh đó, GV có thể sử dụng bài nói mẫu hoặc video minh họa để định hướng cách triển khai nội dung cho HS. GV lựa chọn bài mẫu có độ dài vừa phải,

nội dung rõ ràng, thể hiện đầy đủ các phần của bài nói và có yếu tố cảm xúc phù hợp. Trước khi cho HS nghe hoặc xem, GV nêu rõ yêu cầu quan sát, chẳng hạn: chú ý cách mở đầu, cách sắp xếp các ý và cách thể hiện cảm xúc của người nói. Trong quá trình tiếp nhận, HS tập trung lắng nghe và ghi nhận những điểm nổi bật. Sau đó, GV tổ chức cho HS nhận xét và phân tích bài mẫu thông qua các câu hỏi như: “Người nói đã giới thiệu nội dung như thế nào?”, “Các ý được sắp xếp theo trình tự ra sao?”, “Chi tiết nào giúp bài nói trở nên sinh động?”, “Cảm xúc được thể hiện bằng cách nào?”. Từ việc phân tích này, HS rút ra cách xây dựng bài nói hiệu quả và vận dụng vào bài của mình bằng cách lựa chọn nội dung phù hợp, sắp xếp ý rõ ràng và điều chỉnh cách diễn đạt theo hướng tự nhiên, sáng tạo. Đồng thời, GV cần lưu ý không áp đặt HS theo khuôn mẫu mà khuyến khích các em linh hoạt trong cách thể hiện để bài nói mang dấu ấn cá nhân.

Trong quá trình thực hiện bước này, GV cần lưu ý: hướng dẫn cụ thể nhưng không áp đặt; khuyến khích HS sử dụng ngôn ngữ của bản thân; tạo điều kiện để mọi HS đều được tham gia; đồng thời quan sát và hỗ trợ kịp thời những HS còn gặp khó khăn.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi HS đã hoàn thiện nội dung bài nói, GV tổ chức cho các em thực hành trình bày nhằm rèn luyện kỹ năng diễn đạt và phát huy sự tự tin, sáng tạo trong lời nói. Trước khi HS trình bày, GV nhắc lại YCCĐ như: nói rõ ràng, mạch lạc, sử dụng từ ngữ phù hợp và thể hiện được cảm xúc khi nói. HS dựa vào dàn ý đã chuẩn bị để trình bày, đồng thời linh hoạt điều chỉnh cách diễn đạt trong quá trình nói, tránh đọc lại máy móc. GV chú ý hướng dẫn HS sử dụng giọng điệu phù hợp, kết hợp ánh mắt và cử chỉ khi nói để tăng sức hấp dẫn cho bài trình bày.

GV có thể tổ chức cho HS trình bày theo nhiều hình thức như: nói theo cặp, trình bày trong nhóm nhỏ hoặc trình bày trước lớp. Đối với những HS còn rụt rè, GV ưu tiên cho các em luyện nói trong nhóm nhỏ trước để tạo sự tự tin, sau đó mới trình bày trước lớp. Trong quá trình HS thực hiện, GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết và khuyến khích tất cả HS tham gia. Đồng thời, GV chú ý phát hiện và kịp thời ghi nhận những cách diễn đạt sáng tạo, những ý tưởng mới hoặc cách thể hiện cảm xúc tự nhiên của HS để động viên các em.

Bên cạnh đó, GV tổ chức cho HS lắng nghe và phản hồi sau mỗi phần trình bày. HS nhận xét bài nói của bạn dựa trên một số tiêu chí cụ thể như: nội dung đã rõ ràng chưa, các ý có liên kết hợp lý không, cách diễn đạt có phù hợp không, cảm xúc có được thể hiện rõ ràng hay chưa. GV có thể định hướng bằng các câu hỏi như: “Bạn đã trình bày rõ nội dung chưa?”, “Điểm nào trong bài nói của bạn gây ấn tượng nhất?”, “Bạn có thể góp ý gì để bài nói hay hơn?”.

Bước 5: Đánh giá, điều chỉnh

Sau khi HS tham gia trình bày, GV tiến hành đánh giá mức độ PTNL nói của các em dựa trên một số tiêu chí cụ thể như: nội dung trình bày có rõ ràng, mạch lạc; các ý được sắp xếp hợp lý; cách diễn đạt có phù hợp; khả năng bày tỏ cảm xúc và nêu ý kiến cá nhân; mức độ tham gia, lắng nghe và tương tác trong giao tiếp. Việc đánh giá được thực hiện thông qua quan sát trong quá trình HS trình bày, kết hợp với nhận xét trực tiếp của GV, đồng thời khuyến khích HS tự đánh giá và tham gia góp ý cho bạn.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, GV điều chỉnh nội dung, cách tổ chức hoạt động và mức độ yêu cầu cho phù hợp với trình độ của HS. Đồng thời, GV hướng dẫn HS rút kinh nghiệm, bổ sung và hoàn thiện bài nói của mình, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nói trong các hoạt động tiếp theo.

Ví dụ 2: Để làm rõ biện pháp Phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 10 – Bài 18 – Nói và nghe: *Chúng em sáng tạo*, SGK Tiếng Việt lớp 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

NÓI VÀ NGHE

CHÚNG EM SÁNG TẠO

Yêu cầu: Giới thiệu về một sản phẩm mà em tự tay làm ra.

1. Chuẩn bị.

G:

- Có thể giới thiệu về chiếc máy bay, con diều, chiếc đèn ông sao,... hoặc bất kì sản phẩm nào do em tự tay làm ra.
- Giới thiệu tên gọi, hình dáng, chất liệu, màu sắc, cách làm, điểm đặc biệt nhất của sản phẩm.
- Kết hợp sử dụng tranh ảnh, vật thật,... để cuốn hút người nghe.

2. Nói.

Giới thiệu sản phẩm em đã làm (chú ý sử dụng các tính từ, hình ảnh so sánh để làm nổi bật đặc điểm của sản phẩm đó).



3. Trao đổi, góp ý.

Trao đổi, góp ý về nội dung, cách nói, cử chỉ, điệu bộ,... khi nói. Ghi lại những góp ý của bạn hoặc cách làm một sản phẩm em yêu thích.



1. Chia sẻ với người thân về sản phẩm em đã giới thiệu ở hoạt động Nói và nghe.

2. Tìm đọc sách, truyện về các phát minh khoa học.

84

Hình 2.16. Hình ảnh trang sách bài 18 – Nói và nghe: Chúng em sáng tạo (trang 86), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục đích của bài nói

Ở bước này, GV giúp HS nhận thức rõ nhiệm vụ nói là giới thiệu một sản phẩm do chính các em tạo ra, qua đó chia sẻ đặc điểm, cách làm cũng như thể hiện sự sáng tạo của bản thân. GV cần nêu yêu cầu cụ thể để HS hiểu mình cần trình bày những nội dung gì và hướng tới người nghe nào. Chẳng hạn, GV có thể giao nhiệm vụ: “Hãy giới thiệu một sản phẩm em đã tự làm, trong đó cần nêu được tên sản phẩm, đặc điểm, cách thực hiện và điều làm sản phẩm trở nên đặc biệt”.

Để hỗ trợ HS, GV có thể đặt các câu hỏi như: “Bài nói của em có nội dung gì?”, “Em sẽ chia sẻ bài nói của mình với những ai?”, “Em muốn người nghe ấn tượng điều gì trong bài nói của mình?”. Đồng thời, GV định hướng HS xác định đối tượng giao tiếp như bạn bè hoặc thầy cô để lựa chọn cách diễn đạt phù hợp. Thông qua đó, HS từng bước xác định nội dung và định hướng cách trình bày bài nói của mình.

Bước 2: Hình thành ý tưởng cho bài nói

Sau khi đã xác định được mục đích, GV tiếp tục hỗ trợ HS tìm kiếm và phát triển ý tưởng cho bài nói. HS được khuyến khích lựa chọn những sản phẩm quen thuộc, gắn với trải nghiệm cá nhân như đồ chơi tự làm, đồ dùng học tập sáng tạo hoặc sản phẩm tái chế.

GV có thể đặt các câu hỏi như: “Em sẽ giới thiệu sản phẩm gì?”, “Sản phẩm này được làm như thế nào?”, “Sản phẩm này được làm từ những vật liệu gì?”. Trong quá trình đó, GV tạo điều kiện cho HS suy nghĩ và ghi nhanh các ý chính bằng từ khóa hoặc cụm từ như: tên sản phẩm, đặc điểm, quá trình thực hiện, công dụng, cảm xúc,...

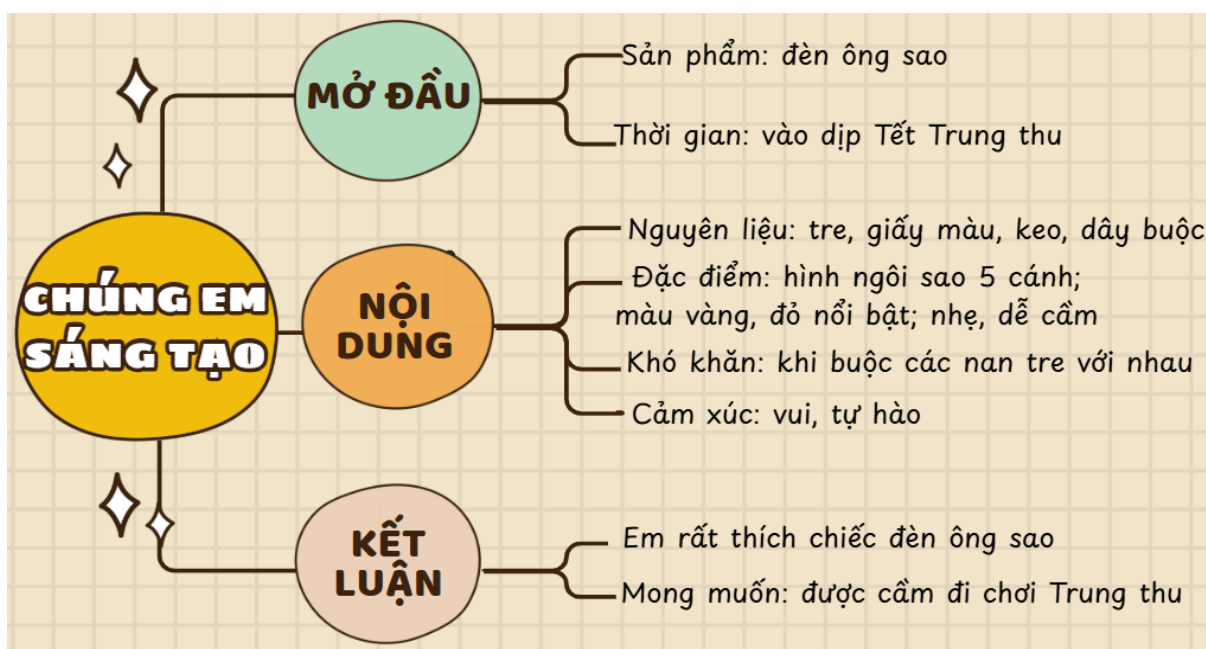
Bên cạnh đó, việc trao đổi với bạn cùng bàn hoặc thảo luận nhóm nhỏ cũng được khuyến khích nhằm giúp HS bổ sung ý tưởng, mở rộng cách nhìn và hoàn thiện nội dung bài nói một cách phong phú hơn.

Bước 3: Hướng dẫn và tổ chức phát triển nội dung bài nói

Dựa trên mục đích và ý tưởng đã hình thành, GV hướng dẫn HS phát triển nội dung bài nói một cách rõ ràng, mạch lạc và phù hợp với yêu cầu của bài Chúng em sáng tạo.

Trước hết, GV hướng dẫn HS xây dựng đề cương bài nói theo cấu trúc cơ bản gồm: mở đầu, nội dung và kết thúc. Ở phần mở đầu, HS giới thiệu sản phẩm và có thể nêu lí do lựa chọn hoặc một chi tiết gây hứng thú. Ở phần nội dung, HS lần lượt trình bày về đặc điểm của sản phẩm như hình dáng, màu sắc, chất liệu; mô tả quá trình thực hiện qua các bước chính; đồng thời nhấn mạnh điểm độc đáo hoặc sáng tạo. Ở phần kết thúc, HS nêu cảm nhận cá nhân hoặc mong muốn chia sẻ sản phẩm với người khác.

Để hỗ trợ HS hình thành và sắp xếp ý tưởng một cách trực quan, GV có thể hướng dẫn các em sử dụng sơ đồ tư duy với trung tâm là tên sản phẩm, các nhánh ý chính gồm: đặc điểm, cách làm, điểm nổi bật và cảm xúc.



Hình 2.17. Sơ đồ tư duy sử dụng trong bài 18 – Nói và nghe: Chúng em sáng tạo (trang 86), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bên cạnh đó, GV chú trọng khai thác vốn sống và trải nghiệm của HS nhằm làm phong phú nội dung bài nói. HS được khuyến khích liên hệ với quá trình tự

tay làm sản phẩm, những khó khăn gặp phải, cách khắc phục và cảm xúc khi hoàn thành. GV có thể gợi mở bằng các câu hỏi như: “Em làm sản phẩm này trong hoàn cảnh nào?”, “Quá trình làm có gặp khó khăn gì không?”, “Em cảm thấy thế nào khi hoàn thành sản phẩm?”. Đồng thời, GV khuyến khích HS sử dụng từ ngữ miêu tả, hình ảnh so sánh để làm nổi bật đặc điểm của sản phẩm và thể hiện rõ nét sự sáng tạo của bản thân. Với những HS còn hạn chế trải nghiệm, GV có thể gợi ý dựa vào tranh ảnh, video hoặc sản phẩm của bạn để bổ sung ý tưởng.

Bên cạnh trải nghiệm thực tế, GV khuyến khích HS bổ sung yếu tố tưởng tượng, chẳng hạn: nếu có thêm vật liệu hoặc thời gian, em sẽ cải tiến sản phẩm như thế nào để nó tốt hơn. Điều này giúp HS phát triển tư duy sáng tạo, không chỉ dừng lại ở việc mô tả mà còn biết mở rộng và cải tiến ý tưởng.

GV cũng có thể tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ để hoàn thiện nội dung bài nói. Mỗi HS trình bày dàn ý của mình, các bạn lắng nghe, đặt câu hỏi và góp ý về cách sắp xếp ý, mức độ rõ ràng và điểm sáng tạo của nội dung.

Bên cạnh đó, GV sử dụng bài nói mẫu hoặc video minh họa để định hướng cách triển khai nội dung. Sau khi nghe hoặc xem, HS nhận xét về cách giới thiệu, cách phát triển ý và cách thể hiện cảm xúc của người nói. Từ đó, HS rút ra cách xây dựng bài nói hiệu quả và vận dụng vào bài của mình theo hướng tự nhiên, linh hoạt và sáng tạo.

Trong quá trình thực hiện, GV cần hướng dẫn cụ thể nhưng không áp đặt, khuyến khích HS sử dụng ngôn ngữ của bản thân và tạo điều kiện để tất cả HS được tham gia, đồng thời hỗ trợ kịp thời những em còn gặp khó khăn. Bên cạnh đó, GV cần tạo môi trường giao tiếp tích cực, thân thiện để HS mạnh dạn chia sẻ ý kiến và tự tin hơn khi trình bày trước tập thể.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Khi nội dung bài nói đã được chuẩn bị, GV tổ chức cho HS thực hành trình bày trong các hình thức khác nhau như theo cặp, theo nhóm hoặc trước lớp. Trước khi thực hiện, GV nhấn mạnh yêu cầu về cách trình bày: rõ ràng, mạch lạc và có cảm xúc. HS dựa vào dàn ý để nói, đồng thời linh hoạt điều chỉnh cách diễn đạt thay vì đọc lại nguyên văn. Với những HS còn thiếu tự tin, việc luyện tập trong nhóm nhỏ trước sẽ giúp các em làm quen và mạnh dạn hơn khi trình bày trước tập thể. Trong suốt quá trình này, GV theo dõi, hỗ trợ và khuyến khích sự tham gia của tất cả HS, đồng thời ghi nhận những cách thể hiện sáng tạo để kịp thời động viên. Bên cạnh đó, GV cũng tạo không khí giao tiếp thân thiện, cởi mở để HS cảm thấy thoải mái khi chia sẻ ý kiến và bày tỏ cảm xúc của bản thân. Sau mỗi phần trình bày, HS được tạo điều kiện nhận xét và góp ý cho bạn. GV chú ý ghi nhận những ý tưởng sáng tạo, cách diễn đạt độc đáo để kịp thời động viên HS.

Bước 5: Đánh giá, điều chỉnh

Sau hoạt động trình bày, GV tiến hành đánh giá kết quả dựa trên các tiêu chí như: mức độ rõ ràng của nội dung, cách tổ chức ý, khả năng diễn đạt, sự thể hiện cảm xúc và tính sáng tạo trong lời nói. Quá trình đánh giá được thực hiện linh hoạt thông qua quan sát, nhận xét trực tiếp và kết hợp với tự đánh giá cũng như đánh giá lẫn nhau của HS. Từ những kết quả thu được, GV điều chỉnh cách tổ chức dạy học cho phù hợp với đặc điểm của lớp, đồng thời hướng dẫn HS rút kinh nghiệm và hoàn thiện bài nói của mình. Bên cạnh việc đánh giá kết quả, GV cũng chú ý động viên và khuyến khích HS mạnh dạn, tự tin hơn trong quá trình tham gia các hoạt động nói. Qua đó, năng lực nói của HS được củng cố và phát triển một cách bền vững trong các hoạt động tiếp theo.

Ví dụ 3: Để làm rõ biện pháp Phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 2 – Bài 4 – Nói và nghe: *Những câu chuyện thú vị*, SGK Tiếng Việt lớp 5, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:



– Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.

Ông lão đánh cá và con cá vàng

Đang bơi lội tung tăng trong làn nước xanh mát, bỗng nhiên tôi bị cuốn phăng đi. Tôi hốt hoảng nhận ra mình đã mắc vào một tấm lưới và bị nhấc bổng lên khỏi mặt nước. Trước mắt tôi là một ông lão có nét mặt khắc khổ. Ông nhìn tôi với vẻ thất vọng, có lẽ vì trong lưới chỉ có một mình tôi.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

- Giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.
- Kể chuyện với chi tiết sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính, ý nghĩa của câu chuyện gốc.

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÚ VỊ

Yêu cầu: Thảo luận về những chi tiết thú vị trong câu chuyện em yêu thích.

1. Chuẩn bị.

- Nhớ lại câu chuyện mà em yêu thích.

G:

Tên câu chuyện	Tên tác giả (nếu có)	Nội dung chính

- Liệt kê các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

G:

Bối cảnh câu chuyện: tình huống độc đáo, không gian thơ mộng,...

Nhân vật trong câu chuyện: ngoại hình khác thường, có phép biến hoá, tài năng đặc biệt,...

Sự việc trong câu chuyện: sự việc bất ngờ, kì lạ, cuốn hút, hài hước,...

2. Thảo luận.

- Người điều hành nêu nội dung thảo luận.
- Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị.

Đọc câu chuyện *Thần lặn xanh và tác kè*, mình thích tình huống gặp mặt rất độc đáo giữa thần lặn và tác kè.

Nhân vật ông Đùng, bà Đùng trong *Sự tích ông Đùng, bà Đùng* cao lớn khác thường, đứng cao hơn năm lần đỉnh núi cao nhất.

Câu chuyện *Ở Vương quốc Tương Lai* có chi tiết rất thú vị: Các em bé sáng chế ra vật dụng mang lại hạnh phúc cho con người.

3. Đánh giá.

Người có ý kiến hay	Người trình bày hấp dẫn	Người tham gia tích cực

Chia sẻ với người thân về những điều thú vị trong một câu chuyện em đã đọc, đã nghe.

Hình 2.18. Hình ảnh trang sách bài 4 – Nói và nghe: Những câu chuyện thú vị (trang 26), SGK Tiếng Việt 5, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục đích của bài nói

Ở bước này, GV giúp HS xác định rõ mục đích của hoạt động nói là thảo luận và chia sẻ về những chi tiết thú vị trong một câu chuyện mà các em yêu thích, qua đó bày tỏ suy nghĩ, cảm nhận và lí giải vì sao những chi tiết đó gây ấn tượng. GV nêu yêu cầu cụ thể để HS hiểu nhiệm vụ, chẳng hạn: “Các em hãy nhớ lại một câu chuyện em yêu thích và chia sẻ những chi tiết thú vị trong câu chuyện đó, đồng thời nêu lí do vì sao em thấy thú vị”.

Để hỗ trợ HS, GV có thể đặt các câu hỏi như: “Bài nói của em có nội dung gì?”, “Em sẽ chia sẻ bài nói của mình với những ai?”, “Em muốn người nghe ấn tượng điều gì trong bài nói của mình?”. Đồng thời, GV định hướng HS xác định đối tượng giao tiếp như bạn bè hoặc thầy cô để lựa chọn cách diễn đạt phù hợp. Thông qua đó, HS bước đầu xác định nội dung và định hướng cách trình bày bài nói của mình.

Bước 2: Hình thành ý tưởng cho bài nói

Sau khi xác định mục đích, GV hướng dẫn HS lựa chọn câu chuyện quen thuộc, có thể là truyện đã học, đã đọc hoặc đã nghe kể. HS được gợi ý nhớ lại các yếu tố nổi bật như bối cảnh, nhân vật và sự việc trong câu chuyện để tìm ra những chi tiết thú vị.

GV có thể đặt các câu hỏi như: “Em sẽ chia sẻ câu chuyện gì? Tác giả là ai?”, “Câu chuyện có diễn biến như thế nào?”, “Tại sao em lại thích câu chuyện đó?”. Trong quá trình đó, GV tạo điều kiện cho HS suy nghĩ và ghi nhanh các ý chính bằng từ khóa hoặc cụm từ như: tên câu chuyện, chi tiết thú vị, lí do lựa chọn,...

Ngoài ra, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để chia sẻ ý tưởng ban đầu, từ đó bổ sung và làm phong phú thêm nội dung thảo luận.

Bước 3: Hướng dẫn và tổ chức phát triển nội dung bài nói

Dựa trên mục đích và những ý tưởng ban đầu, GV định hướng để HS triển khai nội dung bài nói theo hướng rõ ràng, tập trung vào việc lựa chọn và lí giải các chi tiết thú vị trong câu chuyện đã chọn.

Trước hết, GV hướng dẫn HS xây dựng đề cương bài nói theo cấu trúc cơ bản gồm: mở đầu, nội dung và kết thúc. Ở phần mở đầu, HS có thể bắt đầu bằng việc giới thiệu tên câu chuyện (và tác giả nếu biết), sau đó nêu ngắn gọn nội dung chính để người nghe có thể hình dung. Ở phần nội dung, HS tập trung trình bày một hoặc một số chi tiết mà mình cho là thú vị, đồng thời giải thích vì sao những chi tiết đó gây ấn tượng. Ở phần kết thúc, HS có thể nêu cảm nhận chung về câu chuyện hoặc chia sẻ lí do mình yêu thích câu chuyện đó.

Để hỗ trợ HS hình thành và sắp xếp ý tưởng một cách trực quan, GV có thể hướng dẫn các em ghi ý theo dạng từ khóa hoặc sử dụng sơ đồ đơn giản, trong đó tên câu chuyện được đặt ở trung tâm, các nhánh ý bao gồm: bối cảnh, nhân vật,

sự việc thú vị và cảm nhận. Việc hệ thống hóa như vậy giúp HS dễ theo dõi mạch nội dung và lựa chọn được chi tiết tiêu biểu để trình bày.



Hình 2.19. Sơ đồ tư duy sử dụng trong bài 4 – Nói và nghe: Những câu chuyện thú vị (trang 26), SGK Tiếng Việt 5, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bên cạnh đó, GV chú trọng khai thác vốn sống và trải nghiệm của HS nhằm làm sâu sắc nội dung bài nói. HS được khuyến khích liên hệ với những câu chuyện đã từng đọc, nghe kể hoặc xem qua sách, phim, hoạt động học tập,... để lựa chọn chi tiết phù hợp. GV có thể gợi mở bằng các câu hỏi như: “Em đã từng nghe hoặc đọc câu chuyện này ở đâu?”, “Chi tiết này có gợi cho em nhớ đến trải nghiệm hoặc câu chuyện nào khác không?”, “Em đã từng gặp tình huống tương tự trong thực tế chưa?”. Qua đó, HS không chỉ kể lại mà còn biết liên hệ, so sánh và mở rộng suy nghĩ của mình.

Ngoài việc liên hệ thực tế, GV cần khuyến khích HS mở rộng suy nghĩ bằng trí tưởng tượng, ví dụ: nếu em là nhân vật trong câu chuyện, em sẽ hành động như thế nào hoặc thay đổi chi tiết nào để câu chuyện hấp dẫn hơn. Qua đó, HS không chỉ kể lại mà còn biết sáng tạo và thể hiện quan điểm cá nhân.

Ngoài ra, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ để hoàn thiện nội dung. Mỗi HS trình bày ý kiến của mình, các bạn lắng nghe, đặt câu hỏi và góp ý. Hoạt động này giúp HS mở rộng ý tưởng, điều chỉnh cách diễn đạt và học hỏi thêm từ bạn bè.

Bên cạnh đó, GV có thể sử dụng bài nói mẫu hoặc video minh họa để định hướng cách trình bày. Sau khi quan sát, HS nhận xét về cách lựa chọn chi tiết, cách lí giải và cách thể hiện cảm xúc của người nói. Từ đó, các em rút ra kinh nghiệm và vận dụng vào bài nói của mình một cách linh hoạt.

Trong quá trình tổ chức, GV cần hướng dẫn cụ thể nhưng không áp đặt, khuyến khích HS sử dụng ngôn ngữ của bản thân và tạo điều kiện để tất cả HS được tham gia, đồng thời hỗ trợ kịp thời những em còn gặp khó khăn.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi hoàn thiện nội dung, GV tổ chức cho HS tham gia thảo luận theo nhóm. Một HS có thể đóng vai trò điều hành, nêu nội dung thảo luận và mời các bạn lần lượt trình bày ý kiến. Mỗi HS chia sẻ những chi tiết thú vị trong câu chuyện mình lựa chọn và lí giải ngắn gọn, rõ ràng. Trong quá trình thảo luận, GV theo dõi, hỗ trợ khi cần thiết và khuyến khích HS tích cực tham gia. Đồng thời, GV chú ý ghi nhận những ý kiến độc đáo, cách trình bày hấp dẫn để động viên HS. Sau mỗi lượt trình bày, các thành viên trong nhóm có thể đặt câu hỏi hoặc bổ sung ý kiến nhằm làm rõ và mở rộng nội dung trao đổi. GV chú ý khuyến khích HS trình bày ý kiến cá nhân rõ ràng, đồng thời biết lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn.

Bước 5: Đánh giá, điều chỉnh

Kết thúc hoạt động, GV tổ chức cho HS đánh giá kết quả thảo luận dựa trên một số tiêu chí như: nội dung ý kiến có rõ ràng, phù hợp; chi tiết được lựa chọn có thú vị; cách trình bày có mạch lạc, hấp dẫn; mức độ tham gia và hợp tác trong nhóm. Việc đánh giá có thể thực hiện thông qua nhận xét của GV kết hợp với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS. Dựa trên kết quả đó, GV hướng dẫn HS rút kinh nghiệm, bổ sung và điều chỉnh cách trình bày ý kiến trong những lần thảo luận tiếp theo, qua đó góp phần nâng cao năng lực nói và khả năng tham gia giao tiếp của các em.

2.2.4. Tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kĩ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói

a. Mục đích của biện pháp

Việc tổ chức các hình thức học tập hợp tác trong dạy học Nói và nghe nhằm tạo môi trường giao tiếp tích cực, giúp HS có cơ hội tham gia vào các hoạt động trao đổi, thảo luận và tương tác với bạn bè. Thông qua học tập hợp tác, HS không chỉ được thực hành nói mà còn được đặt vào những tình huống giao tiếp đa dạng, từ đó góp phần PTNL nói một cách toàn diện.

Trước hết, học tập hợp tác giúp rèn luyện kĩ năng tương tác trong hoạt động nói. Khi làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, HS cần lắng nghe ý kiến của người khác, chia sẻ suy nghĩ của bản thân và phối hợp với các thành viên để hoàn thành nhiệm vụ chung. Quá trình này giúp HS biết cách tham gia vào cuộc trò chuyện,

duy trì mạch giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ nói một cách linh hoạt, phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh.

Bên cạnh đó, các hình thức học tập hợp tác còn giúp HS phát triển kỹ năng phản hồi trong giao tiếp. HS được rèn luyện cách đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung hoặc bày tỏ quan điểm đối với ý kiến của bạn. Việc phản hồi không chỉ giúp HS hiểu sâu hơn nội dung học tập mà còn nâng cao khả năng diễn đạt, tư duy và ứng xử trong giao tiếp.

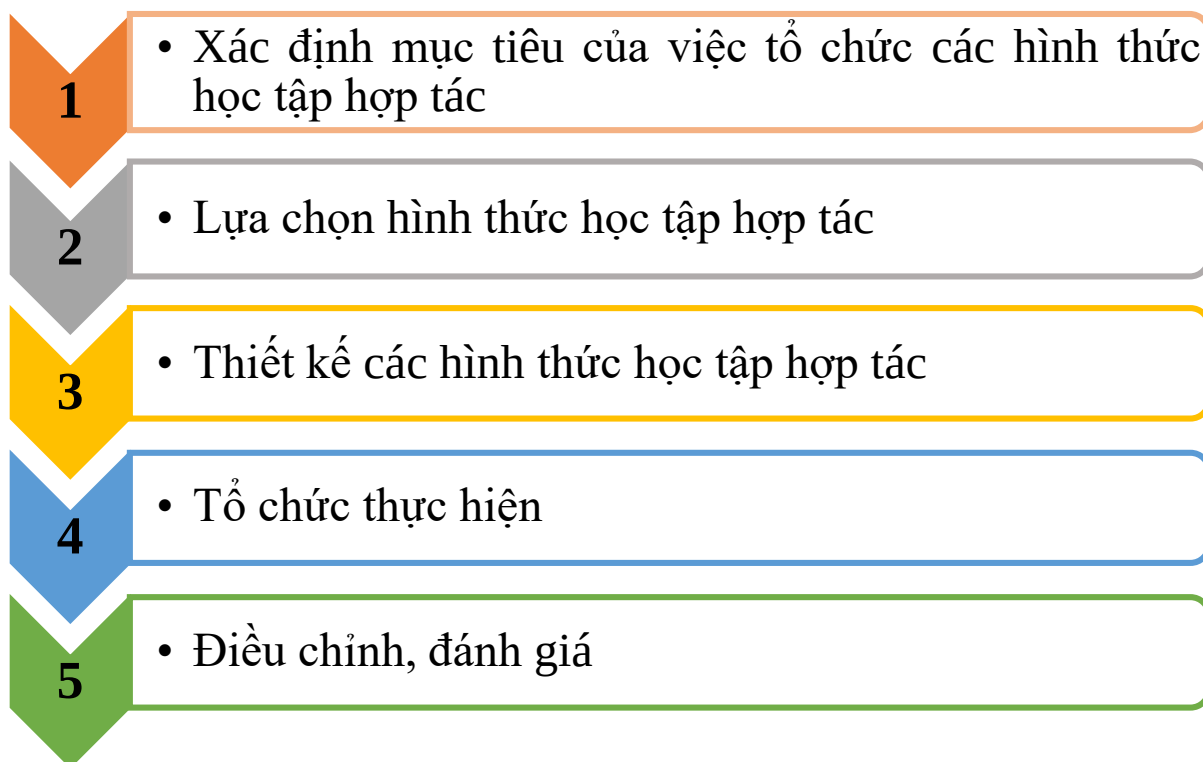
Ngoài ra, học tập hợp tác còn góp phần tạo hứng thú học tập, giúp HS mạnh dạn, tự tin hơn khi tham gia phát biểu. Môi trường làm việc nhóm thân thiện, cởi mở tạo điều kiện để mọi HS đều có cơ hội nói, từ đó hình thành và PTNL nói một cách tự nhiên, hiệu quả. Bên cạnh đó, thông qua quá trình hợp tác, HS còn hình thành tinh thần trách nhiệm, sự chủ động và khả năng phối hợp với bạn trong học tập. Các em biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác và điều chỉnh cách giao tiếp phù hợp trong từng tình huống trao đổi. Đây cũng là cơ sở giúp HS phát triển khả năng ứng xử linh hoạt và tự tin hơn trong giao tiếp hằng ngày.

Đặc biệt, các hình thức học tập hợp tác trong dạy học Nói và nghe rất đa dạng như làm việc nhóm, thảo luận, tranh luận, đóng vai và trò chơi học tập. Đây đều là những hình thức tạo ra môi trường giao tiếp trực tiếp, buộc HS phải thường xuyên tương tác, lắng nghe và phản hồi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, thảo luận, tranh luận và đóng vai là những hình thức có tác dụng nổi bật nhất trong việc rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi, do yêu cầu cao về sự trao đổi, phản biện và điều chỉnh lời nói giữa các thành viên.

Tóm lại, việc tổ chức các hình thức học tập hợp tác trong dạy học Nói và nghe có ý nghĩa quan trọng trong việc rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi cho HS. Thông qua quá trình trao đổi, thảo luận và phối hợp với bạn bè, HS được thực hành giao tiếp thường xuyên, từ đó nâng cao năng lực nói, phát triển sự tự tin và khả năng ứng xử linh hoạt trong các tình huống giao tiếp. Đồng thời, các hình thức học tập hợp tác còn góp phần tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích HS chủ động tham gia và mạnh dạn bày tỏ ý kiến của bản thân. Qua đó, việc học Nói và nghe trở nên sinh động, hiệu quả và phù hợp hơn với đặc điểm của HS tiểu học.

b. Cách tiến hành

Dựa vào mục đích của việc Tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói, chúng tôi đề xuất các bước thực hiện giúp GV vận dụng trong giờ Nói và nghe nhằm khuyến khích HS tham gia vào quá trình giao tiếp:



Sơ đồ 2.4. Quy trình xây dựng và tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói

Bước 1: Xác định mục tiêu của việc tổ chức các hình thức học tập hợp tác

Ở bước này, GV cần xác định rõ mục tiêu của hoạt động học tập hợp tác nhằm phát triển năng lực nói cho HS. Mục tiêu không chỉ giúp HS hoàn thành nhiệm vụ nói mà còn rèn luyện khả năng lắng nghe, trao đổi, phản hồi và phối hợp với bạn trong quá trình học tập. Đồng thời, việc xác định mục tiêu rõ ràng giúp GV lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp, tránh triển khai hoạt động mang tính hình thức hoặc thiếu trọng tâm.

Bước 2: Lựa chọn hình thức học tập hợp tác

Sau khi xác định mục tiêu, GV tiến hành lựa chọn các hình thức học tập hợp tác phù hợp với nội dung bài học và đặc điểm của HS. Các hình thức thường được sử dụng gồm: làm việc nhóm, trao đổi theo cặp, thảo luận, đóng vai, tranh luận hoặc trò chơi học tập có yếu tố giao tiếp. Khi lựa chọn, GV cần đảm bảo hình thức phù hợp với trình độ HS, tạo cơ hội cho tất cả các em được tham gia và có sự kết hợp linh hoạt để tăng hiệu quả tương tác trong hoạt động nói.

Bước 3: Thiết kế các hình thức học tập hợp tác

Trên cơ sở mục tiêu và hình thức đã lựa chọn, GV tiến hành thiết kế cụ thể các hoạt động học tập hợp tác nhằm phát triển kỹ năng tương tác và phản hồi cho

HS. Mỗi hoạt động cần có nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với trình độ nhận thức và tạo cơ hội cho tất cả HS được tham gia giao tiếp.

Đối với hoạt động nhóm, thảo luận hoặc tranh luận, HS thực hiện nhiệm vụ thông qua việc trao đổi ý kiến, lắng nghe bạn, đặt câu hỏi, bổ sung và phản hồi để thống nhất nội dung chung. GV cần chia nhóm hợp lý, hướng dẫn cách thảo luận, theo dõi quá trình làm việc và hỗ trợ khi cần thiết. Đồng thời, GV sử dụng các câu hỏi gợi mở để thúc đẩy sự trao đổi giữa các thành viên.

Khi tổ chức đóng vai, HS nhập vai nhân vật trong tình huống giao tiếp và sử dụng lời nói để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc và phản ứng với lời nói của bạn. GV cần xây dựng tình huống gần gũi, dễ hiểu, phân vai rõ ràng và hướng dẫn yêu cầu thực hiện cụ thể. Trong quá trình tham gia, GV khuyến khích HS thể hiện lời nói tự nhiên, sáng tạo và phù hợp với vai diễn.

Đối với trò chơi học tập, HS tham gia theo cá nhân hoặc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp như trả lời câu hỏi, trao đổi thông tin hoặc phản hồi ý kiến theo luật chơi. GV cần thiết kế trò chơi có mục tiêu rõ ràng, luật chơi đơn giản, dễ thực hiện và đảm bảo tính giáo dục. Đồng thời, GV quan sát, hỗ trợ và khuyến khích HS tham gia tích cực trong suốt quá trình hoạt động.

Các hình thức học tập hợp tác đều hướng tới việc tăng cường sự tương tác giữa HS, tạo cơ hội cho các em sử dụng ngôn ngữ nói và phản hồi trong giao tiếp. Tuy nhiên, khi thiết kế hoạt động, GV cần tránh nhiệm vụ quá phức tạp hoặc kéo dài, đồng thời đảm bảo nội dung rõ ràng, phù hợp với khả năng của HS để duy trì hứng thú học tập.

Bên cạnh việc thiết kế hoạt động, GV cần xác định rõ các tiêu chí đánh giá đối với bài nói nhằm giúp HS có định hướng cụ thể khi tham gia giao tiếp và thực hiện nhiệm vụ học tập. Các tiêu chí được xây dựng tập trung vào năm phương diện cơ bản: nội dung bài nói, hình thức trình bày, ngôn ngữ cơ thể, kỹ năng tương tác và thái độ tham gia. Việc xác định rõ các tiêu chí này không chỉ giúp HS chủ động hơn trong quá trình luyện nói mà còn tạo cơ sở để GV quan sát, nhận xét và đánh giá mức độ phát triển năng lực nói của HS một cách phù hợp và hiệu quả.

**Bảng 2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá năng lực nói của HS
trong hoạt động Nói và nghe**

Tiêu chí	Yêu cầu cụ thể
Nội dung bài nói	Nói đúng chủ đề, nội dung rõ ràng, phù hợp với nhiệm vụ giao tiếp.

Hình thức trình bày	Diễn đạt mạch lạc, nói đủ nghe, phát âm tương đối rõ ràng, tự tin khi trình bày.
Ngôn ngữ cơ thể	Biết sử dụng ánh mắt, nét mặt, cử chỉ phù hợp trong giao tiếp.
Kỹ năng tương tác	Biết lắng nghe, trao đổi, đặt câu hỏi và phản hồi ý kiến của bạn phù hợp.
Thái độ tham gia	Tích cực, chủ động tham gia hoạt động; hợp tác, lịch sự và tôn trọng người nghe.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi thiết kế, GV tiến hành tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động học tập hợp tác trong giờ học. GV cần hướng dẫn rõ nhiệm vụ, cách thức hoạt động và yêu cầu của từng hình thức. Trong quá trình thực hiện, GV đóng vai trò quan sát, hỗ trợ và khuyến khích HS mạnh dạn trao đổi, lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn. Đồng thời, GV tạo môi trường giao tiếp thân thiện để tất cả HS đều có cơ hội tham gia hoạt động nói. Bên cạnh đó, GV cần linh hoạt điều chỉnh cách tổ chức hoạt động phù hợp với đặc điểm của HS nhằm nâng cao hiệu quả tương tác và phát huy tính tích cực trong giao tiếp.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi tổ chức hoạt động, GV tiến hành đánh giá mức độ tham gia, khả năng tương tác, phản hồi và sử dụng ngôn ngữ nói của HS. Việc đánh giá có thể thực hiện thông qua quan sát, nhận xét trực tiếp, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Trên cơ sở kết quả đạt được, GV điều chỉnh cách lựa chọn và tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi cho HS trong các hoạt động nói và nghe tiếp theo.

c. Ví dụ cụ thể

Ví dụ 1: Để làm rõ biện pháp Tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 1 – Bài 2– Nói và nghe: *Tôi và bạn*, SGK Tiếng Việt lớp 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

NÓI VÀ NGHE

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CHẠM CÔNG

TÔI VÀ BẠN

Yêu cầu: Giới thiệu đặc điểm nổi bật của bản thân.

1. Nói về bản thân.
 - a. Giới thiệu bức chân dung tự họa (nếu có).
 - b. Nêu đặc điểm nổi bật của bản thân (giải thích rõ từng đặc điểm hoặc đưa ví dụ minh họa).



2. Trao đổi.

- Nêu những điểm tốt của một người bạn mà em muốn học tập.
- Nói điều em mong muốn ở bạn.



- Giới thiệu với người thân về đặc điểm nổi bật của những người bạn mà em yêu quý.
- Tìm đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.



15

Hình 2.20. Hình ảnh trang sách bài 2 – Nói và nghe: Tôi và bạn (trang 15), SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục tiêu của việc tổ chức các hình thức học tập hợp tác

Ở bước này, GV giúp HS hiểu rõ mục tiêu của hoạt động học tập hợp tác trong bài “Tôi và bạn” là tạo cơ hội cho HS giao tiếp, trao đổi và khám phá bản thân cũng như bạn bè trong lớp một cách chủ động. Thông qua hoạt động này, HS không chỉ luyện tập kỹ năng nói mà còn phát triển đồng thời kỹ năng lắng nghe, phản hồi và hợp tác trong giao tiếp.

GV cần làm rõ nhiệm vụ học tập: HS sẽ giới thiệu về bản thân (như tên, sở thích, tính cách, điểm mạnh) và giới thiệu về một người bạn mà mình yêu quý hoặc ấn tượng. Đồng thời, HS cần biết đặt câu hỏi phù hợp, lắng nghe tích cực và phản hồi lại ý kiến của bạn một cách rõ ràng, lịch sự.

Bước 2: Lựa chọn hình thức học tập hợp tác

Sau khi xác định mục tiêu, GV tiến hành lựa chọn các hình thức học tập hợp tác phù hợp với nội dung bài “Tôi và bạn” và đặc điểm HS lớp 4, đảm bảo tính đa dạng và tạo môi trường giao tiếp tích cực. GV đồng thời lựa chọn một số phương tiện hỗ trợ và định hướng HS sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp trong giao tiếp.

Trong làm việc nhóm, thảo luận và tranh luận, HS được trao đổi để giới thiệu bản thân, tìm hiểu về bạn và nhận ra điểm giống – khác giữa các thành viên; đồng thời bước đầu hình thành khả năng trình bày quan điểm cá nhân và phản hồi ý kiến của người khác. GV có thể sử dụng phiếu học tập, bảng nhóm và hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, nét mặt, cử chỉ phù hợp khi trình bày.

Trong đóng vai, HS tham gia vào các tình huống giao tiếp cụ thể như làm quen bạn mới hoặc giới thiệu bản thân, từ đó luyện tập cách nói tự nhiên, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp. GV có thể chuẩn bị bảng tên, thẻ đóng vai hoặc tranh tình huống và hướng dẫn HS kết hợp lời nói với giọng điệu, ánh mắt, nụ cười, cử chỉ chào hỏi khi giao tiếp.

Trong trò chơi học tập, HS tham gia các hoạt động như giới thiệu nhanh về bản thân hoặc đoán bạn qua đặc điểm, giúp việc luyện nói trở nên nhẹ nhàng và hứng thú

hơn. GV có thể sử dụng thẻ từ, hình ảnh hoặc bảng phụ để tăng tính trực quan và khuyến khích HS sử dụng nét mặt, giọng điệu, cử chỉ minh họa khi tham gia trò chơi.

Bước 3: Thiết kế các hình thức học tập hợp tác

Trên cơ sở mục tiêu và hình thức đã lựa chọn, GV tiến hành thiết kế cụ thể cách tổ chức các hoạt động học tập hợp tác nhằm phát triển kỹ năng tương tác và phản hồi cho HS.

Khi làm việc nhóm, GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cụ thể: mỗi HS giới thiệu ngắn gọn về bản thân (tên, sở thích, điểm nổi bật), giới thiệu về một bạn trong nhóm, sau đó xác định ít nhất 1–2 điểm giống nhau và 1–2 điểm khác nhau giữa các thành viên. GV hướng dẫn phân công vai trò trong nhóm (người trình bày, người ghi chép, người điều phối...), nêu rõ thời gian và YCCĐ, đồng thời quan sát, hỗ trợ và gợi mở câu hỏi trong quá trình HS thực hiện. GV có thể sử dụng phiếu học tập, tranh gợi ý hoặc sơ đồ tư duy để hỗ trợ HS trao đổi và trình bày ý kiến. HS lần lượt giới thiệu về bản thân và bạn trong nhóm, lắng nghe, đặt câu hỏi, bổ sung ý kiến và cùng thống nhất nội dung chung. Đối với thảo luận, HS trao đổi để tìm điểm giống, khác nhau giữa các thành viên; còn trong tranh luận, HS trình bày quan điểm và phản hồi ý kiến của bạn một cách rõ ràng, phù hợp. Trong quá trình giao tiếp, GV khuyến khích HS sử dụng ánh mắt, nét mặt và cử chỉ phù hợp để tăng hiệu quả tương tác. Lưu ý, GV cần thiết kế nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, phù hợp trình độ HS, tránh quá phức tạp và đảm bảo tất cả HS đều được tham gia nói, không để xảy ra tình trạng chỉ một số em hoạt động tích cực.

Khi tổ chức đóng vai, GV thiết kế nhiệm vụ cụ thể như: HS đóng vai trong tình huống “Minh là HS mới chuyển đến lớp, lần đầu giới thiệu bản thân với các bạn trong lớp”. Yêu cầu của nhiệm vụ là HS sử dụng lời nói để giới thiệu thông tin cá nhân, đặt câu hỏi làm quen, trả lời và trao đổi với bạn theo đúng vai được phân công. GV xây dựng tình huống, phân vai cho HS (Minh – HS mới; các bạn trong lớp), nêu rõ yêu cầu thực hiện như nói rõ ràng, tự nhiên, có thái độ phù hợp và biết sử dụng cử chỉ, ánh mắt khi giao tiếp, đồng thời quan sát, hỗ trợ và gợi ý để HS điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp với ngữ cảnh. GV có thể chuẩn bị thêm thẻ vai hoặc tranh tình huống để hỗ trợ HS nhập vai tốt hơn. HS nhập vai và thực hiện giao tiếp theo tình huống được giao, trong đó Minh giới thiệu bản thân (tên, sở thích, mong muốn làm quen), còn các bạn trong lớp chào hỏi, đặt câu hỏi và phản hồi lại, qua đó giúp HS rèn luyện khả năng nói trong tình huống cụ thể, hình thành sự tự tin và linh hoạt trong giao tiếp. Lưu ý, tình huống đóng vai cần đơn giản, gần gũi với đời sống HS; vai diễn phù hợp với khả năng của từng em; GV

cần khuyến khích sự tự nhiên trong thể hiện, tránh học thuộc máy móc hoặc diễn quá cứng nhắc làm mất tính giao tiếp thực tế.

Khi tổ chức trò chơi học tập, GV thiết kế nhiệm vụ cụ thể như: HS tham gia trò chơi “Đoán bạn qua đặc điểm”, trong đó một HS mô tả ngắn gọn về đặc điểm của một bạn trong lớp (ngoại hình, sở thích, tính cách), các bạn còn lại lắng nghe và đoán tên bạn được nhắc đến. GV phổ biến luật chơi rõ ràng, hướng dẫn cách tham gia, xác định mục tiêu giao tiếp cần đạt và theo dõi quá trình thực hiện của HS. GV có thể sử dụng thẻ từ, tranh ảnh hoặc micro đồ chơi để tăng hứng thú cho HS khi tham gia trò chơi. HS tham gia trò chơi theo cá nhân hoặc nhóm, thực hiện các nhiệm vụ như nói, lắng nghe, suy luận, đoán tên và phản hồi ý kiến của bạn trong không khí vui vẻ, tích cực; qua đó rèn luyện kỹ năng nói, nghe và phản hồi một cách tự nhiên. Lưu ý, trò chơi cần đơn giản, dễ thực hiện, gắn với mục tiêu bài học; GV cần kiểm soát thời gian và nội dung để đảm bảo hiệu quả rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tránh sa đà vào tính giải trí.

Để giúp HS thực hiện hoạt động nói hiệu quả hơn, GV cần xây dựng tiêu chí cụ thể đối với bài nói nhằm định hướng cho HS trong quá trình tham gia học tập hợp tác. Các tiêu chí được xác định như sau:

**Bảng 2.2.4.2. Tiêu chí đánh giá năng lực nói
của bài Nói và nghe: “Tôi và bạn”**

Tiêu chí	Yêu cầu cụ thể
Nội dung bài nói	Bài nói đúng chủ đề “Tôi và bạn”; nêu được thông tin cơ bản về bản thân hoặc bạn bè (tên, sở thích, điểm nổi bật,...); biết trao đổi và phản hồi ý kiến của bạn.
Hình thức trình bày	Nói rõ ràng, mạch lạc, đủ nghe; sử dụng từ ngữ phù hợp với đối tượng giao tiếp; trình bày tự nhiên, tự tin.
Ngôn ngữ cơ thể	Biết sử dụng ánh mắt, nét mặt, cử chỉ phù hợp khi giao tiếp; có thái độ thân thiện, lịch sự với người nghe.
Kỹ năng tương tác	Biết lắng nghe khi bạn trình bày; biết đặt câu hỏi, trả lời và phản hồi phù hợp; phối hợp với bạn trong hoạt động nhóm.
Thái độ tham gia	Tích cực tham gia hoạt động; mạnh dạn chia sẻ ý kiến; tôn trọng ý kiến của bạn.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

GV tiến hành tổ chức cho HS thực hiện các hình thức học tập hợp tác trong bài “Tôi và bạn”. GV hướng dẫn rõ ràng nhiệm vụ: HS giới thiệu về bản thân (tên, sở thích, điểm nổi bật), giới thiệu về một bạn trong nhóm, sau đó trao đổi để tìm điểm giống nhau và khác nhau giữa các thành viên, đồng thời tham gia đóng vai hoặc trò chơi học tập theo tình huống đã thiết kế. GV nêu rõ cách thức hoạt động, thời gian thực hiện và YCCĐ để HS nắm vững nhiệm vụ trước khi tham gia.

Trong quá trình thực hiện, GV đóng vai trò là người hướng dẫn và hỗ trợ, theo dõi hoạt động của HS để kịp thời gợi ý, điều chỉnh cách nói hoặc giúp đỡ khi cần thiết. Đồng thời, GV tạo môi trường giao tiếp thân thiện, khuyến khích HS mạnh dạn giới thiệu, lắng nghe bạn, đặt câu hỏi và phản hồi ý kiến một cách tự nhiên.

Lưu ý, GV cần đảm bảo nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp trình độ HS; tổ chức linh hoạt, tránh hình thức; tạo cơ hội cho tất cả HS tham gia nói; đồng thời kiểm soát thời gian và hỗ trợ kịp thời để hoạt động đạt hiệu quả.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi tổ chức các hình thức học tập hợp tác trong bài “Tôi và bạn”, GV tiến hành điều chỉnh và đánh giá nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói của HS, đồng thời rút kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả tổ chức ở các tiết học sau.

Việc đánh giá được thực hiện dựa trên các tiêu chí cụ thể. Trước hết là mức độ tham gia hoạt động, thể hiện ở việc HS có tích cực giới thiệu bản thân, giới thiệu bạn, tham gia thảo luận, đóng vai hoặc trò chơi học tập hay không. Thứ hai là kỹ năng tương tác, gồm khả năng lắng nghe, phối hợp với bạn và duy trì mạch giao tiếp trong quá trình làm việc nhóm. Thứ ba là kỹ năng phản hồi, thể hiện qua việc HS biết đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung ý kiến phù hợp. Thứ tư là khả năng sử dụng ngôn ngữ nói, gồm sự rõ ràng, mạch lạc, tự tin và phù hợp với tình huống giao tiếp “Tôi và bạn”.

Ngoài ra, GV có thể kết hợp quan sát, nhận xét, tự đánh giá và đánh giá giữa các nhóm để có cái nhìn toàn diện hơn về sự tiến bộ của HS. Trên cơ sở đó, GV điều chỉnh cách giao nhiệm vụ, cách chia nhóm và cách tổ chức hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nói.

Ví dụ 2: Để làm rõ biện pháp Tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 23 – Bài 14 – Nói và nghe: *Truyền thống Uống nước nhớ nguồn*, SGK Tiếng Việt lớp 4, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

TRUYỀN THỐNG UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Yêu cầu: Thuật lại một sự việc thể hiện truyền thống *Uống nước nhớ nguồn* và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình về sự việc đó.

1. Nói.

- Dựa vào dàn ý đã lập ở hoạt động Viết, em hãy thuật lại sự việc theo yêu cầu.
- Khi nói, em cần kết hợp thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,...
- Em có thể kết hợp giới thiệu tranh ảnh, video,... ghi lại việc làm thể hiện truyền thống *Uống nước nhớ nguồn* mà em đã tham gia hoặc chứng kiến.



2. Trao đổi, góp ý.

- Nội dung sự việc thể hiện truyền thống *Uống nước nhớ nguồn*.
- Trình tự của sự việc đúng với thực tế.
- Suy nghĩ, cảm xúc của người nói được thể hiện qua lời nói, giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,...



1. Chia sẻ với người thân suy nghĩ, cảm xúc của mình về những việc làm góp phần gìn giữ truyền thống *Uống nước nhớ nguồn*.

2. Tìm đọc một câu chuyện về lòng biết ơn.

Hình 2.21. Hình ảnh trang sách bài 14 – Nói và nghe: Truyền thống Uống nước nhớ nguồn (trang 62), SGK Tiếng Việt 4, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục tiêu của việc tổ chức các hình thức học tập hợp tác

Ở bước này, GV giúp HS hiểu rõ mục tiêu của hoạt động là tạo cơ hội để các em kể lại và chia sẻ một sự việc thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn, đồng thời bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về sự việc đó.

HS cần xác định được nhiệm vụ: thuật lại một hoạt động thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn (ví dụ: tham gia văn nghệ chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam, thăm hỏi thầy cô, hoặc hoạt động tưởng nhớ, đền ơn đáp nghĩa), đồng thời thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của mình trong quá trình trình bày.

Bước 2: Lựa chọn hình thức học tập hợp tác

Sau khi xác định mục tiêu, GV lựa chọn các hình thức học tập hợp tác phù hợp với bài “Truyền thống Uống nước nhớ nguồn”, nhằm tạo điều kiện cho HS vừa kể lại sự việc, vừa trao đổi và bày tỏ cảm xúc cá nhân.

Trong làm việc nhóm, thảo luận và tranh luận, HS kể lại sự việc đã tham gia hoặc chứng kiến, sau đó trao đổi về ý nghĩa của hoạt động tri ân và đưa ra nhận xét, phản hồi đối với cách trình bày của bạn. GV có thể sử dụng tranh ảnh, phiếu gợi ý hoặc sơ đồ ý tưởng để hỗ trợ HS trình bày và tương tác.

Trong đóng vai, HS nhập vai vào các tình huống như HS tham gia buổi tri ân thầy cô hoặc người có công, từ đó rèn luyện cách diễn đạt cảm xúc và lời nói phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. HS được khuyến khích sử dụng ánh mắt, nét mặt, giọng nói và cử chỉ phù hợp khi giao tiếp.

Trong trò chơi học tập, HS tham gia các hoạt động như kể nhanh một việc làm thể hiện lòng biết ơn hoặc nhận diện hành động “Uống nước nhớ nguồn”, giúp việc luyện nói trở nên sinh động, gần gũi và dễ nhớ hơn. GV có thể sử dụng thẻ nhiệm vụ, hình ảnh hoặc hộp câu hỏi để tăng hứng thú cho HS.

Bước 3: Thiết kế các hình thức học tập hợp tác

Trên cơ sở mục tiêu và hình thức đã lựa chọn, GV thiết kế cụ thể các hoạt động nhằm rèn luyện kỹ năng nói, tương tác và phản hồi cho HS trong bài “Truyền thống Uống nước nhớ nguồn”.

Khi làm việc nhóm, GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ: mỗi HS kể lại một sự việc thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn mà mình đã tham gia hoặc chứng kiến (ví dụ: tham gia văn nghệ chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam, thăm hỏi thầy cô, hoạt động tri ân), sau đó trao đổi về ý nghĩa của sự việc đó. GV hướng dẫn phân công vai trò trong nhóm, quy định thời gian và YCCĐ, đồng thời theo dõi, hỗ trợ và gợi mở câu hỏi. GV có thể sử dụng tranh ảnh hoặc phiếu gợi ý để hỗ trợ HS xây dựng nội dung nói. HS lần lượt kể lại sự việc, lắng nghe bạn, đặt câu hỏi và bổ sung ý kiến để cùng thống nhất nội dung chung. Khi thảo luận, HS tập trung trao đổi để làm rõ đặc điểm nổi bật của từng miền quê và tìm điểm tương đồng hoặc khác biệt; khi tranh luận, HS nêu quan điểm về miền quê ấn tượng nhất và lí giải bằng dẫn chứng cụ thể, đồng thời phản hồi ý kiến của bạn một cách hợp lí. Lưu ý, nhiệm vụ cần có định hướng rõ về nội

dung nói, gợi ý cụ thể để HS dễ triển khai; đảm bảo tất cả HS đều được tham gia; tránh để hoạt động chỉ dừng ở mức kể lại mà thiếu sự tương tác hai chiều.

Khi đóng vai, GV thiết kế tình huống: “Lớp học tổ chức buổi văn nghệ chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam để tri ân thầy cô.” HS nhập vai HS tham gia chương trình, giới thiệu hoạt động, chia sẻ cảm xúc và trao đổi với bạn về ý nghĩa của buổi tri ân. GV phân vai, hướng dẫn cách thể hiện lời nói, thái độ và cảm xúc phù hợp, đồng thời hỗ trợ HS trong quá trình thực hiện. HS được khuyến khích sử dụng ánh mắt, nét mặt, cử chỉ tay và giọng điệu phù hợp khi giao tiếp. HS nhập vai và giao tiếp trong tình huống, thể hiện lời nói tự nhiên, giàu cảm xúc. Lưu ý, GV cần xây dựng tình huống giao tiếp cụ thể, gần gũi với trải nghiệm của HS (ví dụ: tham gia hoạt động tri ân thầy cô), xác định rõ vai diễn và mục đích giao tiếp, đảm bảo tình huống có lời thoại mở để HS dễ thể hiện suy nghĩ và cảm xúc.

Khi tổ chức trò chơi học tập, GV sử dụng trò chơi “Chiếc hộp ký ức tri ân”. GV chuẩn bị một chiếc hộp chứa các thẻ ghi nhiệm vụ như: “Kể một việc em đã làm để thể hiện lòng biết ơn”, “Chia sẻ một kỉ niệm về thầy cô”, “Nêu một hoạt động tri ân em từng tham gia”. HS lần lượt bốc thẻ và trình bày nội dung theo yêu cầu, đồng thời lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn. GV có thể kết hợp hình ảnh minh họa hoặc thẻ cảm xúc để tăng tính trực quan và hỗ trợ HS diễn đạt. GV hướng dẫn luật chơi, theo dõi quá trình thực hiện và khuyến khích HS nói tự nhiên, chân thành. GV cần thiết kế trò chơi có luật chơi đơn giản, nội dung gắn với việc kể lại hoặc chia sẻ hoạt động tri ân, đảm bảo yếu tố giao tiếp rõ ràng (nói – nghe – phản hồi), tránh thiên về giải trí, đồng thời dự kiến thời gian và cách tham gia để tất cả HS đều có cơ hội thể hiện.

Để giúp HS có định hướng rõ ràng khi tham gia các hoạt động học tập hợp tác trong bài Nói và nghe: “Truyền thống Uống nước nhớ nguồn”, GV có thể xây dựng bảng tiêu chí đánh giá bài nói theo các phương diện sau:

Bảng 2.2.4.3. Tiêu chí đánh giá năng lực nói trong bài Nói và nghe: “Truyền thống Uống nước nhớ nguồn”

Tiêu chí	Yêu cầu cụ thể
Nội dung bài nói	Kể đúng một sự việc thể hiện truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”; nội dung rõ ràng, có trình tự; biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về sự việc.
Hình thức trình bày	Nói đủ nghe, phát âm tương đối rõ ràng; diễn đạt mạch lạc, tự tin; sử dụng từ ngữ phù hợp với nội dung giao tiếp.

Ngôn ngữ cơ thể	Biết sử dụng ánh mắt, nét mặt, giọng điệu và cử chỉ phù hợp khi kể chuyện, trao đổi hoặc đóng vai.
Kĩ năng tương tác	Biết lắng nghe bạn, đặt câu hỏi, trao đổi và phản hồi ý kiến phù hợp trong quá trình hoạt động nhóm hoặc trò chơi học tập.
Thái độ tham gia	Tham gia tích cực, chủ động chia sẻ ý kiến; hợp tác với bạn; thể hiện thái độ lịch sự, chân thành và tôn trọng người nghe.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi thiết kế, GV tiến hành tổ chức cho HS thực hiện các hình thức học tập hợp tác trong bài “Truyền thống Uống nước nhớ nguồn”. GV nêu rõ nhiệm vụ: HS kể lại một sự việc thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn mà mình đã tham gia hoặc chứng kiến, trao đổi về ý nghĩa của sự việc đó, sau đó tham gia các hoạt động đóng vai hoặc trò chơi học tập theo thiết kế. GV hướng dẫn cách thực hiện, thời gian hoạt động và YCCĐ trước khi HS tham gia.

Trong quá trình thực hiện, GV giữ vai trò hướng dẫn và hỗ trợ, theo dõi hoạt động của HS, kịp thời gợi ý khi các em gặp khó khăn trong diễn đạt hoặc trao đổi. GV đồng thời tạo môi trường giao tiếp thân thiện, khuyến khích HS mạnh dạn chia sẻ, lắng nghe bạn và phản hồi ý kiến một cách tự nhiên, đúng mạch nội dung.

Lưu ý, GV cần điều hành hoạt động linh hoạt, đảm bảo tất cả HS đều được tham gia nói; hỗ trợ kịp thời để duy trì mạch giao tiếp; đồng thời kiểm soát thời gian hợp lý để các hoạt động diễn ra hiệu quả, không bị kéo dài hoặc hình thức.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi tổ chức hoạt động, GV tiến hành đánh giá mức độ đạt được mục tiêu rèn luyện kĩ năng nói, tương tác và phản hồi của HS trong bài “Truyền thống Uống nước nhớ nguồn”, đồng thời rút kinh nghiệm để điều chỉnh cách tổ chức cho phù hợp hơn ở các tiết học sau.

Việc đánh giá được thực hiện dựa trên các tiêu chí: mức độ tham gia hoạt động (kể lại sự việc, thảo luận, đóng vai, trò chơi học tập), kĩ năng tương tác (lắng nghe, phối hợp với bạn), kĩ năng phản hồi (đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung ý kiến) và khả năng sử dụng ngôn ngữ nói (rõ ràng, mạch lạc, tự tin, phù hợp nội dung giao tiếp).

Trên cơ sở đó, GV kết hợp quan sát trong quá trình hoạt động, nhận xét sản phẩm nói của HS, cùng với tự đánh giá và đánh giá giữa các nhóm, từ đó điều chỉnh cách giao nhiệm vụ và tổ chức hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện kĩ năng nói cho HS.

Ví dụ 3: Để làm rõ biện pháp Tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói, chúng tôi vận dụng vào tiết dạy Nói và nghe, Tuần 22 – Bài 8 – Nói và nghe: *Những ý kiến khác biệt*, SGK Tiếng Việt lớp 5, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG Ý KIẾN KHÁC BIỆT

Yêu cầu: Thảo luận về một sự việc có nhiều ý kiến khác biệt.

1. Chuẩn bị.

- Lựa chọn một sự việc gắn gũi với học sinh, có nhiều ý kiến khác biệt để thảo luận. Ví dụ: học sinh giữ tiền riêng để tiêu, học sinh mặc đồng phục khi đi học,...
- Tìm hiểu và ghi chép những thông tin liên quan đến nội dung thảo luận.

G:

Ý kiến tán thành việc học sinh giữ tiền riêng để tiêu

- Học sinh có thể tự mua đồ ăn, nước uống hoặc đồ dùng học tập.
- Học sinh sớm học được cách chi tiêu và cách quản lý tiền.
- Học sinh hiểu được giá trị của đồng tiền và trân trọng công sức lao động của bố mẹ.
- 

Ý kiến phản đối việc học sinh giữ tiền riêng để tiêu

- Học sinh có thể quan tâm nhiều đến việc tiêu tiền, hình thành thói quen tiêu xài hoang phí.
- Học sinh có thể bắt chước nhau, đòi cha mẹ cho tiền để tiêu vào những việc không cần thiết.
- 

2. Thảo luận.

- Các thành viên phát biểu ý kiến đã chuẩn bị, trả lời câu hỏi của các bạn.
- Khi nghe bạn trình bày, cần ghi chép những thông tin đáng chú ý. Có thể nêu ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ tôn trọng sự khác biệt.
- Người điều hành tóm tắt nội dung thảo luận. Nêu những điểm đã thống nhất và những điểm còn khác biệt giữa các thành viên.

3. Đánh giá.

- Nhận xét về các ý kiến phát biểu, tiến trình thảo luận,...
- Bình chọn người tham gia thảo luận tích cực và có ý kiến hay.



Kể lại câu chuyện *Khu rừng của Mát* cho người thân nghe và chia sẻ cảm nghĩ của em về câu chuyện.

Hình 2.22. Hình ảnh trang sách bài 8 – Nói và nghe: Những ý kiến khác biệt (trang 44), SGK Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1: Xác định mục tiêu của việc tổ chức các hình thức học tập hợp tác

Ở bước này, GV giúp HS hiểu rõ mục tiêu của bài học là biết trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề có nhiều quan điểm khác nhau, đồng thời rèn kỹ năng lắng nghe, phản hồi và tôn trọng ý kiến người khác trong giao tiếp.

GV nêu nhiệm vụ trọng tâm: HS thảo luận về một sự việc gần gũi (ví dụ: HS có nên giữ tiền riêng để tiêu hay không; có nên mặc đồng phục khi đi học hay không), từ đó biết đưa ra ý kiến tán thành hoặc phản đối kèm lí lẽ phù hợp.

Bước 2: Lựa chọn hình thức học tập hợp tác

GV lựa chọn các hình thức học tập hợp tác phù hợp để HS có cơ hội bày tỏ quan điểm và tiếp nhận nhiều góc nhìn khác nhau về cùng một vấn đề.

Trong làm việc nhóm, thảo luận hoặc tranh luận, HS được chia nhóm để cùng trao đổi về một sự việc có hai luồng ý kiến trái ngược. Các em lần lượt trình bày quan điểm cá nhân, giải thích lí do tán thành hoặc không tán thành, đồng thời bước đầu biết bảo vệ quan điểm của mình bằng lí lẽ đơn giản và phản hồi ý kiến của bạn một cách phù hợp, sau đó nghe ý kiến của bạn để bổ sung hoặc điều chỉnh cách nhìn nhận. GV có thể sử dụng phiếu học tập, thẻ ý kiến “đồng ý – không đồng ý” hoặc sơ đồ tư duy để hỗ trợ HS trình bày và trao đổi ý kiến rõ ràng hơn.

Trong đóng vai, HS nhập vai các đối tượng có quan điểm khác nhau trong cùng một tình huống (ví dụ: HS – phụ huynh – GV) nhằm thể hiện rõ sự khác biệt về cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề. GV có thể chuẩn bị bảng tên nhân vật, tranh tình huống hoặc gợi ý lời thoại ngắn để hỗ trợ HS nhập vai tự nhiên hơn; đồng thời hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, nét mặt và giọng điệu phù hợp khi giao tiếp.

Trong trò chơi học tập, HS tham gia các hoạt động lựa chọn nhanh theo quan điểm (đồng ý/không đồng ý), sau đó giải thích ngắn gọn lí do lựa chọn, kết hợp phản hồi ý kiến của bạn để tăng tính tương tác trong giao tiếp. GV có thể sử dụng thẻ màu, bảng lựa chọn hoặc hình ảnh minh họa để tăng hứng thú và hỗ trợ HS bày tỏ ý kiến nhanh chóng, tự tin hơn.

Bước 3: Thiết kế các hình thức học tập hợp tác

Trên cơ sở mục tiêu và các hình thức đã lựa chọn, GV thiết kế cụ thể các hoạt động học tập hợp tác nhằm giúp HS rèn luyện kỹ năng bày tỏ ý kiến, lắng nghe và phản hồi trong bài “Những ý kiến khác biệt”.

Khi làm việc nhóm, thảo luận hoặc tranh luận, GV có thể chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cụ thể: “Có bạn cho rằng HS nên giữ tiền riêng để tiêu vì giúp rèn kỹ năng chi tiêu và tự lập. Ngược lại, có bạn cho rằng không nên vì dễ chi tiêu chưa hợp lí và chưa biết quản lí tiền. Từ hai ý kiến trên, các em

hãy thảo luận để bày tỏ quan điểm của mình và đưa ra lí do giải thích phù hợp”. Mỗi HS trình bày quan điểm cá nhân kèm lí do, sau đó lắng nghe bạn, đặt câu hỏi, bổ sung hoặc điều chỉnh ý kiến. GV hướng dẫn phân công vai trò trong nhóm, nêu rõ thời gian và YCCĐ, đồng thời theo dõi và gợi mở để thúc đẩy trao đổi. GV có thể phát phiếu học tập hoặc thẻ ý kiến để HS ghi nhanh quan điểm trước khi trình bày. HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách lần lượt phát biểu, trao đổi và thống nhất ý kiến chung của nhóm. Trong thảo luận, HS tập trung làm rõ và chia sẻ các quan điểm; trong tranh luận, HS cần nêu lí lẽ, dẫn chứng đơn giản để bảo vệ ý kiến và phản hồi lại ý kiến khác một cách lịch sự, có cơ sở. GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt hướng về người nghe, giọng nói rõ ràng và thái độ tôn trọng khi phản hồi ý kiến. Lưu ý, nhiệm vụ cần cụ thể, rõ ràng; đảm bảo tất cả HS đều được tham gia nói; tránh để hoạt động chỉ tập trung vào một số em.

Khi đóng vai, GV xây dựng tình huống giao tiếp có nhiều quan điểm khác nhau, ví dụ: “Minh muốn giữ tiền lì xì để tự tiêu, nhưng mẹ Lan lại cho rằng Minh nên đưa bố mẹ quản lí để tránh tiêu hoang phí”. HS nhập vai các nhân vật (Minh, mẹ Lan) để thể hiện quan điểm, giải thích lí do và phản hồi lại ý kiến của nhau. GV phân vai, hướng dẫn cách nói rõ ràng, có lí lẽ và thái độ tôn trọng. GV có thể sử dụng bảng tên nhân vật hoặc tranh minh họa tình huống để hỗ trợ HS nhập vai. HS nhập vai và thực hiện trao đổi theo tình huống. Trong quá trình giao tiếp, HS được khuyến khích sử dụng nét mặt, cử chỉ tay và giọng điệu phù hợp để thể hiện cảm xúc và quan điểm của nhân vật. Lưu ý, tình huống cần gần gũi với đời sống HS; vai diễn phù hợp năng lực; khuyến khích nói tự nhiên, tránh học thuộc máy móc.

Khi tổ chức trò chơi học tập, GV thiết kế trò chơi “Đèn xanh – Đèn đỏ”. GV đưa ra các phát biểu liên quan đến đời sống HS, nếu HS đồng ý thì giơ thẻ hoặc đứng ở “đèn xanh”, nếu không đồng ý thì chọn “đèn đỏ”, sau đó nêu ngắn gọn lí do lựa chọn của mình. HS cũng có thể phản hồi hoặc đặt câu hỏi cho bạn có ý kiến khác. GV chuẩn bị thẻ màu hoặc bảng lựa chọn để hỗ trợ HS tham gia trò chơi thuận tiện hơn. GV hướng dẫn luật chơi, theo dõi và khuyến khích HS tham gia tích cực. Trong quá trình trình bày, HS được hướng dẫn kết hợp giọng nói rõ ràng, ánh mắt tự tin và thái độ lịch sự khi phản hồi ý kiến của bạn. Lưu ý, trò chơi cần đơn giản, dễ thực hiện; đảm bảo mục tiêu rèn luyện kĩ năng nói – phản hồi; kiểm soát thời gian và tạo cơ hội cho nhiều HS được tham gia.

Để định hướng HS tham gia hiệu quả vào các hoạt động học tập hợp tác trong bài “Những ý kiến khác biệt”, GV cần xây dựng các tiêu chí cụ thể đối với bài nói. Các tiêu chí này giúp HS biết cách trình bày ý kiến cá nhân, tương tác và

phản hồi phù hợp trong quá trình giao tiếp, đồng thời là cơ sở để GV quan sát, nhận xét và đánh giá mức độ tham gia của HS.

**Bảng 2.2.4.4. Tiêu chí đánh giá năng lực nói
trong bài Nói và nghe: Những ý kiến khác biệt**

Tiêu chí	Yêu cầu cụ thể
Nội dung bài nói	Trình bày đúng vấn đề được thảo luận; nêu rõ ý kiến tán thành hoặc không tán thành; có lí do giải thích phù hợp; biết đưa ví dụ hoặc dẫn chứng đơn giản để làm rõ quan điểm.
Hình thức trình bày	Nói rõ ràng, mạch lạc, đủ nghe; diễn đạt tương đối tự nhiên; biết sắp xếp ý theo trình tự hợp lí; sử dụng từ ngữ phù hợp với đối tượng giao tiếp.
Ngôn ngữ cơ thể	Biết sử dụng ánh mắt, nét mặt, cử chỉ và giọng điệu phù hợp khi trình bày và phản hồi; thể hiện sự tự tin và thái độ tôn trọng người nghe.
Kỹ năng tương tác	Biết lắng nghe ý kiến của bạn; có phản hồi phù hợp; biết đặt câu hỏi, bổ sung hoặc tiếp nối ý kiến trong quá trình thảo luận, tranh luận hoặc đóng vai.
Thái độ tham gia	Tích cực tham gia hoạt động; mạnh dạn bày tỏ ý kiến cá nhân; hợp tác với bạn trong nhóm; tôn trọng những ý kiến khác biệt trong giao tiếp.

Bước 4: Tổ chức thực hiện

Sau khi thiết kế, GV tiến hành tổ chức cho HS thực hiện các hình thức học tập hợp tác trong bài “Những ý kiến khác biệt”. Đây là bước triển khai trực tiếp nhằm giúp HS tham gia thảo luận, đóng vai và chơi trò chơi để rèn luyện kỹ năng nói trong tình huống có nhiều quan điểm.

GV nêu rõ nhiệm vụ cho HS: trình bày ý kiến về một sự việc có hai quan điểm trái ngược, giải thích lí do lựa chọn, lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn. Sau đó, GV tổ chức HS thực hiện theo nhóm, tham gia đóng vai hoặc trò chơi “Đèn xanh – Đèn đỏ” theo đúng kế hoạch đã thiết kế, đồng thời hướng dẫn cách làm việc và quy định thời gian cụ thể.

Trong quá trình thực hiện, GV giữ vai trò quan sát, hỗ trợ và điều chỉnh kịp thời, giúp HS diễn đạt rõ ràng hơn hoặc gợi mở thêm ý khi cần. GV đồng thời khuyến khích HS mạnh dạn phát biểu, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt trong quá trình trao đổi.

Lưu ý, GV cần điều hành hoạt động theo hướng linh hoạt, đảm bảo mạch thảo luận không bị gián đoạn; tạo cơ hội cho tất cả HS tham gia nói; kiểm soát thời gian hợp lý và hỗ trợ kịp thời để hoạt động đạt hiệu quả.

Bước 5: Điều chỉnh, đánh giá

Sau khi tổ chức hoạt động, GV tiến hành đánh giá mức độ HS đạt được yêu cầu của bài “Những ý kiến khác biệt”, đồng thời xem xét hiệu quả của việc tham gia thảo luận, đóng vai và trò chơi học tập trong việc rèn kỹ năng nói và phản hồi.

GV đánh giá HS dựa trên các tiêu chí chính: mức độ tham gia (có tích cực nêu ý kiến và tham gia hoạt động hay không), kỹ năng trao đổi (biết lắng nghe, hợp tác và tiếp nối ý kiến của bạn), kỹ năng phản hồi (biết đặt câu hỏi, đồng tình hoặc phản đối có lý do rõ ràng) và khả năng diễn đạt (nói rõ ràng, mạch lạc, phù hợp tình huống giao tiếp).

Trong quá trình đánh giá, GV kết hợp quan sát hoạt động thực tế, nhận xét phân trình bày của HS, đồng thời khuyến khích HS tự nhận xét và góp ý cho bạn. Trên cơ sở kết quả đánh giá, GV điều chỉnh cách giao nhiệm vụ, tăng cường các tình huống có tính đối thoại và tranh luận, đồng thời hỗ trợ HS còn hạn chế để nâng cao hiệu quả tham gia giao tiếp ở các bài học tiếp theo.

2.3. Một số lưu ý sư phạm khi vận dụng các biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt 4, 5

Khi vận dụng các biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe, GV cần chú ý đảm bảo bám sát mục tiêu PTNL nói cho HS, tránh triển khai mang tính hình thức. Các biện pháp cần hướng tới việc tạo cơ hội cho HS được trình bày, trao đổi và phản hồi một cách tự nhiên trong quá trình học tập.

Bên cạnh đó, GV cần lựa chọn và phối hợp linh hoạt các biện pháp phù hợp với nội dung bài học và đặc điểm của HS lớp 4, 5. Việc kết hợp giữa hệ thống câu hỏi, nhiệm vụ học tập và tình huống giao tiếp có vấn đề sẽ giúp hoạt động nói trở nên phong phú, hiệu quả hơn.

Ngoài ra, GV cần chú ý đến đặc điểm tâm lý và trình độ của HS, thiết kế nhiệm vụ vừa sức, có gợi ý cụ thể và tạo môi trường giao tiếp thân thiện để HS tự tin tham gia. Đồng thời, cần tăng cường các hình thức tổ chức như làm việc cặp, nhóm nhỏ nhằm tạo cơ hội cho HS luyện nói, lắng nghe và phản hồi.

Cuối cùng, GV cần đánh giá và điều chỉnh kịp thời trong quá trình tổ chức dạy học. Việc đánh giá nên dựa trên nội dung, cách diễn đạt và mức độ tham gia của HS, kết hợp giữa nhận xét của GV, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Trên cơ sở đó, GV điều chỉnh hoạt động phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả PTNL nói cho HS.

Trên cơ sở những lưu ý chung đó, khi vận dụng từng biện pháp cụ thể, GV cần chú ý một số điểm sau:

Đối với biện pháp xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng và PTNL nói của HS: GV cần thiết kế hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập theo hướng gợi mở, phù hợp với trình độ của HS lớp 4, 5 và bám sát mục tiêu bài học. Câu hỏi cần có sự phân tầng, giúp HS từng bước hình thành và phát triển nội dung bài nói. Nhiệm vụ học tập cần rõ ràng, cụ thể, tạo điều kiện để HS chuẩn bị trước và chủ động tham gia. Đồng thời, GV cần hướng dẫn cách thực hiện và hỗ trợ kịp thời để HS tự tin trình bày.

Đối với biện pháp tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm kích thích nhu cầu và hứng thú nói của HS: GV cần xây dựng các tình huống gần gũi với thực tiễn, phù hợp với đặc điểm tâm lý và vốn sống của HS. Tình huống cần có yếu tố “vấn đề” để tạo nhu cầu giao tiếp và khuyến khích HS bày tỏ quan điểm. Trong quá trình tổ chức, GV cần tạo môi trường giao tiếp thân thiện, khuyến khích HS trao đổi, phản hồi và tôn trọng ý kiến của nhau.

Đối với biện pháp phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS: GV cần tạo điều kiện để HS được suy nghĩ, liên tưởng và bày tỏ ý tưởng một cách linh hoạt, không áp đặt khuôn mẫu. Các hoạt động cần khuyến khích HS mở rộng nội dung, liên hệ thực tế và thể hiện cảm xúc cá nhân. Đồng thời, GV nên sử dụng các câu hỏi mở, tình huống gợi tưởng tượng để kích thích sự sáng tạo trong lời nói của HS.

Đối với biện pháp tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói: GV cần tổ chức đa dạng các hình thức học tập như làm việc theo cặp, nhóm nhỏ hoặc thảo luận chung nhằm tạo cơ hội cho HS tham gia giao tiếp. Trong quá trình đó, HS được rèn luyện kỹ năng lắng nghe, trao đổi, nhận xét và phản hồi. GV cần hướng dẫn cách làm việc nhóm hiệu quả, phân công nhiệm vụ hợp lý và theo dõi, hỗ trợ để đảm bảo tất cả HS đều được tham gia.

Như vậy, việc vận dụng linh hoạt và phù hợp các biện pháp trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Nói và nghe, đồng thời PTNL nói cho HS một cách toàn diện.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, chúng tôi đã trình bày các nguyên tắc đề xuất biện pháp và đề xuất 4 biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5 trong dạy học Nói và nghe, cụ thể là: Xây dựng hệ thống câu hỏi và nhiệm vụ học tập nhằm định hướng và phát triển năng lực nói của HS; Tổ chức các tình huống giao tiếp có vấn đề nhằm kích thích nhu cầu và hứng thú nói của HS; Phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng và sáng tạo trong lời nói của HS; Tổ chức các hình thức học tập hợp tác nhằm rèn luyện kỹ năng tương tác và phản hồi trong hoạt động nói.

Các nguyên tắc đề xuất biện pháp được xây dựng nhằm bảo đảm mục tiêu, nội dung chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS trong hoạt động nói. Bên cạnh đó, việc đề xuất biện pháp cũng đảm bảo tính vừa sức, tính thực tiễn và tính hệ thống trong quá trình tổ chức dạy học.

Dựa trên các nguyên tắc và đặc điểm của hoạt động PTNL nói, các biện pháp được xây dựng đều xác định rõ mục tiêu rèn luyện kỹ năng, nội dung hoạt động và cách thức tổ chức thực hiện. Mỗi biện pháp đều được minh họa thông qua các ví dụ gắn với bài học cụ thể trong chương trình Tiếng Việt lớp 4, 5, kết hợp với các hình thức tổ chức dạy học tích cực như câu hỏi gợi mở, tình huống giao tiếp, trò chơi học tập, đóng vai và thảo luận nhóm, qua đó tạo môi trường để HS được thực hành nói trong nhiều ngữ cảnh khác nhau.

Các biện pháp có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau, góp phần hình thành và PTNL nói cho HS một cách toàn diện, đồng thời nâng cao hiệu quả dạy học Nói và nghe ở tiểu học.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Năng lực nói giữ vai trò quan trọng trong quá trình học tập, giao tiếp và phát triển toàn diện của HS tiểu học. Trong dạy học Tiếng Việt, đặc biệt ở phân môn Nói và nghe, việc rèn luyện và nâng cao năng lực nói không chỉ giúp HS phát triển khả năng diễn đạt mà còn góp phần hình thành sự tự tin, khả năng tương tác và phản hồi trong giao tiếp. Vì vậy, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5 là cần thiết và phù hợp với định hướng phát triển năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Thông qua quá trình nghiên cứu, đề tài đã góp phần làm rõ cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của việc nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5 trong dạy học Nói và nghe. Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, đa số GV đã nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển năng lực nói cho HS. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức dạy học vẫn còn tồn tại một số hạn chế như hình thức tổ chức hoạt động chưa thật sự đa dạng, cơ hội giao tiếp dành cho HS còn ít, một số HS còn thiếu tự tin khi trình bày, khả năng diễn đạt và phản hồi còn hạn chế. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học Nói và nghe.

Trên cơ sở nghiên cứu nội dung chương trình, yêu cầu cần đạt của môn Tiếng Việt lớp 4, 5 và đặc điểm tâm lí, nhận thức của HS tiểu học, đề tài đã đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao năng lực nói cho HS trong dạy học Nói và nghe. Các biện pháp được xây dựng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS; tạo cơ hội để các em được tham gia vào nhiều tình huống giao tiếp khác nhau, được trình bày ý kiến, trao đổi, lắng nghe và phản hồi trong quá trình học tập.

Đồng thời, đề tài đã minh họa cụ thể các biện pháp thông qua những ví dụ gắn với các bài học trong SGK Tiếng Việt lớp 4, 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). Việc vận dụng các hình thức như tổ chức tình huống giao tiếp có vấn đề, học tập hợp tác, trò chơi học tập, đóng vai hay ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần tạo môi trường giao tiếp tích cực, giúp HS mạnh dạn, tự tin hơn khi tham gia hoạt động nói và nghe.

Có thể khẳng định rằng, việc nâng cao năng lực nói cho HS lớp 4, 5 trong dạy học Nói và nghe là một nhiệm vụ cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển năng lực giao tiếp cho HS tiểu học. Những biện pháp mà đề tài đề xuất không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học phân môn Nói và nghe mà còn góp phần hình thành cho HS khả năng giao tiếp tự tin, linh hoạt và phù hợp trong học tập cũng như trong đời sống hằng ngày.

2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi nhận thấy các biện pháp nâng cao năng lực nói trong dạy học Nói và nghe không chỉ phù hợp với HS lớp 4, 5 mà còn có thể tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh và vận dụng đối với các khối lớp khác ở tiểu học nhằm góp phần phát triển năng lực giao tiếp cho HS một cách toàn diện.

Đối với HS lớp 1, 2, cần chú trọng xây dựng các hoạt động giao tiếp đơn giản, gần gũi với đời sống hằng ngày; tăng cường sử dụng tranh ảnh, trò chơi học tập, đóng vai và các tình huống giao tiếp quen thuộc để giúp HS mạnh dạn, tự tin khi nói.

Đối với HS lớp 3, có thể mở rộng các hoạt động trao đổi, kể chuyện, trình bày ý kiến và phản hồi trong giao tiếp nhằm giúp HS bước đầu hình thành khả năng diễn đạt mạch lạc và biết tương tác với người nghe.

Đối với HS lớp 4, 5, cần tăng cường tổ chức các hoạt động giao tiếp có tính hợp tác, thảo luận, tranh luận và xử lý tình huống nhằm phát triển sâu hơn kỹ năng trình bày ý kiến, phản hồi và giao tiếp trước tập thể.

Ngoài ra, việc nghiên cứu và vận dụng các biện pháp nâng cao năng lực nói cần được thực hiện linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức và YCCĐ của từng khối lớp để góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
3. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), (2023), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4*, tập 1, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), (2023), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4*, tập 2, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5*, tập 1, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam.
6. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5*, tập 2, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam.
7. Bùi Thanh Thủy, (2024), “Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh lớp 1 thông qua sử dụng trò chơi học tập trong môn Tiếng Việt”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, tập 20, số 12.
8. Đặng Thị Ngọc Ly, (2023), “Một số giải pháp rèn kỹ năng nói trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống”, *Tạp chí thiết bị Giáo dục*, tập 2, số 289.
9. Đặng Thị Lệ Tâm, (2020), “Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 25 tháng 01/2020.
10. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), (2019), *Dạy học phát triển năng lực ở Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
11. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), (2023), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học Sư phạm.
12. Đỗ Xuân Thảo (Tổng chủ biên), (2024), *Những vấn đề chung của dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
13. Hồ Thị Quý (2024), “Một số biện pháp rèn kỹ năng kể chuyện trong môn Tiếng Việt 3 (Bộ sách Cánh diều)”, *Tạp chí Tâm lý – Giáo dục*, tập 30, số 03.
14. Hà Thu Thủy, Vũ Diệu Hoa, Quán Thu Trang, Phạm Thu Tâm, (2022), “Một số phương pháp phát triển kỹ năng nghe – nói cho học sinh tiểu học:

phân tích trường hợp sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 2 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống”, *Tạp chí Khoa học*, số 57/2022.

15. Lê Phương Nga (Tổng chủ biên), (2016), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I, II*, Nxb Đại học Sư phạm.
16. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.
17. Nguyễn Diễm Phương, Trần Hoài Anh, (2024), “Phát triển năng lực nói – nghe trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 ở huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp thông qua hoạt động đóng vai”, *Tạp chí thiết bị Giáo dục*, tập 1, số 324.
18. Nguyễn Văn Bản, Phan Thị Bảo Hà, Chu Thị Khánh Hà, (2019), “Phát triển năng lực nói – nghe trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 ở huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp thông qua hoạt động đóng vai”, *Tạp chí Khoa học*, số 37, tháng 4 năm 2019.
19. Phạm Thị Hạnh Mai, Vũ Thị Lan Anh, (2017), *Tâm lí học sinh tiểu học*, Đại học Sư phạm.

2. Tiếng Anh

20. Brown, H, D (2001), *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy*, Longman.
21. Cameron, L (2001), *Teaching Languages to Young Learners*, Cambridge University Press.
22. Coolahan, J. (2002), *Teacher Education and the Teaching Career in an Era of Lifelong Learning*, OECD Education Working Paper.
23. Dobinson, K. L. & Dockrell, J. E., (2021), “Universal strategies for the improvement of expressive language skills in the primary classroom: A systematic review”, *First Language*, 41(5), 527 – 554.
24. Edlund, K., Kjellmer, L., Hemmingsson, H., & Berglund, E., (2023), “Primary school teachers' patterns in using communication strategies in classrooms”, *Frontiers in Education*, 8, Article 1036050.
25. NAECY, (2019) “Collaborative Conversations: Speaking and Listening in the Primary Grades”, *Young Children*, 7, 1.
26. OECD (2018), *Preparing Our Youth for an Inclusive and Sustainable World: The OECD PISA Global Competence Framework*, OECD Publishing.
27. Sayin, B. A. (2015), Considerations On Speaking Skills: Essence Of Learning And Teaching Speaking, *Sino-US English Teaching*, 12 (11), 827-834.
28. Sirpa Tarvainen, Kaisa Launonen & Suvi Stolt, (2021), “Oral language

comprehension interventions in school-age children and adolescents: a systematic scoping review”, *Autism & Developmental Language Impairments*, 6, 1 – 24.

29. Weinert, F. E. (2001), *Defining and Selecting Key Competencies*, Hogrefe & Huber Publishers.

3. Website

30. <https://storage-vnportal.vnpt.vn/edu-vtu/4803/2023/Thongtu32/2.-chuong-trinh-mon-ngu-van.pdf> ngày truy cập: 23/12/2025.
31. <https://storage-edu.vnpt.vn/edu-vtu/4803/2023/Thongtu32/0.-thong-tu-32-2018-tt-bgddt-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pt-moi.pdf> ngày truy cập: 23/12/2025.
32. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-29-NQ-TW-nam-2013-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-dao-tao-hoi-nhap-quoc-te-212441.aspx> ngày truy cập: 23/12/2025
33. <https://taphuan.nxbgd.vn/#/> ngày truy cập: 04/01/2026.

PHỤ LỤC 1
PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NÓI CHO HỌC SINH
TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE, MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4, 5
(BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

Phiếu khảo sát này nhằm tìm hiểu thực trạng phát triển năng lực nói cho học sinh trong dạy học Nói và nghe, môn Tiếng Việt lớp 4, 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nâng cao năng lực Nói trong dạy học Nói và nghe cho học sinh lớp 4, 5. Kính mong Quý thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến về một số vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống hoặc trả lời ngắn vào chỗ chấm. Mọi thông tin mà Quý thầy (cô) cung cấp sẽ hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn!

I. THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

1. Họ và tên: Năm sinh:
2. Đơn vị công tác:
3. Hiện tại đang dạy lớp:
4. Số điện thoại:
5. Email:
6. Số năm công tác trong ngành:

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Thầy (Cô) đánh giá mức độ cần thiết của việc phát triển năng lực nói trong dạy học Nói và nghe cho học sinh lớp 4, 5 như thế nào?

- | | |
|--|--|
| ☐ Rất cần thiết | ☐ Bình thường |
| ☐ Cần thiết | ☐ Không cần thiết |

Câu 2. Thầy (Cô) đánh giá thế nào về năng lực nói trong dạy học Nói và nghe của học sinh lớp 4, 5 hiện nay?

- | | |
|-------------------------------|-------------------------------------|
| ☐ Giỏi | ☐ Trung bình |
| ☐ Khá | ☐ Yếu |

Câu 3. Thầy (Cô) đánh giá thế nào về mức độ chủ động của học sinh khi tham gia nói trước lớp trong các giờ dạy học Nói và nghe?

- | | |
|---------------------------------------|---|
| ☐ Rất chủ động | ☐ Bình thường |
| ☐ Chủ động | ☐ Không chủ động |

Câu 4. Thầy (Cô) đánh giá thế nào về mức độ tự tin của học sinh khi tham gia nói trước lớp trong các giờ dạy học Nói và nghe?

- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------------|
| ☐ Rất tự tin | ☐ Bình thường |
| ☐ Tự tin | ☐ Không tự tin |

Câu 5: Theo thầy (cô) yếu tố nào quyết định đến sự thành công của việc rèn kĩ năng nói cho HS?

- ☐ Phương pháp và kĩ năng tổ chức dạy học của giáo viên
- ☐ Mức độ tự tin và tích cực tham gia của học sinh
- ☐ Khả năng sử dụng ngôn ngữ, diễn đạt của học sinh
- ☐ Nội dung và hình thức hoạt động luyện nói
- ☐ Môi trường lớp học (cởi mở, khuyến khích học sinh phát biểu)
- ☐ Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học
- ☐ Yếu tố khác:

Câu 6: Theo thầy (cô) việc xác định mục đích nói trước khi trình bày có ý nghĩa gì trong việc dạy học Nói và nghe cho học sinh lớp 4, 5?

- ☐ Giúp nói đúng trọng tâm
- ☐ Giúp sắp xếp ý mạch lạc, logic
- ☐ Giúp lựa chọn từ ngữ phù hợp
- ☐ Giúp tự tin hơn khi trình bày bài nói
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 7: Theo thầy (cô) việc sắp xếp ý theo trình tự hợp lí khi nói có ý nghĩa gì trong việc dạy học Nói và nghe cho học sinh lớp 4, 5?

- ☐ Giúp bài nói rõ ràng, mạch lạc
- ☐ Rèn tư duy logic cho học sinh
- ☐ Giúp người nghe dễ tiếp nhận nội dung
- ☐ Tăng sự tự tin khi trình bày
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 8: Theo thầy (cô) việc sử dụng từ ngữ, câu nói phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp khi nói có ý nghĩa gì trong việc dạy học Nói và nghe cho học sinh lớp 4, 5?

- ☐ Giúp lời nói phù hợp hoàn cảnh và đối tượng
- ☐ Giúp học sinh diễn đạt chính xác, dễ hiểu
- ☐ Rèn ý thức điều chỉnh lời nói khi giao tiếp

- ☐ Phát triển vốn từ và năng lực diễn đạt
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 9: Những khó khăn mà thầy (cô) gặp trong quá trình rèn luyện năng lực nói cho học sinh lớp 4, 5 trong dạy học Nói và nghe?

- ☐ Học sinh ngại nói, thiếu tự tin
- ☐ Vốn từ và khả năng diễn đạt của học sinh còn hạn chế
- ☐ Chưa tổ chức được nhiều hoạt động trong dạy học Nói và nghe
- ☐ Thời lượng tiết học còn hạn chế, nhiều học sinh chưa được thể hiện bài nói
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 10: Thầy (cô) thường sử dụng những hình thức/biện pháp nào trong hoạt động trước khi nói nhằm góp phần phát triển năng lực nói cho học sinh?

- ☐ Giới thiệu bài nói mẫu
- ☐ Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động quan sát, trải nghiệm thực tế
- ☐ Tổ chức thảo luận nhóm, tranh luận, bày tỏ và phản hồi ý kiến về nội dung định nói
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 11: Thầy (cô) thường sử dụng những hình thức/ biện pháp nào trong hoạt động nói của học sinh?

- ☐ Cho HS luyện nói trong nhóm
- ☐ Cho HS luyện nói cá nhân trước lớp
- ☐ Sử dụng tranh ảnh, tình huống gợi ý để học sinh luyện nói
- ☐ Kết hợp các hình thức trên
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 12: Thầy (cô) thường sử dụng những hình thức/biện pháp nào sau khi luyện nói để phát triển năng lực nói cho học sinh?

- ☐ Nhận xét, góp ý và sửa lỗi cho bài nói của HS
- ☐ Cho HS nhận xét, đánh giá phần nói của bạn
- ☐ Động viên, khích lệ HS
- ☐ Tổng kết, rút kinh nghiệm và củng cố nội dung đã luyện nói
- ☐ Kết hợp các hình thức trên
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 13: Thầy (cô) đánh giá thế nào về mức độ hiệu quả các biện pháp đang sử dụng?

☐ Rất hiệu quả

☐ Ít hiệu quả

☐ Hiệu quả

☐ Không hiệu quả

Câu 14: Theo thầy (cô), học sinh đã đạt được những kĩ năng nào dưới đây khi thầy cô sử dụng các biện pháp/hình thức trên?

☐ Xác định đúng mục đích nói

☐ Sắp xếp ý của bài nói theo trình tự hợp lí

☐ Sử dụng từ ngữ, câu nói phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp

☐ Có thái độ, cử chỉ điệu bộ hợp lí khi nói

☐ Biết lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn

☐ Ý kiến khác:.....

Câu 15: Thầy (cô) thường sử dụng hình thức nào để đánh giá năng lực nói của học sinh?

☐ Quan sát trong giờ học

☐ Nhận xét bằng lời

☐ Phiếu tiêu chí/ rubric

☐ Ý kiến khác:.....

Câu 16: Theo thầy (cô), ưu thế về năng lực nói của học sinh lớp 4, 5 là gì?

☐ HS bắt đầu có nhiều vốn từ và hiểu biết thực tế phong phú

☐ HS biết diễn đạt ý kiến cá nhân bằng câu tương đối đầy đủ

☐ HS có khả năng giao tiếp, trao đổi trong học tập và sinh hoạt

☐ HS mạnh dạn hơn khi nói trước tập thể so với HS các lớp dưới

☐ HS biết lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn

☐ HS có khả năng tham gia thảo luận nhóm, đóng vai, trình bày ý kiến

☐ Ý kiến khác:.....

Câu 17: Theo thầy (cô), hạn chế về năng lực nói của học sinh lớp 4, 5 là gì?

☐ HS chưa biết cách xác định rõ mục đích trước khi nói

☐ HS trình bày bài nói còn lan man, chưa đúng trọng tâm

☐ HS còn gặp khó khăn trong sắp xếp trình tự các ý khi nói

☐ HS còn hạn chế về vốn từ

☐ HS chưa biết cách lựa chọn từ ngữ phù hợp khi nói

☐ HS chưa biết cách diễn đạt câu cho phù hợp

☐ HS chưa biết điều chỉnh giọng nói, âm lượng, tốc độ phù hợp khi nói

☐ HS chưa biết cách thể hiện cử chỉ, điệu bộ phù hợp khi nói

- ☐ HS còn thiếu tự tin khi nói trước lớp
- ☐ HS chưa biết lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn
- ☐ Ý kiến khác.....

Câu 18: Các tài liệu tham khảo thầy (cô) sử dụng phục vụ cho việc phát triển năng lực nói trong dạy học Nói và nghe cho học sinh lớp 4, 5 là gì?

.....

.....

.....

.....

Câu 19: Thầy (cô) có đề xuất gì để nâng cao hiệu quả năng lực nói trong dạy học Nói và nghe cho học sinh lớp 4, 5?

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Thầy (cô)!

PHỤ LỤC 2
PHIẾU KHẢO SÁT
(Dành cho HS lớp 4)

Họ và tên:.....

Lớp:.....

Trường:.....

I. KHẢO SÁT VỀ NĂNG LỰC NÓI CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE

Câu 1: Em có hứng thú khi tham gia giờ học Nói và nghe, môn Tiếng Việt không?

☐ Rất hứng thú

☐ Hứng thú

☐ Bình thường

☐ Không hứng thú

Câu 2: Điều khiến em không hứng thú hoặc hứng thú với giờ học Nói và nghe là gì?

(Nếu em chọn “Không hứng thú” ở câu 1, hãy trả lời ý a.)

(Nếu em chọn các đáp án khác ở câu 1, hãy trả lời ý b.)

a.

☐ Em ngại nói trước lớp

☐ Em chưa biết nói gì hoặc nói như nào

☐ Em gặp khó khăn trong việc sắp xếp ý khi nói

☐ Em thiếu từ ngữ để diễn đạt ý

☐ Giờ học chưa có nhiều hoạt động nói hấp dẫn

☐ Ý kiến khác:.....

b.

☐ Được nói theo nhóm nhỏ, cặp đôi

☐ Được nói theo tranh ảnh, video hoặc tình huống

☐ Được thầy (cô) hướng dẫn cách nói trước khi trình bày

☐ Được nghe bạn nói và trao đổi ý kiến

☐ Ý kiến khác:.....

Câu 3: Qua các giờ học Nói và nghe, em đã được rèn luyện những kĩ năng nào?

☐ Kĩ năng xác định mục đích nói

☐ Kĩ năng sắp xếp ý theo trình tự hợp lí khi nói

☐ Kĩ năng sử dụng từ ngữ, câu nói phù hợp

☐ Kĩ năng sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp khi nói

☐ Kĩ năng lắng nghe và phản hồi ý kiến bạn

☐ Ý kiến khác:.....

Câu 4: Em thường gặp những khó khăn nào khi tham gia hoạt động Nói và nghe?

- ☐ Thiếu tự tin khi nói trước lớp
- ☐ Dễ quên ý khi đang nói
- ☐ Chưa nói rõ ràng, mạch lạc
- ☐ Chưa biết cách đặt câu hỏi hoặc phản hồi ý kiến của bạn
- ☐ Chưa biết thể hiện cảm xúc, thái độ khi nói
- ☐ Khó lắng nghe và ghi nhớ ý của bạn khi bạn nói
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 5: Khi chuẩn bị nói trước lớp, em thường thực hiện những việc làm nào?

(Hãy đánh số thứ tự theo trình tự em lựa chọn)

- ☐ Xác định nội dung và mục đích nói.
- ☐ Nghĩ và sắp xếp các ý sẽ nói.
- ☐ Chuẩn bị từ ngữ, cách nói.
- ☐ Nói thử trong đầu hoặc với bạn.

Câu 6: Khi luyện nói trước lớp, em thường thực hiện những việc nào?

- ☐ Giới thiệu ngắn gọn nội dung mình sẽ nói
- ☐ Sắp xếp và nối các ý cho phù hợp
- ☐ Dùng từ ngữ rõ ràng, dễ hiểu
- ☐ Thể hiện cảm xúc, thái độ khi nói
- ☐ Nhìn về phía bạn bè và thầy (cô) khi nói
- ☐ Lắng nghe khi bạn khác nói
- ☐ Ý kiến khác:

Câu 7: Sau khi luyện nói trước lớp, em thường thực hiện những việc nào?

- ☐ Lắng nghe nhận xét của thầy (cô)
- ☐ Lắng nghe ý kiến góp ý của các bạn
- ☐ Suy nghĩ lại phần nói của mình
- ☐ Sửa lại những chỗ nói chưa rõ
- ☐ Học hỏi cách nói hay của các bạn
- ☐ Bổ sung thêm ý cho phần nói của mình
- ☐ Không làm gì thêm sau khi nói
- ☐ Ý kiến khác:

Câu 8: Em mong muốn thầy (cô) tổ chức thêm những hoạt động nào để giúp em nói tốt hơn?

- ☐ Thảo luận nhóm, trao đổi ý kiến
- ☐ Nói theo tranh ảnh, video, tình huống
- ☐ Đóng vai, kể chuyện, trình bày ý kiến cá nhân
- ☐ Được hướng dẫn lập ý trước khi nói
- ☐ Lập sơ đồ tư duy trước khi nói
- ☐ Ý kiến khác:.....

II. BÀI KIỂM TRA (ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NÓI TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE)

Hãy giới thiệu một tấm gương sáng trong học tập hoặc trong cuộc sống mà em biết..

Cảm ơn sự hợp tác, hỗ trợ của các em!

PHỤ LỤC 3
PHIẾU KHẢO SÁT
(Dành cho HS lớp 5)

Họ và tên:.....

Lớp:.....

Trường:.....

I. KHẢO SÁT VỀ NĂNG LỰC NÓI CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE

Câu 1: Em có hứng thú khi tham gia giờ học Nói và nghe, môn Tiếng Việt không?

☐ Rất hứng thú

☐ Hứng thú

☐ Bình thường

☐ Không hứng thú

Câu 2: Điều khiến em không hứng thú hoặc hứng thú với giờ học Nói và nghe là gì?

(Nếu em chọn “Không hứng thú” ở câu 1, hãy trả lời ý a.)

(Nếu em chọn các đáp án khác ở câu 1, hãy trả lời ý b.)

a.

☐ Em ngại nói trước lớp

☐ Em chưa biết nói gì hoặc nói như nào

☐ Em gặp khó khăn trong việc sắp xếp ý khi nói

☐ Em thiếu từ ngữ để diễn đạt ý

☐ Giờ học chưa có nhiều hoạt động nói hấp dẫn

☐ Ý kiến khác:.....

b.

☐ Được nói theo nhóm nhỏ, cặp đôi

☐ Được nói theo tranh ảnh, video hoặc tình huống

☐ Được thầy (cô) hướng dẫn cách nói trước khi trình bày

☐ Được nghe bạn nói và trao đổi ý kiến

☐ Ý kiến khác:.....

Câu 3: Qua các giờ học Nói và nghe, em đã được rèn luyện những kĩ năng nào?

☐ Kĩ năng xác định mục đích nói

☐ Kĩ năng sắp xếp ý theo trình tự hợp lí khi nói

☐ Kĩ năng sử dụng từ ngữ, câu nói phù hợp

☐ Kĩ năng sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp khi nói

☐ Kĩ năng lắng nghe và phản hồi ý kiến bạn

☐ Ý kiến khác:.....

Câu 4: Em thường gặp những khó khăn nào khi tham gia hoạt động Nói và nghe?

- ☐ Thiếu tự tin khi nói trước lớp
- ☐ Dễ quên ý khi đang nói
- ☐ Chưa nói rõ ràng, mạch lạc
- ☐ Chưa biết cách đặt câu hỏi hoặc phản hồi ý kiến của bạn
- ☐ Chưa biết thể hiện cảm xúc, thái độ khi nói
- ☐ Khó lắng nghe và ghi nhớ ý của bạn khi bạn nói
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 5: Khi chuẩn bị nói trước lớp, em thường thực hiện những việc làm nào?

(Hãy đánh số thứ tự theo trình tự em lựa chọn)

- ☐ Xác định nội dung và mục đích nói.
- ☐ Nghĩ và sắp xếp các ý sẽ nói.
- ☐ Chuẩn bị từ ngữ, cách nói.
- ☐ Nói thử trong đầu hoặc với bạn.

Câu 6: Khi luyện nói trước lớp, em thường thực hiện những việc nào?

- ☐ Giới thiệu ngắn gọn nội dung mình sẽ nói
- ☐ Sắp xếp và nối các ý cho phù hợp
- ☐ Dùng từ ngữ rõ ràng, dễ hiểu
- ☐ Thể hiện cảm xúc, thái độ khi nói
- ☐ Nhìn về phía bạn bè và thầy (cô) khi nói
- ☐ Lắng nghe khi bạn khác nói
- ☐ Ý kiến khác:

Câu 7: Sau khi luyện nói trước lớp, em thường thực hiện những việc nào?

- ☐ Lắng nghe nhận xét của thầy (cô)
- ☐ Lắng nghe ý kiến góp ý của các bạn
- ☐ Suy nghĩ lại phần nói của mình
- ☐ Sửa lại những chỗ nói chưa rõ
- ☐ Học hỏi cách nói hay của các bạn
- ☐ Bổ sung thêm ý cho phần nói của mình
- ☐ Không làm gì thêm sau khi nói
- ☐ Ý kiến khác:

Câu 8: Em mong muốn thầy (cô) tổ chức thêm những hoạt động nào để giúp em nói tốt hơn?

- ☐ Thảo luận nhóm, trao đổi ý kiến
- ☐ Nói theo tranh ảnh, video, tình huống
- ☐ Đóng vai, kể chuyện, trình bày ý kiến cá nhân
- ☐ Được hướng dẫn lập ý trước khi nói
- ☐ Lập sơ đồ tư duy trước khi nói
- ☐ Ý kiến khác:.....

II. BÀI KIỂM TRA (ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NÓI TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE)

Em hãy giới thiệu một địa điểm tham quan du lịch mà em biết.

Cảm ơn sự hợp tác, hỗ trợ của các em!

PHỤ LỤC 4

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA NÓI

Đề 1: Hãy giới thiệu một tấm gương sáng trong học tập hoặc trong cuộc sống mà em biết (Dành cho HS lớp 4).

Đề 2: Em hãy giới thiệu một địa điểm tham quan du lịch mà em biết (Dành cho HS lớp 5).

Tiêu chí		Nội dung cụ thể	Điểm
1. Hình thức	a. Bố cục bài nói	- Bố cục gồm 3 phần: Mở đầu – Nội dung – Kết luận. - Trình bày theo trình tự hợp lí, có liên kết giữa các ý.	1.5
	b. Khả năng diễn đạt	- Nói rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với nội dung giao tiếp. - Biết sử dụng ngữ điệu, ánh mắt, nét mặt hoặc cử chỉ hỗ trợ khi nói.	1.5
	c. Thái độ và tương tác	- Tự tin, mạnh dạn khi trình bày. - Biết lắng nghe và phản hồi câu hỏi hoặc ý kiến của GV, bạn bè.	1.0
2. Nội dung	d. Xác định đối tượng của bài nói	- Đề 1: Giới thiệu đúng một tấm gương sáng trong học tập hoặc trong cuộc sống; nêu được đặc điểm, việc làm hoặc phẩm chất nổi bật. - Đề 2: Giới thiệu đúng một địa điểm tham quan du lịch; nêu được đặc điểm nổi bật của địa điểm đó.	2.0
	e. Triển khai nội dung bài nói	- Trình bày được các ý cơ bản, nội dung tương đối đầy đủ và phù hợp với đề bài.	2.0
		- Biết nêu cảm nghĩ hoặc ấn tượng của bản thân về đối tượng được giới thiệu.	1.0
	f. Sáng tạo	- Nội dung trình bày sinh động, tạo hứng thú cho người nghe.	1,0
TỔNG			10